

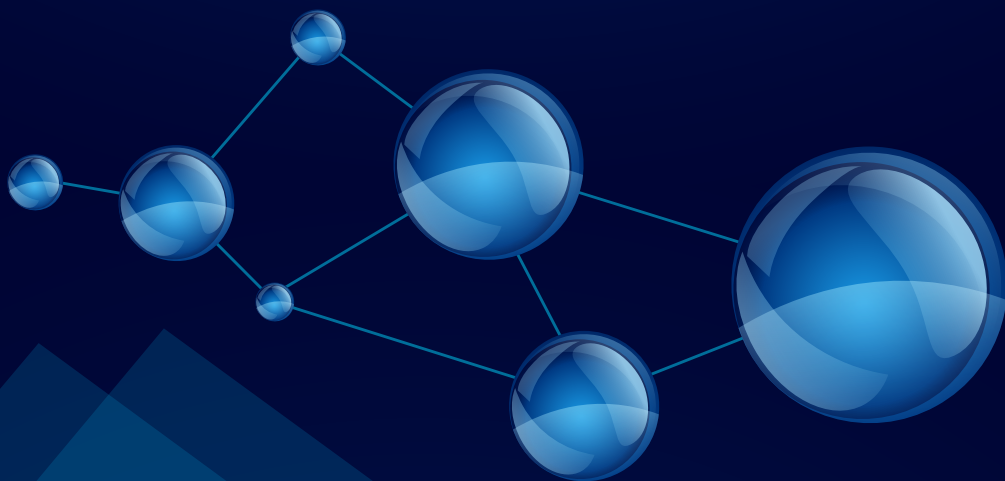


CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM  
Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM  
(08) 3829 6620 - (08) 3822 5373  
[www.sochemvn.com](http://www.sochemvn.com)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



## THÔNG DIỆP HĐQT

### **Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác!**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn thì năm 2015 Việt Nam được đánh giá là điểm sáng hiếm hoi của khu vực châu Á khi đạt tốc độ tăng trưởng ổn định, lạm phát được kiểm chế ở mức thấp. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh cũng đang dần được cải thiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển với việc đàm phán và ký kết thành công nhiều hiệp định FTA và tham gia AEC. Nhiều văn bản luật cũng được điều chỉnh, sửa đổi phù hợp với sự hội nhập ngày một sâu rộng của Việt Nam vào thị trường thế giới. Tuy nhiên, ở một góc nhìn khác, tốc độ tái cơ cấu còn chậm và sức cầu chưa được cải thiện rõ rệt đã gây không ít bất lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay và tiêu thụ thành phẩm. Tâm lý đầu tư trở nên e dè do ảnh hưởng từ những biến động của thị trường Trung Quốc cũng như giá dầu và tình trạng bất ổn ở nhiều nơi trên thế giới.

Giữa những thuận lợi và khó khăn chung, bản thân Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam đã không ngừng nỗ lực đầu tư xây dựng, cải tiến dây chuyền công nghệ, tăng cường hiệu quả quản lý và đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng nhằm khai thác tối đa những điều kiện sẵn có, nâng cao quy mô và hiệu quả sản xuất của Công ty. Kết thúc năm 2015, doanh thu thuần của công ty đạt 1.546 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ đạt 133 tỷ đồng, lần lượt vượt 7,76% và 15,97% so với kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, công ty cũng tích cực lập, triển khai phương án di dời 3 Nhà máy nằm trong KCN Biên Hòa 1 để chuẩn bị sẵn sàng thực hiện di dời theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 03 năm 2015, cổ phiếu của công ty đã được niêm yết trên sàn HOSE, đây là một bước tiến lớn để công ty tiếp cận nhiều hơn với các nhà đầu tư, mở rộng kênh đầu tư vốn, tạo sự chủ động hơn cho công ty trong việc đầu tư máy móc thiết bị, phát triển cơ sở hạ tầng cũng như sẵn sàng cho các kế hoạch mở rộng và phát triển.

Năm 2016 được dự báo sẽ là một năm tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Hiệp định TPP được ký kết tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài; thể chế kinh tế thị trường đang dần được hoàn thiện với việc cải thiện dần môi trường kinh doanh; lạm phát tiếp tục được kiểm soát... đây sẽ là những yếu tố giúp doanh nghiệp định hình chiến lược tăng trưởng, cải thiện năng suất tổng thể của nền kinh tế. Song bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh đang ngày một trở nên gay gắt trong bối cảnh hội nhập, cộng với việc hàng giả, hàng kém chất lượng tràn lan trên thị trường đã ảnh hưởng không ít đến kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam đặt mục tiêu tiếp tục ổn định sản xuất, phát huy tối đa công suất các nhà máy để phục vụ tốt nhất cho nhu cầu hóa chất trong năm. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu vào, tìm kiếm mở rộng thị trường và chăm sóc khách hàng chu đáo cũng sẽ được đẩy mạnh nhằm củng cố vững chắc uy tín, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho công ty.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ nhiệt tình của Lãnh đạo các cấp và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; sự đoàn kết nỗ lực của toàn thể CBCNV; sự gắn bó lâu dài của các Quý Khách hàng và Đối tác; đặc biệt là sự ủng hộ, tin tưởng của Quý Cổ đông trên mỗi chặng đường phát triển của Công ty. Trong thời gian tới, Ban Lãnh đạo sẽ nỗ lực hết sức mình để tiếp tục đưa công ty đến những thành công mới, xứng đáng với sự tin tưởng của Quý vị.

**Trân trọng,  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

## NỘI DUNG BÁO CÁO

### **THÔNG TIN CHUNG**

**03**

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

### **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**21**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**45**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**59**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**71**

Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**85**

Ý kiến kiểm toán  
Báo cáo tài chính được kiểm toán





# THÔNG TIN CHUNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

Tên Tiếng Anh	: SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số	: 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 02/01/2014, cấp lần đầu ngày 24/09/2003.
Vốn điều lệ	: 442.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 442.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	: Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	: (08) 3829 6620 – 3822 5373
Fax	: (08) 3824 3166
Website	: <a href="http://sochemvn.com">http://sochemvn.com</a>
Mã cổ phiếu	: CSV

## 2006 đến nay

**Công ty bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, duy trì mức tăng trưởng tốt. Hoạt động đầu tư được đẩy mạnh một cách toàn diện nhằm khai thác tối đa lợi thế của công ty.**

Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam thành công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện việc cổ phần hóa và hoàn tất việc tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ là 442 tỷ đồng.

## 1986 – 1996

**Mở đầu công cuộc đổi mới đất nước, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng đều đặn, thị trường ngày càng mở rộng.**

Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CNNg/TC về việc thành lập lại Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

## 1996 – 2006

**Vị thế công ty được nâng cao rõ rệt nhờ thành quả đạt được trong toàn bộ các lĩnh vực hoạt động.**

Từ ngày 01/01/2001, Công ty được Chính phủ công nhận trở thành doanh nghiệp Nhà nước hạng I.

Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 11/07/2003 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 138/2003/QĐ-TTg về việc chuyển đổi Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam - nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

## 1976 – 1985

**Công ty tập trung mọi nỗ lực để duy trì và ổn định sản xuất nhằm phục vụ yêu cầu cấp bách của nền kinh tế theo những chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.**

Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hóa Chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa Chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa Chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa Chất Thủ Đức.

## NHỮNG THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng cải tiến tư duy và công nghệ, nâng cao dịch vụ để luôn phát triển và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, hướng tới môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn và chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các sản phẩm hóa chất vô cơ cơ bản của công ty luôn có chất lượng cao, giá cả phù hợp và thân thiện với môi trường, được khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó, công ty còn được các cấp chính quyền ghi nhận những đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước với nhiều bằng khen và huân chương cao quý:



Năm 2003

Công đoàn Công ty được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho Thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 đến năm 2002



Năm 2006

Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho Thành tích trong công tác từ năm 2003 đến năm 2005



Năm 2004

Công ty được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì cho Thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 đến năm 2003

### Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam có thể được chia thành 03 nhóm chính:

- Hoạt động Sản xuất, Chế tạo: Đây là loại hình kinh doanh chủ yếu của công ty, bao gồm Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm; Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- Hoạt động Buôn bán: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm khai khoáng và thiết kế chuyên dụng: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite; Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

### Địa bàn kinh doanh

Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh. Hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.





## Sản phẩm tiêu biểu

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh hóa chất vô cơ cơ bản với hơn 40 chủng loại sản phẩm. Xét về mặt giá trị sử dụng có thể chia ra thành 3 nhóm như sau

### Hóa chất vô cơ cơ bản

Natri silicat các loại;  
Xút (NaOH) 20%-32%-45%-50%;  
Clor lỏng ( $\text{Cl}_2$ ); Phốtpho vàng ( $\text{P}_4$ );  
Axít Clohydric (HCl) 20%-32%-35%;  
Axít Sunfuric ( $\text{H}_2\text{SO}_4$ ) 50%-98%;  
Nhôm hydroxyt ( $\text{Al}(\text{OH})_3$ );  
Axít Phốtphoric ( $\text{H}_3\text{PO}_4$ ).

### Hóa chất xử lý nước

Poly Aluminium Chloride –  
PAC 10%-17%;  
Phèn Nhôm sunfat 7%-15%-17%;  
Javel-Natri Hypoclorit (NaOCl);  
Dung dịch Sắt III Clorua  
( $\text{FeCl}_3$ ) 38%-45%.

### Các loại muối và hóa chất khác

Natri Phốtphát ( $\text{Na}_3\text{PO}_4$ );  
Natri Dihydrôphốtphát ( $\text{NaH}_2\text{PO}_4$ );  
Diammonium Phốtphát –  
( $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$ );  
Monoammonium Phốtphát – MAP  
( $(\text{NH}_4)\text{H}_2\text{PO}_4$ );  
Magie Sunphat ( $\text{MgSO}_4$ );  
Natri Silicate các loại;  
Canxi Clorua ( $\text{CaCl}_2$ ).





### **Axit Sunfuric kỹ thuật**

Dùng rộng rãi trong các ngành công nghiệp như sản xuất phèn lọc nước, ắc quy, luyện kim, chất tẩy rửa, chế biến dầu mỏ, phân bón, các sản phẩm gốc sunfat.



### **Axit Sunfuric tinh khiết**

Dùng trong phòng thí nghiệm, công nghệ điện tử và sản xuất các sản phẩm chất lượng cao



### **Poly Aluminium Chloride**

Dùng trong công nghệ xử lý nước sinh hoạt, nước thải công nghiệp, công nghiệp sản xuất giấy, dầu khí



### **Nhôm sunfat lỏng và rắn**

Dùng trong ngành sản xuất giấy, lọc nước, dược phẩm



### **Mono Kali Photphat - MKP**

Dùng lên men vi sinh trong sản xuất bột ngọt, men bánh mì, dùng làm phân bón vi lượng



### **Axit Phốtphoric – H3PO4**

Dùng trong công nghệ tẩy rửa, xi mạ. Nguyên liệu sản xuất phân bón, thủy tinh, gạch men, xử lý nước...

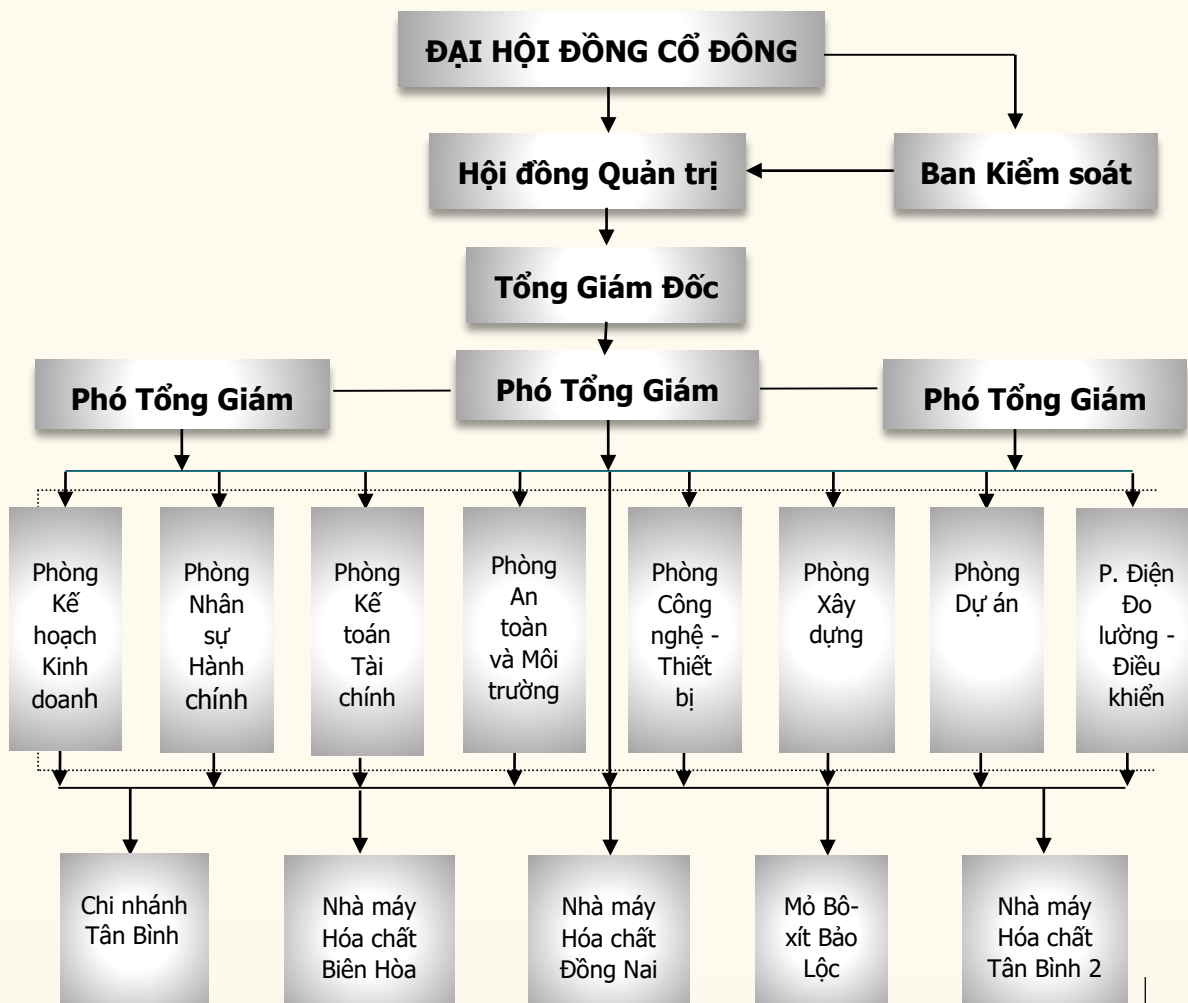


**Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Các văn bản pháp luật chi phối bao gồm: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty.

- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- **Ban Tổng giám đốc:** Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
- **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHQĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Bộ máy quản lý**



## Bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, 08 phòng ban chức năng, và 05 đơn vị trực thuộc.

- **Tổng Giám đốc** thực hiện các kế hoạch, các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua; chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật.
- **Phó Tổng Giám đốc** là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; chủ động giải quyết các công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ.
- **Các phòng ban** thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phòng Nhân sự Hành chính, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng An toàn và Môi trường, Phòng Công nghệ - Thiết bị, Phòng Xây dựng, Phòng Dự án và Phòng Điện – Đo lường – Điều khiển.
- **Công ty hiện có 05 đơn vị trực thuộc**, bao gồm: Chi nhánh Tân Bình, Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Mỏ Bô-xít Bảo Lộc và Nhà máy hóa chất Tân Bình 2.

## Các công ty con, công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty Cổ phần hóa chất Cơ bản Miền Nam có một công ty con và không có công ty liên kết.

Chi tiết về công ty con của công ty như sau:

### CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐTPHO VIỆT NAM

---

Địa chỉ : KCN Công nghiệp Tăng Loàng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

---

Điện thoại : (020) 3863488 – 3863161

---

Vốn điều lệ : 60.487.200.000 đồng

---

Vốn điều lệ thực góp : 60.487.200.000 đồng

---

Tỷ lệ góp vốn : 65,05%

---

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính : Sản xuất Phốtpho vàng (P<sub>4</sub>)

---

### Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày càng tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Trên nền tảng phát triển ổn định của hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty sẽ cân nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- **Chiến lược thị trường:** Khai thác thị trường theo chiều rộng (phát triển mạng lưới đại lý, mạng lưới phân phối đối với những sản phẩm hiện có) và chiều sâu (phát triển thêm khách hàng ở thị phần hiện tại);
- **Chiến lược sản phẩm:** Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để sản xuất ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
- **Tạo sự khác biệt thông qua năng lực cốt lõi:** Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO về môi trường.

### Các chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và đảm bảo chất lượng sản phẩm với mục tiêu tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường về các sản phẩm hóa chất cơ bản. Đây là nhóm sản phẩm có nhiều lợi thế, do đó công ty phát triển xu hướng tăng dần tỷ trọng các sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu. Đây cũng là định hướng chung của ngành công nghiệp hóa chất.

Quan điểm phát triển ngành theo Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/09/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020 đó là:

- Phát triển công nghiệp hóa chất một cách bền vững, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội của đất nước.
- Phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài đối với các công trình có nhu cầu vốn lớn, đòi hỏi công nghệ cao mà trong nước chưa đáp ứng được; phát huy tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.
- Đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, bảo đảm môi trường sinh thái.

Với lợi thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam và có định hướng đầu tư mở rộng, tập trung phát triển các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam đang phát triển đúng định hướng của Chính phủ về phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất.

## Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty

### ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN VIÊN

Nhân lực là nguồn chủ đạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển của công ty. Với ý thức rằng trong bất cứ tập thể nào, người lao động sẽ cống hiến hết mình nếu công sức của họ được tôn trọng và ghi nhận một cách xứng đáng, Công ty luôn chú trọng và khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân một. Lĩnh vực hóa chất với yêu cầu khắt khe về mặt an toàn kỹ thuật thì năng lực của người lao động là điều kiện cần thiết. Bên cạnh đó, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động luôn được công ty đặc biệt quan tâm. Tiền lương của công nhân luôn được trả đúng hạn, đi kèm theo đó là khoản tiền thưởng thêm, những phần quà thăm hỏi vào các dịp Lễ, Tết, trợ cấp khi ốm đau, tai nạn nghề nghiệp. Công ty cũng thường xuyên tổ chức và phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao, phong trào thi đua sản xuất nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, cạnh tranh lành mạnh, góp phần vào sự tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn công ty.

### ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn theo đuổi mục tiêu vì một môi trường trong sạch và an toàn hơn cho tất cả mọi người. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và vấn đề sức khỏe cho cộng đồng liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm hóa chất, công ty đã không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, giảm thiểu các chất thải phát sinh, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người sản xuất hóa chất.

Có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng là cam kết hàng đầu mà Công ty luôn tuân thủ. Cụ thể, công ty luôn cung cấp đầy đủ thông tin hóa chất, cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất cho khách hàng ngay khi giao hóa chất, hỗ trợ khách hàng phòng ngừa và xử lý sự cố liên quan đến các hóa chất, hỗ trợ thiết kế, lắp đặt và hướng dẫn vận hành kho hóa chất bảo đảm kiểm soát an toàn, ngăn ngừa rủi ro, phòng tránh sự cố tai nạn, bệnh nghề nghiệp có thể gây tổn thất sản xuất, thiệt hại tài sản và tác động xấu đến môi trường, công ty.

## ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC

Mục tiêu của công ty là luôn mang đến sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của công ty. Với đặc thù kinh doanh hóa chất, sự an toàn cho khách hàng là ưu tiên hàng đầu của công ty. Do vậy, CSV đã tiến hành lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm, đồng thời phổ biến cách sử dụng, bảo quản và những lưu ý cần thiết nhằm hỗ trợ khách hàng sử dụng hiệu quả sản phẩm và giảm thiểu tối đa thiệt hại. Bên cạnh đó, công ty cũng đầu tư nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, tạo ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng. Khiếu nại gửi đến công ty luôn được xem xét, theo dõi và có biện pháp khắc phục phù hợp. Từ đó giữ vững mối quan hệ với các đối tác, tạo điều kiện phát triển mạng lưới khách hàng tiềm năng, mạng lưới tiêu thụ của công ty.

## ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên luôn xác định rõ mục tiêu dài hạn là sự phát triển bền vững của công ty cũng như tối ưu hóa giá trị cho các cổ đông. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động. Nhằm đảm bảo cổ đông được cung cấp thông tin công khai và minh bạch theo quy định, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, những thông tin liên quan đến Công ty được trình bày trên trang web Công ty tại địa chỉ: <http://www.sochemvn.com/>

## ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Đối với công ty, hoạt động xã hội và những cống hiến cho cộng đồng hoàn toàn không nhằm mục đích đánh bóng tên tuổi mà xuất phát từ ý thức của một tập thể có trách nhiệm muốn đóng góp một phần vào sự phát triển phồn vinh của đất nước. Xây dựng và phát triển tinh thần trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng cũng là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tham gia, tài trợ cho các hoạt động xã hội, từ thiện, Công ty mong muốn xây dựng nét văn hóa hướng thiện, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần, tạo sự gắn bó và đoàn kết trong toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, vì mục tiêu ổn định và phát triển lâu dài.

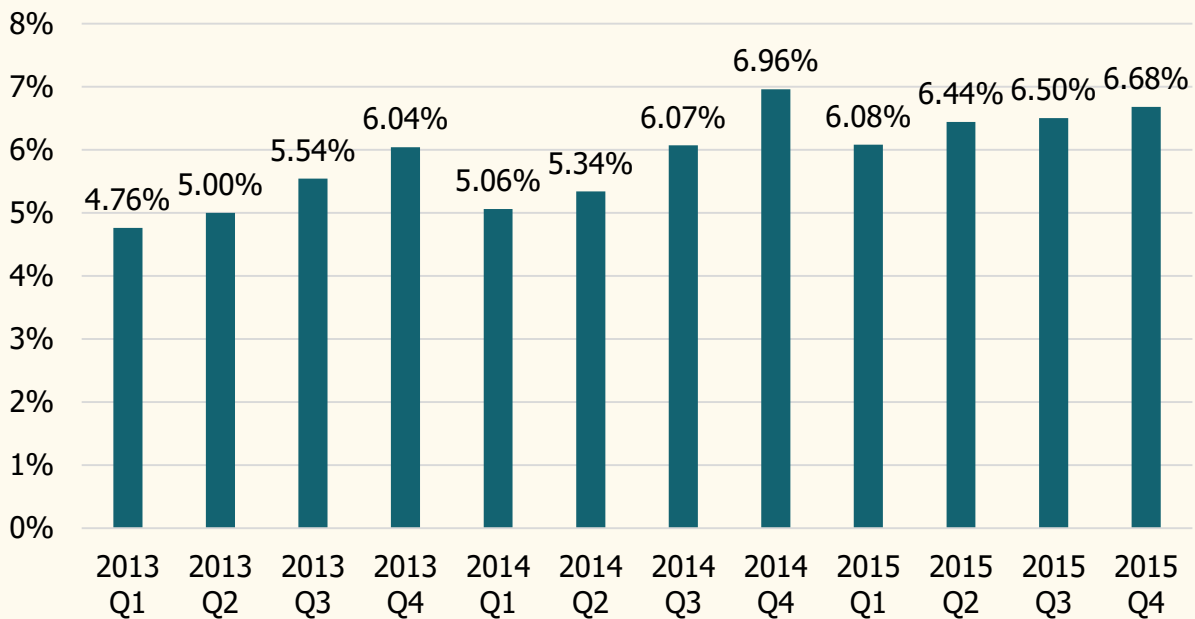
### Rủi ro kinh tế

Mỗi một doanh nghiệp đều đóng một vai trò quan trọng nhất định trong sự ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế. Ngược lại, các nhân tố kinh tế cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái cũng có những tác động không nhỏ đến quá trình vận hành của doanh nghiệp. Sự biến động của những nhân tố này theo hướng tích cực hay tiêu cực đều dẫn đến những rủi ro tiềm tàng nhất định, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Nắm bắt những biến động này nhằm đề ra biện pháp ứng phó phù hợp là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

#### Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam đang có xu hướng phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng ổn định.

#### TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP THEO QUÝ



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành công nghiệp, có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình hình kinh tế được cải thiện có tác động tích cực đến các ngành kinh tế, riêng đối với ngành hóa chất, nhu cầu hóa chất trong công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng đều tăng và do đó tạo lực đẩy đối với tình hình hoạt động của Công ty. Đây là thời điểm mà Công ty cần đề ra những chính sách phát triển đúng đắn nhằm tối đa hóa những lợi thế sẵn có, kết hợp với những thuận lợi từ bên ngoài, nghiên cứu nâng cao chất lượng sản xuất và quy trình tiêu thụ sản phẩm, từ đó ổn định sản xuất, tăng trưởng lợi nhuận và nâng cao vị thế trong ngành.



## Tỷ lệ lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố hàng đầu luôn gây sức ép không nhỏ đối với doanh nghiệp. Theo số liệu Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2015 chỉ tăng 0,63% so với năm 2014. Như vậy, năm 2015 được ghi nhận là năm có tỷ lệ lạm phát đạt mức thấp nhất trong vòng 14 năm qua, thấp hơn rất nhiều so với mức mục tiêu 5% của Quốc hội đề ra. Lạm phát ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực, kích thích sản xuất kinh doanh phát triển và tạo điều kiện cho giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý được tính đầy đủ theo cơ chế thị trường. Tuy nhiên, khi nhìn ở một góc độ khác, các yếu tố chi phí đẩy như tỷ giá, giá điện, giá dịch vụ y tế đều có dấu hiệu tăng trong năm, đóng góp vào mức tăng của CPI. Từ đó có thể thấy tình hình lạm phát thấp như hiện nay là do cầu còn yếu. Trong tương lai, khi Nhà nước có những biện pháp kích cầu thì tình hình lạm phát sẽ có tăng cao. Kích cầu tạo ra tâm lý chủ động hơn trong tiêu dùng, đẩy vòng quay kinh tế vận hành tốt hơn, nhưng mặt khác cũng sẽ đẩy mức lạm phát tăng lên cao hơn hiện nay. Khi đó, giá cả nguyên vật liệu đầu vào, mặt bằng lãi suất và các chi phí sản xuất, buôn bán sản phẩm dịch vụ cũng chịu sức ép không nhỏ, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, bao gồm Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

## Lãi suất

Lãi suất là yếu tố quan trọng xác định chi phí sử dụng vốn của Doanh nghiệp. Rủi ro biến động lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu đến từ các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt bằng lãi suất trong thời gian gần đây luôn được kiểm soát ở mức thấp, đây là một tín hiệu đáng mừng. Những năm gần đây, tỷ trọng nợ vay của CSV dao động trong khoảng 15-30% tổng tài sản và đang có xu hướng giảm dần. Đây cũng là dấu hiệu tốt khi công ty đang giảm thiểu được áp lực chi phí lãi vay. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhằm giảm thiểu các rủi ro này, công ty luôn theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường, các yếu tố vĩ mô có liên quan nhằm dự đoán tỷ lệ lãi suất và xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục tiêu vay vốn đầu tư. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được đẩy mạnh nhằm tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối sản xuất và tiêu thụ nhằm giảm thiểu tối đa áp lực đối với vốn lưu động.

## Tỷ giá hối đoái

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ như USD và EUR, do đó sẽ chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty tiến hành xem xét thị trường hiện hành và lập kế hoạch dự kiến cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ, theo dõi sát những biến động của tỷ giá để thực hiện các giao dịch một cách kỹ lưỡng nhằm hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.





## Rủi ro đặc thù ngành

### Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí cho nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi phí của Công ty. Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của CSV bao gồm: muối công nghiệp, cát trắng, lưu huỳnh, phốt pho vàng, điện,  $BaCl_2 \cdot 2H_2O$  ... Trong đó cát trắng, phốt pho vàng là những nguyên liệu trong nước sẵn có không phải nhập khẩu, hầu hết muối công nghiệp được nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng với lưu huỳnh và  $BaCl_2 \cdot 2H_2O$  Công ty nhập khẩu toàn bộ. Nguồn hàng chủ yếu được nhập từ Ấn Độ, Úc, Trung Đông, Nga, và Singapore.

Có thể thấy, do nguyên liệu phải nhập khẩu từ nhiều nước trên thế giới nên giá thành phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện kinh tế, chính trị, nhu cầu sản xuất và tiêu thụ tại nước đó. Thêm vào đó, giá lưu huỳnh có xu hướng biến động theo giá dầu do đây là hóa phẩm dầu khí. Giá dầu thế giới thời gian qua có xu hướng giảm là một lợi thế của công ty, tuy nhiên đây cũng là yếu tố thường xuyên biến động và rất khó dự đoán. Mặt khác, đặc thù sản xuất của Công ty là sản phẩm của nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của nhà máy khác trong cùng Công ty, vì vậy khi có sự biến động về giá cả và tính ổn định của nguồn cung trên thế giới cũng như trong nước đối với các loại nguyên vật liệu chính đều ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường và thế giới nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào.

### Rủi ro cạnh tranh

Hội nhập cùng thị trường kinh tế thế giới mang đến không ít cơ hội, nhưng đi kèm theo đó là rất nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp, các ngành kinh tế trong nước, sự cạnh tranh cũng trở nên khốc liệt hơn. Thị trường đầu ra của công ty tương đối ổn định do những sản phẩm mà công ty sản xuất chủ yếu là nguyên liệu đầu vào của các ngành sản xuất khác như: thực phẩm, phân bón, giặt tẩy, xử lý nước... Mặc dù nhu cầu của thị trường trong nước còn rất nhiều tiềm năng nhưng sự cạnh tranh cũng rất lớn đến từ sản phẩm cùng loại từ các công ty sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc. Hóa chất được phân theo hai dạng chính là hóa chất kỹ thuật (đa số trên thị trường) và hóa chất tinh (dùng trong sản xuất thực phẩm). Trung Quốc chủ yếu cạnh tranh vào phân khúc hóa chất kỹ thuật với giá thành rẻ. Hóa chất tinh chủ yếu được cung cấp bởi các doanh nghiệp uy tín trong nước. Đối thủ cạnh tranh trong nước chủ yếu là Vedan (HCl, NaOH), Supe Phốt phát Long Thành ( $H_2SO_4$ ), Hóa chất Việt Trì (HCl, NaOH) và một số doanh nghiệp tư nhân khác (chủ yếu là thương mại). Thêm vào đó, các công ty trong ngành giấy và may mặc lớn cũng đầu tư sản xuất để tự cung cấp nhu cầu hóa chất nên ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ của sản phẩm Công ty.

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam luôn xác định vị thế và năng lực của các doanh nghiệp cùng ngành, từ đó có những phương hướng phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế, đồng thời phát huy được những lợi thế sẵn có của Công ty, từng bước nâng cao uy tín, khẳng định chỗ đứng của mình trong ngành hóa chất Việt Nam.

## Rủi ro trong quá trình vận chuyển, lưu trữ, bảo quản các sản phẩm hóa chất

Những sản phẩm chính của Công ty bao gồm xút lỏng, khí clo hóa lỏng, keo thủy tinh lỏng, axit clohydric, axit sulfuric, axit phosphoric và các hợp chất muối vô cơ của chúng. Đây là những sản phẩm có tính ăn mòn hóa học cao và được phân loại vào nhóm hóa chất nguy hiểm theo Nghị định số 104/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Do những đặc trưng như trên, quá trình vận chuyển cũng như lưu trữ, bảo quản những sản phẩm này luôn tiềm ẩn những rủi ro mang tính chất nghiêm trọng. Sự cố xảy ra khi tham gia giao thông có thể dẫn đến việc hóa chất bị đổ, tràn... Chất lượng các thiết bị bảo quản không đảm bảo sẽ dẫn đến việc rò rỉ, bay hơi, phát tán các chất này. Đây còn là vấn đề liên quan đến an toàn lao động của Công ty, làm việc với hóa chất thường xuyên, sức khỏe của công nhân sẽ bị tác động và giảm sút nhanh chóng nếu không được đảm bảo các biện pháp an toàn. Một khi sự cố đã xảy ra, công ty không chỉ bị thiệt hại về hoạt động kinh doanh, nguồn nhân lực mà còn gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường, vì tính ăn mòn gây ra những biến đổi nhanh và mạnh đối với những vật tiếp xúc, đặc biệt là kim loại và protein.

Nhận thức rõ vai trò và tác động của rủi ro gây ra bởi những sản phẩm hóa chất, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn ưu tiên tìm kiếm những giải pháp nhằm đảm bảo vận chuyển an toàn và vệ sinh lao động. Tiêu biểu là việc áp dụng hệ thống quản lý tích hợp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế cho tất cả các đơn vị thành viên ISO 14001, OHSAS 18001 và ISO 9001. Bên cạnh đó, công tác đào tạo cũng được đầu tư nhằm trang bị cho người lao động những kiến thức liên quan đến an toàn hóa chất, ứng phó với sự cố hóa chất và phòng chống cháy nổ. Đối với hoạt động vận chuyển và bảo quản, bồn chứa hóa chất lỏng được thiết kế theo Tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn hóa chất TCVN 5507:2002, Tiêu chuẩn về phòng chống cháy nổ TCVN 2622-1995. Đồng thời, công ty tiến hành kiểm tra thường xuyên bồn chứa, phương tiện vận chuyển định kỳ và chặt chẽ. Nhờ triển khai đồng bộ và toàn diện, những biện pháp này đã mang lại hiệu quả cho công ty trong việc quản lý rủi ro về hóa chất, không để xảy ra bất kỳ tai nạn nghiêm trọng nào. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục cải tiến quy trình nhằm tăng cường chất lượng bảo quản, giảm thiểu tổn thất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



## Rủi ro pháp luật

Là một Công ty Cổ phần hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Hóa chất, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động...

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Cụ thể, trong năm 2014, 2015, nhiều văn bản luật quan trọng được ban hành và đang bắt đầu có hiệu lực như Luật doanh nghiệp 2014, một số văn bản luật chuyên ngành kế toán (thông tư 200/2014/TT-BTC), chứng khoán (Thông tư 162/2015/TT-BTC, thông tư 155/2015/TT-BTC). Điều này dẫn đến một hệ quả tất yếu là những thay đổi về mặt chính sách, mà doanh nghiệp là một trong những chủ thể chịu tác động trực tiếp. Từ đó, nhiệm vụ đặt ra cho ban lãnh đạo Công ty là chủ động cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật Việt Nam, từ đó mới có thể hoạch định những chiến lược phát triển phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được duy trì ổn định.





## Rủi ro về môi trường



Như đã đề cập, ngành sản xuất hóa chất luôn tiềm ẩn rủi ro gây ô nhiễm môi trường do đặc tính ăn mòn cũng như tác động mạnh của sản phẩm. Một khi xảy ra, những sự cố này thường để lại hậu quả rất nghiêm trọng không chỉ ở thời điểm hiện tại đối với người và tài sản, mà còn có nguy cơ gây ra những biến đổi về thành phần, cấu tạo, đặc tính của đất và thảm thực vật, ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh, uy tín và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Do đó, các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra, xử lý chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải. Thực hành quản lý tốt rủi ro trong quá trình vận chuyển và bảo quản, lưu trữ sản phẩm cũng góp phần không nhỏ vào việc hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường.

### Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2015, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự rõ nét, hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn do sức cầu còn yếu. Doanh thu và lợi nhuận của công ty có dấu hiệu giảm nhẹ so với năm 2014. Doanh thu thuần đạt 1.546 tỷ đồng, giảm 0,29% và lợi nhuận sau thuế đạt 150 tỷ đồng, giảm 4,02% so với năm 2014. Sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận gộp chưa được cải thiện. Năm 2015 là một năm đầy biến động của giá dầu thế giới, các tháng cuối năm giá dầu giảm mạnh tạo điều kiện để công ty giảm chi phí đầu vào, bên cạnh đó, lưu huỳnh (dùng để sản xuất axit sunfuric) là sản phẩm được sản xuất từ dầu, giá dầu giảm giúp công ty tiết kiệm được giá vốn. Tuy nhiên, tình hình thị trường cạnh tranh đã làm chi phí bán hàng của Công ty tăng dần. Sản phẩm Hydroxyt nhôm tại Chi nhánh Tân Bình của Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại của Tổ hợp Bôxít nhôm Tân Rai, giá thành sản xuất cao dẫn đến dây chuyền sản xuất không phát huy được hết công suất và sản phẩm tiêu thụ khá chậm. Hiện tại chi nhánh Tân Bình đã dừng sản xuất hydroxit nhôm, và chỉ làm thương mại. Hoạt động chưa hiệu quả tại Mỏ Bôxít Bảo Lộc và chi nhánh Tân Bình đã làm tăng chi phí quản lý, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Mặc dù điều kiện kinh doanh còn rất nhiều khó khăn, nhưng trong năm 2015 Ban Lãnh đạo Công ty vẫn nỗ lực hết sức mình trong việc đề ra những chính sách nhằm khai thác những thuận lợi của thị trường. Công suất các nhà máy được tăng lên tối đa, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa. Đồng thời, công ty tăng cường tạo mối quan hệ với các khách hàng, tạo uy tín với khách hàng cũ và mở rộng tìm kiếm khách hàng mới, xúc tiến tiếp thị và quảng cáo. Dự án di dời các nhà máy được lên kế hoạch kỹ càng và tiến hành đúng lộ trình.

Nhờ thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm đạt được những kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	Tăng/ Giảm
Sản phẩm sản xuất	Tấn	243.342	253.579	4,21%
- Xút lỏng 100% NaOH	Tấn	32.085	34.214	6,64%
- Axit Clohydric 32% HCl	Tấn	72.124	73.791	2,31%
- Clo lỏng	Tấn	4.402	5.104	15,95%
- Silicate	Tấn	32.101	32.250	0,46%
- Javel	Tấn	18.232	20.585	12,91%
- PAC	Tấn	14.177	19.564	38,00%
- Axit Sunphuric	Tấn	53.496	51.536	-3,66%
- Phèn đơn các loại	Tấn	6.986	7.109	1,76%
- Axit Phốtphoric	Tấn	2.011	1.567	-22,08%
- Phốtpho vàng	Tấn	7.728	7.859	1,70%
Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	1.551	1.546	-0,29%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	Tỷ đồng	139	133	-3,76%



## Những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong năm 2015

### Thuận lợi:

- Chu kỳ kinh tế đang bước vào giai đoạn đầu tăng trưởng sau khủng hoảng dù chưa rõ nét, lạm phát vẫn duy trì ở mức thấp, CSV có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, tăng sản lượng.
- Tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tích cực từ Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam (Vinachem).
- Thương hiệu và uy tín của công ty được duy trì ổn định và cải thiện, từ đó công ty có những lợi thế riêng về khâu phân phối sản phẩm ra thị trường so với các đối thủ cạnh tranh.
- Nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao và dày dặn kinh nghiệm.
- Nguồn cung nguyên liệu uy tín và ổn định, giá cả một số nguyên liệu đầu vào giảm, từ đó giúp công ty giảm chi phí sản xuất, quản lý tốt hơn chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu, có thế mạnh của Công ty trong năm gặp nhiều thuận lợi, một số các dự án về xử lý nước, khí điện đạm, phân bón, chất tẩy rửa... vẫn đang được mở rộng đầu tư thêm dẫn đến lượng tiêu thụ các sản phẩm như Xút lỏng, axit HCl, sản phẩm gốc clo, Silicate và các sản phẩm hóa chất khác của Công ty tăng cao, phát huy hết công suất của nhà máy.

### Khó khăn:

- Sự cạnh tranh của thị trường ngày một cao với sự xuất hiện của nhiều nhà cung cấp mới, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến thị phần của công ty, bao gồm cả thị trường xuất khẩu. Một số sản phẩm của Công ty có khả năng xuất khẩu như Axit  $H_3PO_4$ , PAC, Phèn lọc nước với giá thành sản xuất còn cao, không cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc.
- Mặt bằng giá sản phẩm bán ra có xu hướng giảm.
- Về việc đầu tư mở rộng: hiện nay nhu cầu thị trường về sản phẩm Xút-Clo là rất lớn tuy nhiên do các nhà máy trực thuộc Công ty tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đang nằm trong diện di dời theo quyết định chuyển đổi công năng của tỉnh Đồng Nai, nên việc đầu tư mở rộng sản xuất tại các nhà máy này là không thể thực hiện được trong khi việc tìm kiếm vị trí đất phù hợp để di dời các nhà máy này còn gặp nhiều khó khăn do chủ trương không thu hút đầu tư ngành hóa chất của các khu công nghiệp lân cận.





## Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ công ty đã đề ra từ đầu năm như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	TH/KH
1	Giá trị SXCN theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.484	1.582	106,60%
	Công ty Mẹ	Tỷ đồng	1.044	1.060	101,53%
	Công ty Con	Tỷ đồng	440	522	118,64%
2	Sản lượng sản phẩm	Tấn	466.636	469.382	100,59%
	Sản phẩm sản xuất	Tấn	251.580	253.579	100,79%
	Sản phẩm tiêu thụ	Tấn	215.056	215.803	100,35%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.435	1.546	107,76%
4	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	16	9	53,43%
5	LNST của cổ đông CT mẹ	Tỷ đồng	115	133	115,97%

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra, trong đó nổi bật là hai chỉ tiêu quan trọng doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể: Doanh thu thuần Công ty đã vượt 7,76% và Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ vượt 15,97% so với kế hoạch đã thông qua. Phần cổ tức nhận được từ Công ty con trong năm đạt 32 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với kỳ vọng (13 tỷ đồng), do vậy tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh đã cao hơn so với kế hoạch.

Đối với các sản phẩm sản xuất và tiêu thụ, sản lượng xút lỏng, clo lỏng hay phốt pho vàng đều vượt kế hoạch, trong khi đó axit clohydric, silicate, axit sulfuaric và javel có dấu hiệu chững lại. Biến động trái chiều này được giải thích là do nền kinh tế chung đang trong giai đoạn tăng trưởng trở lại, nhu cầu các mặt hàng Xút clo trong việc xử nước thải, vệ sinh, tẩy rửa và các công tác khác cũng sẽ đi vào ổn định. Trong khi đó, tình hình cạnh tranh gay gắt với các mặt hàng giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản khiến các mặt hàng axit sunfuaric của công ty gặp nhiều khó khăn. Sản phẩm PAC nổi bật với kết quả sản xuất và tiêu thụ gấp đôi kế hoạch. Tổng cộng, sản lượng sản phẩm của công ty đã tăng 2.746 nghìn tấn, tương đương 100,59% so với kế hoạch.

DOANH THU THUẦN

**1.546**

TỶ ĐỒNG  
VƯỢT 7,76% KẾ  
HOẠCH

LỢI NHUẬN SAU THUẾ  
CỔ ĐÔNG CT MẸ

**133**

TỶ ĐỒNG  
VƯỢT 15,97% KẾ  
HOẠCH

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN HỮU THỌ**

Ngày sinh: 16/09/1959

Địa chỉ thường trú: 180/12A  
Lạc Long Quân, Phường 10,  
Quận 11, TP. HCM

CMND: 086059000012

**Trình độ chuyên môn**Kỹ sư Hóa  
Đại học Bách Khoa TP. HCMCử nhân Ngoại ngữ Anh  
Đại học Ngoại ngữ Hà Nội**Chức vụ**Thành viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc CTCP  
Hóa chất Cơ bản miền Nam**Quá trình công tác**1987 – 2005: Nhân viên, Phó  
phòng, Trưởng phòng Kỹ  
thuật CT Hóa chất cơ bản  
miền Nam2005 – 2013: Phó Tổng Giám  
đốc Công ty Hóa chất cơ bản  
miền Nam01/2014 đến nay: Thành viên  
HĐQT, Tổng giám đốc CTCP  
Hóa chất Cơ bản miền Nam**Số lượng cổ phần sở hữu**Cá nhân: 53.400 cổ phần,  
chiếm 0,12%Đại diện Tập đoàn Hóa chất  
Việt Nam: 8.840.000 cổ phần,  
chiếm 20,00%**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
LÊ THANH BÌNH**

Ngày sinh: 31/12/1972

Địa chỉ thường trú: 588 Điện  
Biên Phủ, Phường 11, Quận  
10, TP. HCM

CMND: 022525824

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Trường ĐH Mở Bán công

**Chức vụ**Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa  
chất Cơ bản Miền NamThành viên HĐQT CTCP  
Phốtpho Việt Nam**Quá trình công tác**10/1995 – 2001: Nhân viên  
CT Hóa chất Cơ bản Miền  
Nam2001 – 12/2013: Phó Phòng;  
Trưởng Phòng Kế hoạch kinh  
doanh Công ty Hóa chất Cơ  
bản Miền Nam01/2014 – 04/2015: Thành  
viên HĐQT; Trưởng Phòng Kế  
hoạch kinh doanh CTCP Hóa  
chất Cơ bản Miền Nam04/2015 đến nay: PTGD  
CTCP Hóa chất Cơ bản Miền  
Nam**Số lượng cổ phần sở hữu**

1.700 CP, chiếm 0,004%

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
HOÀNG MINH ĐỨC**

Ngày sinh: 03/12/1969

Địa chỉ thường trú: 133/12  
Bis Ngô Đức Kế, Phường 12,  
Quận Bình Thạnh, TP. HCM

CMND: 024370252

**Trình độ chuyên môn**Kỹ sư Điện hóa  
Đại học Bách khoa Đà NẵngCử nhân Quản trị KD  
Đại học Kinh tế TP. HCM**Chức vụ**Phó Tổng Giám đốc CTCP  
Hóa chất Cơ bản miền Nam**Quá trình công tác**1992 – 1993: Cán bộ nghiên  
cứu Viện kỹ thuật nhiệt đới  
bảo vệ môi trường1993 – 2006: Trưởng Phòng  
Kỹ thuật, Phó Giám đốc,  
Giám đốc Nhà máy Hóa chất  
Biên HòaNăm 2006 đến nay: Phó  
Tổng Giám đốc kiêm Giám  
đốc Nhà máy Hóa chất Biên  
Hòa Công ty Hóa chất Cơ  
bản miền Nam**Số lượng cổ phần sở hữu**

1.900 CP, chiếm 0,004%

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN HOÀI PHÚ**

Ngày sinh: 01/11/1960

Địa chỉ thường trú: 322/4  
Nguyễn Đình Chiểu, Phường  
4, Quận 3, TP. HCM

CMND: 020791888

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Kế toán

Đại học Kinh tế TP. HCM

**Chức vụ**

Phó Tổng Giám đốc CTCP  
Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Thành viên HĐQT CTCP  
Phốtpho Việt Nam

**Quá trình công tác**

03/1982 – 12/1994: Nhân  
viên, Kế toán trưởng Nhà  
máy Hóa chất Tân Bình

12/1994 – 12/2013: Kế toán  
trưởng, Phó Tổng giám đốc  
Công ty TNHH MTV Hóa  
chất Cơ bản miền Nam

01/2014 đến nay: Phó Tổng  
Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ  
bản Miền Nam

**Số lượng cổ phần sở hữu**

23.100 CP, chiếm 0,05%

**KẾ TOÁN TRƯỞNG  
LÊ THỊ NGỌC DIỄM**

Ngày sinh: 17/03/1965

Địa chỉ thường trú: 68 Tân  
Canh, Phường 1, Quận  
Tân Bình, Thành phố Hồ  
Chí Minh

CMND: 021630433

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Kinh tế vật tư

Đại học Kinh tế TP. HCM

**Chức vụ**

Kế toán trưởng CTCP Hóa  
chất Cơ bản Miền Nam

Trưởng Ban Kiểm soát  
CTCP Phốtpho Việt Nam

**Quá trình công tác**

Năm 1992 đến nay: Nhân  
viên, Phó Trưởng phòng  
KTTC, Trưởng phòng  
KTTC Công ty Hóa chất Cơ  
bản Miền Nam

**Số lượng cổ phần sở hữu**

2.100 CP, chiếm 0,005%

**NHỮNG THAY ĐỔI  
TRONG BAN ĐIỀU  
HÀNH NĂM 2015**

Từ ngày 22/04/2015,  
Công ty Cổ phần Hóa  
chất Cơ bản miền Nam  
bổ nhiệm có thời hạn  
ông Lê Thanh Bình giữ  
chức vụ Phó Tổng Giám  
đốc, căn cứ theo Quyết  
định số 04/QĐ-HCCB  
ngày 02/04/ 2015 về  
việc Bổ nhiệm Phó Tổng  
Giám đốc.

## Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty có tổng số lao động là 615 người với mức lương trung bình 14,21 triệu đồng/người/tháng. Cơ cấu nhân sự của công ty cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân loại theo trình độ chuyên môn</b>	<b>615</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	166	27,00%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	108	17,56%
3	Trình độ Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	320	52,03%
4	Lao động phổ thông	21	3,41%
<b>II</b>	<b>Phân loại theo đối tượng lao động</b>	<b>615</b>	<b>100,00%</b>
1	Lao động trực tiếp	370	60,16%
2	Lao động gián tiếp	245	39,84%
<b>III</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>615</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	487	79,19%
2	Nữ	128	20,81%

*Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam*



## Chính sách đối với người lao động

### Chế độ làm việc

Ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng, việc xây dựng một chế độ làm việc hợp lý là bước đầu tiên và cơ bản trong chuỗi chính sách nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, từ đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc cũng như sự gắn bó lâu dài với công ty. Do vậy công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

#### Về thời gian làm việc:

- Tất cả cán bộ công nhân viên làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, 40 giờ trong 1 tuần. Trong trường hợp cần bố trí làm thêm giờ do yêu cầu sản xuất thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.
- Người lao động được nghỉ 30 phút trong thời gian làm việc bình thường; nghỉ 45 phút khi làm ca đêm.
- CBCNV Công ty và các đơn vị thành viên không phân biệt lao động ngắn hạn, dài hạn đều được nghỉ trong những ngày lễ, Tết và các ngày nghỉ khác do Nhà nước quy định. Các trường hợp nghỉ theo chế độ ốm đau, thai sản... được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Người lao động được nghỉ phép hàng năm theo quy định tại Điều 111 và 112 Bộ Luật lao động. Nếu số ngày đi đường kể cả lượt đi và về trên 2 ngày thì ngày thứ 3 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ phép năm và chỉ được tính cho 1 lần nghỉ trong năm. Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

#### Về điều kiện làm việc:

- Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số, hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn...

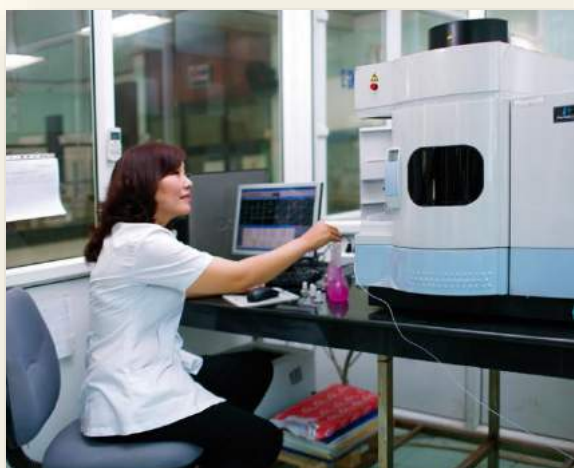
Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.



## Chính sách đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân tài

Trong một thị trường mà tính cạnh tranh ngày một cao, yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của công ty cũng theo đó ngày một tăng lên, việc tuyển dụng được những người lao động có năng lực, tay nghề và kinh nghiệm là cực kỳ quan trọng. Xác định rõ điều này, công ty đã đề ra những tiêu chuẩn rõ ràng đối với từng vị trí, chức vụ theo yêu cầu công việc. Yêu cầu cơ bản nhất đối với lao động trong công ty là có trình độ chuyên môn, sự chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Tùy vào mức độ quan trọng của từng vị trí tuyển dụng mà yêu cầu đối với ứng viên sẽ khác nhau. Đối với cán bộ quản lý điều hành, các yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn, bao gồm trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra, công ty có chính sách chủ động tìm kiếm và thu hút nhân tài, đồng thời ban hành phương án lương thưởng đặc biệt cho những nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan nhằm tăng cường sự gắn bó của họ đối với công ty.

Bên cạnh việc tập trung thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, công ty có biện pháp chủ động nâng cao mặt bằng cán bộ công nhân viên bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Các dự án đầu tư, công tác sửa chữa lớn

Nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, trong năm công ty tập trung đầu tư hoàn thiện và từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu đồng thời hoàn thiện cơ sở hạ tầng kho bãi. Hiện nay, công ty có 03 nhà máy lớn, bao gồm: Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (thành lập năm 1976), Nhà máy Hóa chất Đồng Nai (hoạt động từ năm 1974) và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 (di dời từ Tân Bình đến KCN Biên Hòa 1 năm 2009). Cả 3 nhà máy đều nằm trong Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai. Công ty đang có kế hoạch chuẩn bị di dời toàn bộ 3 Nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1. Ngoài ra, công ty cũng chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép. Trong năm 2015, công ty có kế hoạch đầu tư là 16,2 tỷ đồng, trong đó đã thực hiện 8,7 tỷ đồng, đạt 53% so với kế hoạch. Dự án "Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa" đã được lên kế hoạch thẩm định, mục tiêu sẽ trình duyệt trong năm 2016. Công ty cũng đã thực hiện sửa chữa lớn 23 hạng mục với 22/23 hạng mục đã hoàn thành, tổng giá trị thực hiện là 24,7 tỷ đồng.

### Tình hình hoạt động tại Công ty con, Công ty liên kết

Hiện nay, công ty đang nắm giữ 65,05% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phốtpho Việt Nam, một số chỉ tiêu cơ bản của công ty con như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	2015/ 2014
Tổng tài sản	208	237	113,94%
Tổng doanh thu	529	481	90,93%
Lợi nhuận sau thuế	51,41	48,31	93,97%
Biên LNST	9,72%	10,04%	103,35%





## Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/ Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	973.047	1.011.680	+3,97%
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.550.909	1.546.381	-0,29%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr. đồng	205.761	210.559	+2,33%
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	323	-14.073	-4454,15%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	206.084	196.487	-4,66%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	156.552	150.257	-4,02%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	16%	13% (*)	-18.8%

(\*) Theo kế hoạch ĐHCĐ đề ra là 13%, dự kiến thực hiện 16%, trong năm Công ty đã chi tạm ứng đợt 1 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt.

Với ưu thế về uy tín và chất lượng sản phẩm, thương hiệu của công ty ngày càng được củng cố và nâng cao trong bối cảnh nền kinh tế đang có những bước phục hồi rõ nét. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được đầu tư với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường. Khách hàng truyền thống của Công ty là đối tác chiến lược, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, công ty còn chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong Công ty. Việc đảm bảo an toàn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm cũng luôn được công ty lưu ý, dữ liệu an toàn hóa chất được lập cho mỗi loại sản phẩm nhằm phổ biến cho người lao động và khách hàng, từ đó hạn chế tối đa hư hao hay tai nạn, giúp quá trình sử dụng trở nên an toàn hơn, mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng.

Trong năm 2015, công ty cũng gặp một số khó khăn liên quan đến nguyên vật liệu, việc tăng giá điện, sự cạnh tranh của thị trường, cũng như những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước. Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất vẫn duy trì ở mức ổn định, thể hiện ở những con số như: Doanh thu đạt 1.546 tỷ đồng, không có nhiều biến động so với cùng kỳ, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 210,6 tỷ đồng, tăng hơn 2% so với kết quả đạt được năm 2014.

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- **Về khả năng thanh toán:** Công ty luôn duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, đồng thời duy trì lượng tài sản ngắn hạn phù hợp cho mục đích sản xuất kinh doanh, không gây lãng phí. Trong thời gian qua hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng tăng, đặc biệt hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2015 đã vượt ngưỡng 2.0 trong khi hệ số thanh toán nhanh vẫn ở mức cao. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như quản lý tốt lượng hàng tồn kho.

- **Về cơ cấu vốn:** Công ty đang có xu hướng không sử dụng quá nhiều đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản giảm dần từ năm 2012, đến nay luôn duy trì dưới mức 40%, trong đó chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Điều này góp phần giảm thiểu áp lực nợ và lãi vay cho công ty.
- **Về năng lực hoạt động:** Số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản trong năm 2015 đều tăng so với các năm trước, một lần nữa cho thấy sự tăng trưởng trong hiệu quả quản lý hàng tồn kho, quản lý tài sản của công ty.
- **Về khả năng sinh lời:** Do một số khó khăn trong kinh doanh nên doanh thu thuần của công ty trong năm 2015 giảm nhẹ, trong khi các chỉ tiêu tổng tài sản, vốn chủ sở hữu vẫn tăng, nên các chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời của công ty trong năm 2015 có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2014. Cụ thể, biên lợi nhuận sau thuế giảm 0,5%, biên lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng nhẹ từ 13,27% lên 13,62%, ROE giảm xuống còn 24,98%.

Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,88	2,09
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,22	1,43
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,21%	38,38%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	56,75%	62,27%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,48	4,96
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,59	1,53
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,09	9,72
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,27	13,62
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	26,34	24,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	16,09	14,85

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Tính đến thời điểm 16/09/2015, tổng số cổ phần công ty đã phát hành là 44.200.000 cổ phần, trong đó:

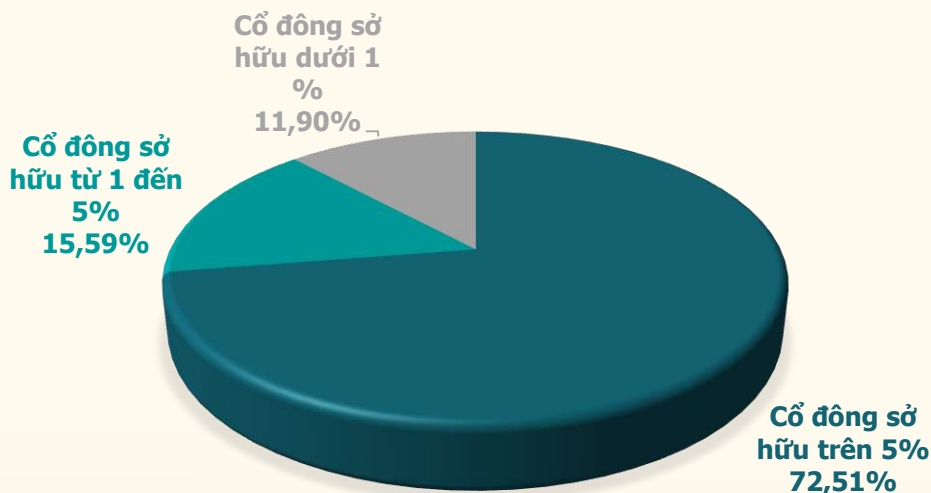
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 44.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông: 44.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 36.773.826 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 7.426.174 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 16/09/2015

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Giá trị
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	2	32.047.774	320.477.740.000
2	Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	5	6.892.500	68.925.000.000
3	Cổ đông sở hữu dưới 1 %	793	5.259.726	52.597.260.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>800</b>	<b>44.200.000</b>	<b>442.000.000.000</b>

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



### Cơ cấu cổ đông theo đối tượng sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>I</b>	Cổ đông Nhà nước	1	28.731.000	65,00%
<b>II</b>	Cổ đông trong nước	786	8.050.316	18,21%
1	Tổ chức	6	2.341.660	5,30%
2	Cá nhân	780	5.708.656	12,91%
<b>III</b>	Cổ đông nước ngoài	13	7.418.684	16,79%
1	Tổ chức	5	7.404.874	16,76%
2	Cá nhân	8	13.810	0,03%
<b>IV</b>	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>800</b>	<b>44.200.000</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông lớn

TT	Tổ chức/ Cá nhân	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0100100061	Số 1A Phố Tràng Tiền, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	28.731.000	65,00
2	Vietnam Investment Property Holdings Limited	CS7869	Commence Chambers, P.O.Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	3.316.774	7,50

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 442.000.000.000 đồng. Công ty chưa tiến hành tăng vốn kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2015, Công ty không thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

### Các chứng khoán khác

Không có.



**Công tác Quản lý**

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong năm của công ty cụ thể như sau:

STT	Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Sử dụng trong năm
1	Muối công nghiệp	Ấn Độ, Úc	Tấn	53.503
2	Cát trắng	Việt Nam	Tấn	10.867
3	Lưu huỳnh	Nga	Tấn	17.340
4	BaCl <sub>2</sub> . 2H <sub>2</sub> O	Trung Quốc	Tấn	170
5	Phốt pho vàng	Việt Nam	Tấn	435
6	Hydroxyt Nhôm	Việt Nam	Tấn	5.453
7	Điện	Việt Nam	Kwh	102.623.800

CHI PHÍ LƯU HUỖNH  
CHIẾM

**30%**

GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
AXIT SUNFURIC

CHI PHÍ ĐIỆN CHIẾM

**40%**

GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
XÚT CLO

Công ty chủ yếu sử dụng những nguyên vật liệu như muối công nghiệp, cát trắng, lưu huỳnh, phốt pho vàng, BaCl<sub>2</sub>.2H<sub>2</sub>O...Nguyên liệu được nhập khẩu từ nhiều nước trên thế giới, trong đó Ấn Độ, Úc, Trung Quốc và Nga chiếm đa số.

Đối với các sản phẩm xút-clo, điện là nguồn năng lượng không thể thiếu cho quá trình điện phân, EVN là nhà cung cấp toàn bộ điện cho quá trình sản xuất của công ty, muối công nghiệp chủ yếu nhập khẩu từ Ấn Độ và Úc, phần rất ít còn lại được mua từ Bạc Liêu và Ninh Thuận.

Đối với sản phẩm axit, lưu huỳnh chủ yếu được nhập khẩu từ Singapore và Nga, phốt pho vàng được cung cấp trong nước bởi CTCP Phốtpho Việt Nam.

Trong quá trình sản xuất, công ty đã luôn chú ý đến công tác tiết kiệm nguồn nguyên liệu để vừa giảm bớt chi phí sản xuất, vừa góp phần bảo vệ môi trường.

## Quản lý chất lượng

Ra đời vào những năm đầu giải phóng miền Nam, sự phát triển của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam trong 40 năm qua gắn liền với sự đổi thay của nền kinh tế nói chung và ngành hóa chất Việt Nam nói riêng. Không ít lần chuyển đổi hình thức hoạt động, nhưng công ty đã kịp thời tìm ra hướng đi cho mỗi giai đoạn, gạt hái được nhiều thành công. Từ đó đến nay, công ty đã không ngừng phấn đấu và đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước với các sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý.

Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam hiện là đơn vị sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản lớn nhất Việt Nam với hơn 40 chủng loại sản phẩm, trong đó các sản phẩm chính là xút NaOH, Axit Clohydric (HCl), Clor lỏng (Cl<sub>2</sub>), Axit Sunfuric (H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>), Natri Silicat các loại và Phốt pho vàng (P<sub>4</sub>). Các dây chuyền sản xuất của công ty hầu như đều theo mô hình khép kín với công suất lớn, sản phẩm đầu ra của dây chuyền này là nguyên liệu đầu vào của dây chuyền kia nên đã giúp CSV tiết kiệm chi phí, đa dạng sản phẩm và tăng tính chủ động trong nguồn nguyên liệu đầu vào. Do đó, công ty có khả năng cung cấp những chuỗi sản phẩm đầy đủ. Nhờ vậy, thị phần của CSV ở các mảng sản phẩm chính đều dẫn đầu thị trường trong nước.

Công ty chủ động xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng sản phẩm nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất trong công tác giám sát, thực hành sản xuất, cũng như phát hiện nguyên nhân sự cố xảy ra để có biện pháp xử lý kịp thời.

Natri hydroxyt (NaOH)	32%	TCCS 01:2011/HCBH
	45%	TCCS 02:2011/HCBH
	50%	TCCS 019:2011/HCBH
	20%	TCCS 04:2011/HCBH
Axit Clohydric (HCl)	25%	TCCS 017:2011/HCBH
	32%	TCCS 04:2011/HCBH
	35%	TCCS 018:2011/HCBH
Axit Photphoric H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub>	Cấp kỹ thuật	TCCS 18:2001/HCCB
	Cấp thực phẩm	TCCS 35:2002/HCCB
Axit Sunfuaric H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Cấp tinh khiết	TCCS 20:2011/HCBH (97%)
		TCCS 23:2011/HCBH (50%)
	Cấp kỹ thuật	TCCS 01:2011/HCTB2

Nhôm hydroxyt $Al(OH)_3$		TCCS 12:2001/HCCB
Clo lỏng ( $Cl_2$ )		TCCS 09:2011/HCBH
Phèn nước Nhôm sunfat $Al_2(SO_4)_3.nH_2O$		TCCS 14/2011/HCBH
Javen ( $NaClO$ )	100g/l	TCCS 05:2011/HCBH
	120g/l	TCCS 06:2011/HCBH
Poly Aluminium Chloride 10%, 17%		TCCS 07:2011/HCBH
Dung dịch $FeCl_3$	30%	TCCS 15:2011/HCBH
	36%	TCCS 16:2011/HCBH
Kali Clorua ( $KCl$ )	Cấp thực phẩm	TCCS 01:2011/HCCB
	Cấp tinh khiết	TCCS 22: 2001/ HCCB
Canxi Clorua $CaCl_2$	Cấp thực phẩm	TCCS 02:2011/HCCB
	Cấp tinh khiết	TCCS 204: 2011/ HCCB
Magie Sunfat ( $MgSO_4.7H_2O$ )		TCCS 10/2010/HCBH
Amoniac ( $NH_4OH$ )		TCCS 21: 2001/HCCB
Mono Amon Photphat [ $(NH_4)H_2PO_4$ ]	Cấp thực phẩm	TCCS 03: 2011/HCCB
	Cấp kỹ thuật	TCCS 19:2001/HCCB
Mono Kali Photphat ( $KH_2PO_4$ )		TCCS 20: 2001/HCCB
Natri photphat $-Na_3PO_4.12H_2O$		TCCS 23:2001/HCCB
Natri Silicat các loại ( $M = 2.3\sim 2.7$ )		TCCS 08:2011/HCBH

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế, ngành công nghiệp Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn phát triển vàng trong thời gian tới nhờ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Làn sóng ấy sẽ mang tới vô vàn cơ hội mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp hóa chất cơ bản như CSV. Để tận dụng được làn sóng ấy, ban lãnh đạo công ty đang chuẩn bị cho dự án đầu tư nhà máy sản xuất xút – clor có công suất 30.000 tấn NaOH 100%/năm trong giai đoạn 2018-2020 và sau đó di dời 1 dây chuyền sản xuất hiện hữu có công suất 25.000 tấn NaOH 100%/năm sang nhà máy mới. Như vậy, từ năm 2020, tổng công suất sản xuất xút của CSV có thể lên tới 55.000 tấn NaOH 100%/năm.

Với chiến lược đầu tư công nghệ hiện đại nhằm đẩy mạnh năng lực sản xuất, cũng như không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững vị thế tại thị trường trong nước và mở rộng hoạt động xuất khẩu trong tương lai, góp phần khẳng định chất lượng hàng Việt trên thị trường thế giới.

## **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Đặc thù ngành sản xuất hóa chất là luôn tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường do đặc tính sản phẩm. Do vậy, góp phần bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho công ty trong việc ổn định sản xuất và kinh doanh bền vững. Từ đó, công ty đã đầu tư xây dựng, phát triển toàn diện hệ thống dây chuyền sản xuất, xử lý chất thải, đồng thời luôn luôn theo dõi nhằm bám sát tình hình để có những điều chỉnh phù hợp trong chiến lược, đảm bảo sản phẩm luôn đạt tiêu chuẩn an toàn chất lượng và thân thiện với môi trường. Năm 2015, Phòng An toàn và Môi trường đã phối hợp với các đơn vị cập nhật quy định của Pháp luật, xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện, kiểm soát, đánh giá và cải tiến công tác An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ Môi trường, không để xảy ra sự cố hoặc tai nạn nghiêm trọng.

### **Đối với hoạt động sản xuất**

Công ty phát triển và hoàn thiện các dây chuyền sản xuất (dây chuyền xút – clo, axit sulfuric, axitphotphoric) tuân thủ đầy đủ thủ tục về môi trường như ĐTM và Đề án bảo vệ môi trường. Toàn bộ dây chuyền sản xuất của công ty hiện nay đều được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận đã hoàn thành các biện pháp đảm bảo môi trường giai đoạn vận hành và cho phép đưa vào hoạt động chính thức:

- Chỉ chọn công nghệ sản xuất hóa chất tiên tiến với hiệu quả và hiệu suất cao, phát thải thấp và thân thiện với môi trường.
- Thường xuyên đào tạo nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan để kịp thời áp dụng trong sản xuất.
- Áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001 để kiểm soát quá trình sản xuất cho tất cả các cơ sở. ISO 14001 giúp công ty tạo ra một hệ thống quản lý giảm bớt những tác động tiêu cực tới môi trường, đặc biệt, việc áp dụng quản lý môi trường theo tiêu chuẩn này tạo thuận lợi cho việc huy động tất cả các nhân viên tham gia vào quá trình nâng cao ý thức tập thể về môi trường.
- Thực hiện thành công kế hoạch tái sử dụng nước thải đạt 5% lượng nước cấp vào tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
- Lắp đặt thiết bị thu gom xử lý hơi NH<sub>3</sub>, dây chuyền sản xuất DAP nhằm cải thiện môi trường lao động tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai.
- Cải tạo hệ thống xử lý hơi axit, thiết bị phản ứng muối nhôm sunfat, lắp đặt hệ thống ứng phó sự cố rò rỉ khí công nghệ dây chuyền axit sulfuric tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.

### **Đối với hoạt động theo dõi, giám sát**

- Quan trắc môi trường được thực hiện đầy đủ các thông số và đúng tần suất theo nội dung ĐTM, Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.
- Chế độ báo cáo thực hiện đầy đủ nội dung và đúng hạn theo quy định của pháp luật.

Trong năm công ty cũng tiếp các đoàn thanh tra về công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường. Tổng cục môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty được thực hiện tốt. Bên cạnh đó, Cục Cảnh sát PCCC – Bộ Công An cũng đánh giá cao Công tác PCCC của công ty.





### **Đối với hoạt động xử lý chất thải**

Phát thải từ hoạt động sản xuất hóa chất nếu không được xử lý kỹ càng trước khi đi ra môi trường sẽ gây ra những tác động không nhỏ đối với thảm thực vật, nguồn nước, không khí, từ đó có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của cư dân và động vật nuôi quanh vùng. Bên cạnh việc đầu tư dây chuyền sản xuất đạt chuẩn, công ty cũng chú trọng công tác xử lý chất thải. Đây là trách nhiệm mà Ban lãnh đạo công ty luôn xem trọng trong việc xây dựng uy tín và bảo vệ lợi ích lâu dài của công ty, cụ thể như sau:

- Vệ sinh công nghiệp được thực hiện hàng ngày nhằm đảm bảo mỹ quan, môi trường lao động sạch sẽ, ngăn nắp.
- Nước thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn A QCVN 40:2011/BTNMT hoặc theo quy định của Khu công nghiệp trước khi đầu nối.
- Khí thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.
- Chất thải rắn được phân loại và áp dụng cách xử lý theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Theo đó chất thải rắn được chia thành 03 loại chính với cách xử lý khác nhau:

Chất thải sinh hoạt được giao cho đơn vị thu gom xử lý tại địa phương hằng ngày.

Chất thải công nghiệp được thu gom và phân loại tại nguồn trước khi chuyển về kho lưu. Chất thải công nghiệp được tái sử dụng hoặc giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo định kỳ.

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển về kho lưu riêng biệt, đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

## Các hoạt động khác

# 1

Với sự hỗ trợ của Cộng đồng Trách nhiệm Xã hội Việt Nam (VRCC) thuộc Hội Hóa học Việt Nam, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đã triển khai hệ thống Trách nhiệm xã hội tự nguyện (Responsible Care) tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai. Đây không chỉ là hoạt động nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động trong các doanh nghiệp và cộng đồng, mà còn giúp ngăn ngừa những sự cố hóa chất từ khâu sản xuất, lưu trữ, phân phối, sử dụng tới xử lý chất thải... từ đó nâng cao năng lực sản xuất, giảm thiểu chi phí, góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh cho công ty.

# 2

Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực để hưởng ứng tuần lễ Quốc gia về ATVSLĐ năm 2015, Giờ Trái đất 28/03, ngày Môi trường thế giới 05/06, ngày toàn dân PCCC 04/10 và Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn.

# 3

Các hoạt động tuyên truyền Pháp luật lao động, PCCC và BVMT qua loa đài, bảng thông báo tại đơn vị cũng được tiến hành thường xuyên. Công ty còn cử Đội PCCC tham gia hội thao do cơ quan PCCC tổ chức, triển khai vận động công nhân viên tham gia vệ sinh công nghiệp, trồng mới cây xanh góp phần bảo vệ môi trường.

Nhờ thực hiện đồng bộ và toàn diện các biện pháp đảm bảo an toàn trong dây chuyền sản xuất cũng như xử lý chất thải theo quy định, trong năm 2015 Công ty không vi phạm các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường.

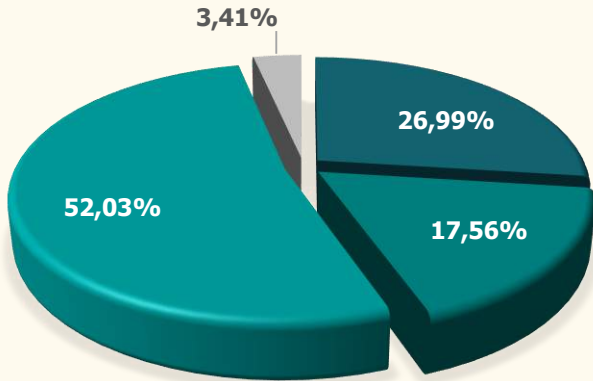
Trong tương lai, để tiếp tục thực hiện tốt công tác này, CSV vẫn sẽ đặt vấn đề môi trường lên hàng đầu. Mỗi dự án đầu tư sẽ được nghiên cứu kỹ càng, xem xét các yếu tố có thể ảnh hưởng đến con người, thảm thực vật, các sinh vật sống, môi trường nước, không khí... Công tác tuyên truyền cho người lao động cũng như cộng đồng về ý thức xây dựng môi trường xanh sẽ được tăng cường. Mỗi một CBCNV công ty sẽ là một kênh tuyên truyền và lan tỏa thông điệp. Trách nhiệm sẽ là cốt lõi mà những hoạt động của công ty tập trung hướng vào, khi một cá nhân nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, công tác này sẽ được thực hiện toàn diện và hiệu quả.

## Chính sách liên quan đến người lao động

### Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

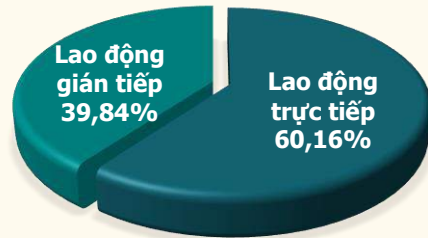
Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng số cán bộ công nhân viên trong công ty là 615 người với cơ cấu như sau:

THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

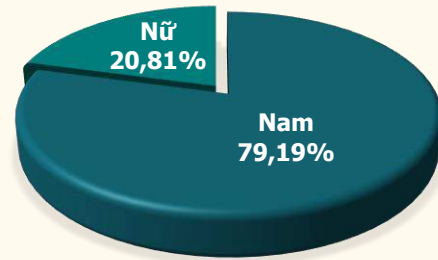


- Đại học và trên Đại học
- Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG



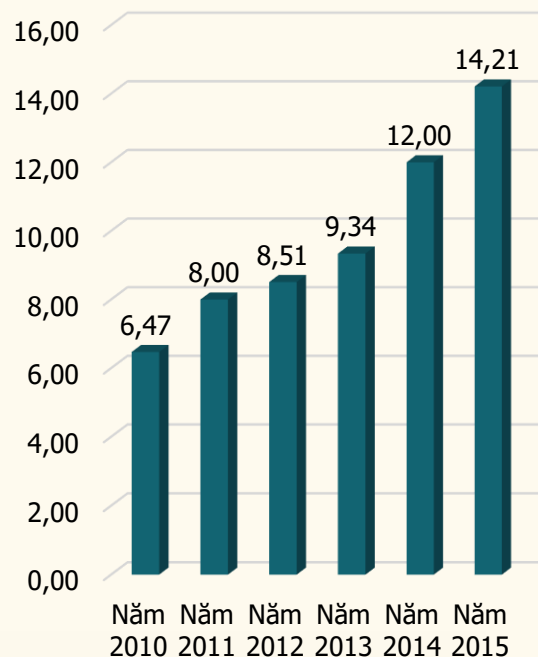
THEO GIỚI TÍNH



### Mức lương bình quân

Năm 2015, mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong công ty là 14 triệu đồng, tiếp tục chuỗi tăng trưởng đều đặn của chỉ số này trong những năm qua. Từ năm 2010 đến nay, mức lương bình quân đã tăng gấp đôi, đặc biệt tăng mạnh trong giai đoạn 2013 – 2014 (mức tăng là 37%). Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn chú ý quan tâm đến chính sách lương thưởng, góp phần cải thiện đời sống vật chất, nâng cao tinh thần của người lao động, từ đó thúc đẩy họ gắn bó và đóng góp hết mình cho công ty. Trong năm nay, mức lương tiếp tục tăng 1,2 triệu đồng so với năm 2014, tương đương mức tăng trưởng 9,4%. Đây cũng là mức khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Trong những năm tới, công ty tiếp tục đưa quyền lợi của người lao động gắn liền với lợi ích của công ty, tiềm năng phát triển của công ty là rất khả quan, dự kiến mức lương cho người lao động vẫn có xu hướng tăng.

MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM (TRIỆU ĐỒNG)



## Chính sách nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động



Nhân lực luôn có giữ vai trò quyết định đối với tương lai của một doanh nghiệp. Với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc thân thiện để mọi người cùng chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, Công ty đã chú ý đề ra chính sách đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cán bộ công nhân viên, trong đó nổi bật là chế độ lương thưởng và an toàn lao động.

Nhận thức được vai trò của công tác nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong thời gian qua công ty thường xuyên cử nhiều cán bộ quản lý, người lao động tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do Tập đoàn và Công ty tổ chức. Những cá nhân này sau đó sẽ có những nhân tố chia sẻ lại kinh nghiệm cho CBCNV khác. Việc này một mặt vừa giúp nâng cao mặt bằng trình độ của người lao động, vừa là một hình thức khuyến khích văn hóa chia sẻ và tự học hỏi trong tập thể. Trong năm qua, công ty còn tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về các công tác an toàn sản xuất, tiết kiệm năng lượng và kỹ năng mềm cho nhân viên.

Về đời sống vật chất, công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên theo hệ số. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao tính cạnh tranh cũng như cải thiện không khí làm việc, tạo động lực làm việc hăng say cho nhân viên, công ty thường xuyên tổ chức những cuộc thi nâng bậc, thưởng cho những cá nhân làm việc hiệu quả, có ý tưởng mới đóng góp và quá trình sản xuất. Ngoài tiền lương, người lao động trong công ty còn được nhận thêm phụ cấp tiền ăn trưa, đi lại, thưởng nhân dịp lễ tết. Trường hợp CBCNV nghỉ theo chế độ hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đều được hưởng trợ cấp theo đúng chế độ, đúng với thỏa thuận đã ký trong hợp đồng lao động.



Về đời sống tinh thần, công ty thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ nhân viên thông qua việc tặng quà sinh nhật, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như tổ chức các kỳ nghỉ mát, nghỉ dưỡng định kỳ nhằm củng cố tinh thần đoàn kết giữa cán bộ công nhân viên và sự gắn bó với công ty.



Ngoài ra, công ty luôn chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cải thiện điều kiện làm việc, trang bị đầy đủ vật dụng, trang thiết bị bảo hộ, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Sự quan tâm chăm sóc chu đáo cùng những chế độ khuyến khích tinh thần cống hiến, sáng tạo đã góp phần tạo nên sự đoàn kết, đồng thuận trong tập thể CBCNV, giúp công ty hoàn thành tốt các mục tiêu sản xuất kinh doanh và đạt được nhiều thành công trong suốt 40 năm qua.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh việc tập trung sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn đồng hành, sẻ chia thành quả cùng người lao động cũng như thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp vì cộng đồng xã hội.

Công ty đã có nhiều hành động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng như thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình có công với cách mạng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thăm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, tổ chức các chuyến đi về nguồn để CBCNV vừa có cơ hội thư giãn nhân các dịp lễ vừa có dịp nâng cao ý thức và trách nhiệm với cộng đồng. Bên cạnh đó, CSV còn tham gia hưởng ứng Giờ Trái Đất 2015, hưởng ứng những phong trào của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và cộng đồng địa phương.

Cụ thể, trong năm 2015, công tác vì cộng đồng của công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- Phát động CBCNV công ty quyên góp, ủng hộ các Quỹ an sinh xã hội, Quỹ xã hội ngành Hóa chất, Quỹ Học sinh nghèo vượt khó, Quỹ ủng hộ Đồng bào Thiên tai, Quỹ Hỗ trợ CBCNV gặp tai nạn lao động... với tổng số tiền 1,6 tỷ đồng.
- Tổ chức 6 chuyến đi tham quan về nguồn, kết hợp tặng quà cho 150 trường hợp gặp hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó.
- Hỗ trợ tập huấn cho khách hàng về an toàn trong sử dụng sản phẩm của công ty: năm 2015 công ty đã tổ chức 06 lớp tập huấn với nội dung hướng dẫn an toàn sử dụng sản phẩm clo, axit sulfuric, PAC... cho khách hàng, thu hút 264 lượt người tham dự.
- Đóng góp tài trợ xây dựng công trình Sở chỉ huy đảo Trường Sa với số tiền 1 tỷ đồng.

Nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kết hợp với nhiều biện pháp tích cực và toàn diện, Hóa chất cơ bản Miền Nam đã từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi cá nhân cũng như tập thể CBCNV công ty, đồng thời góp sức mình vào quá trình xây dựng chất lượng xã hội ngày một cao hơn. Trong thời gian tới, hoạt động này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh không chỉ trong phạm vi tại cộng đồng địa phương mà sẽ còn mở rộng ra các địa bàn khác, đưa sự chia sẻ của Hóa chất Cơ bản Miền Nam đến với nhiều hoàn cảnh, nhiều khu vực hơn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.







# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Môi trường kinh doanh 2015

Năm 2015 là năm kết thúc việc thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, bên cạnh nhiều thuận lợi, kinh tế Việt Nam cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức, phải chịu tác động của nhiều yếu tố như kinh tế thế giới phục hồi chậm, chưa vững chắc... ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì tăng trưởng thương mại và phát triển sản xuất trong nước.

Trước bối cảnh vĩ mô chung của kinh tế thế giới và thực tiễn kinh tế trong nước, ngành sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất nói chung đạt mức độ tăng trưởng trong năm 2015 khoảng 5,4% so với cùng kỳ 2014.

Ngành sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất nói chung tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bất cập như vấn đề khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn thấp, các doanh nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, giá thành đầu vào cao, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận biên của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, năng lực công nghệ, máy móc kỹ thuật vẫn còn thấp, năng lực sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của ngành cũng như nhu cầu thực tế của thị trường hiện nay.



Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 như sau:



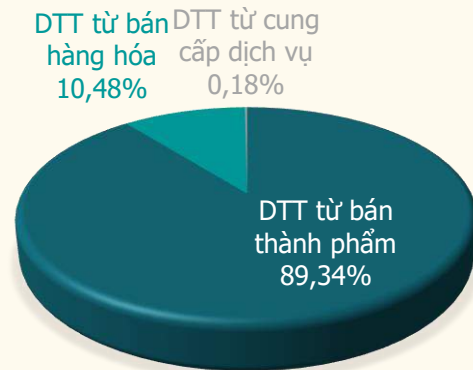
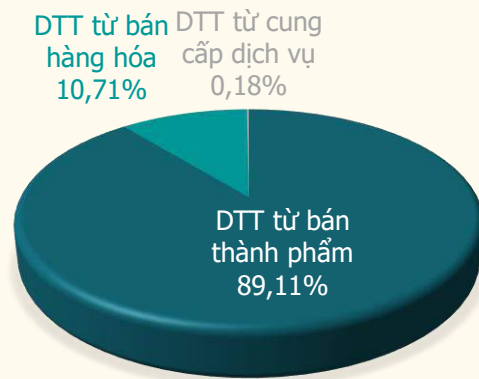
## Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	+/-
Tổng doanh thu		1.559.930	1.558.325	-0,10%
Doanh thu thuần		1.550.909	1.546.381	-0,29%
Doanh thu tài chính		6.892	11.624	+68,66%
Thu nhập khác		409	327	-20,05%
Tổng các chi phí		1.401.658	1.408.076	+0,46%
Giá vốn hàng bán		1.185.360	1.201.955	+1,40%
Chi phí tài chính		16.108	10.596	-34,22%
Chi phí bán hàng		56.987	68.257	+19,78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	93.586	66.637	-28,80%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		49.532	46.230	-6,67%
Chi phí khác		86	14.400	16644%
Lợi nhuận gộp		365.549	344.425	-5,78%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		156.552	150.257	-4,02%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		138.583	133.371	-3,76%
EPS	VNĐ/CP	3.174	3.029	-4,57%
Cổ tức chi trả/vốn điều lệ (*)	%	16%	13%	-18,75%
Số lượng lao động	Người	698	615	-11,89%
Thu nhập bình quân người lao động	Nghìn VNĐ/ người/ tháng	12.800	14.000	+9,38%

Về doanh thu

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN 2014

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN 2015



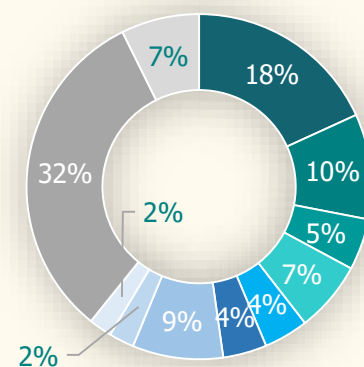
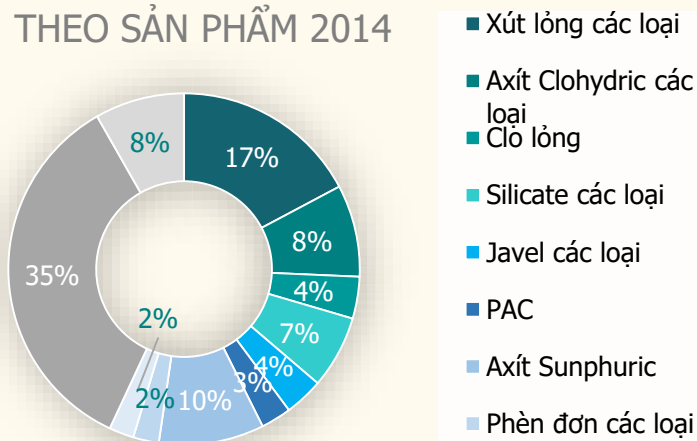
Qua các năm 2014, 2015, tỷ trọng các yếu tố doanh thu không thay đổi nhiều, với doanh thu thuần từ tiêu thụ (bán) thành phẩm đóng góp giá trị lớn nhất trong cơ cấu tổng doanh thu thuần. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa là yếu tố có giá trị lớn thứ hai với khoảng 10,5% bình quân cả 2 năm qua.

Năm 2015, do giá bán bình quân có sự sụt giảm nhẹ, sản lượng tiêu thụ cũng không tăng so với năm 2014 nên tổng giá trị doanh thu thuần đạt được trong năm giảm nhẹ (0,29%) so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu tổng doanh thu, trong khi doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác có xu hướng giảm sút so với 2014 mặc dù giá trị giảm không đáng kể, thì doanh thu tài chính có sự tăng cao với mức tăng gần 70%; giá trị tăng thêm chủ yếu là do lãi tiền gửi. Thực tế, giá trị tiền và tương đương tiền trong năm tăng hơn 35,6 tỷ đồng, tương đương mức tăng 13,65% so với cùng kỳ.

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN THEO SẢN PHẨM 2014

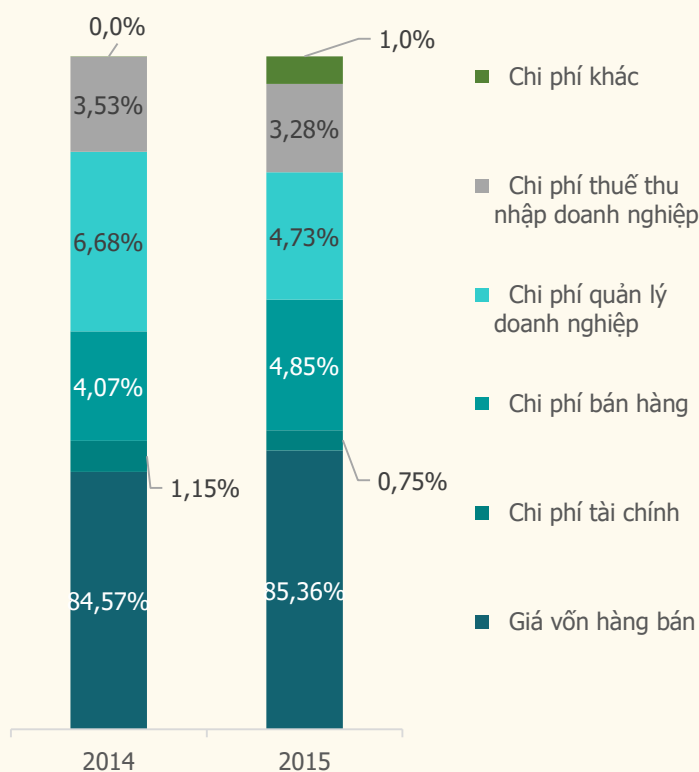
CƠ CẤU DOANH THU THUẦN THEO SẢN PHẨM 2015



Xét theo cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, Phốt pho vàng là sản phẩm chủ đạo với tỷ trọng hơn 30% qua các năm, tuy nhiên giá trị Phốt pho vàng đóng góp vào tổng doanh thu thuần sụt giảm hơn 10% trong năm 2015 so với cùng kỳ đã tác động tiêu cực đến tổng doanh thu thuần của Công ty trong năm. Sản phẩm biến động mạnh nhất trong năm 2015 là PAC, tăng 43% so với cùng kỳ tuy nhiên, với tỷ trọng chỉ chiếm 2,4% trong tổng doanh thu thuần nên sự tăng trưởng giá trị sản phẩm này không thể giúp làm tăng tổng giá trị doanh thu thuần trong năm.

## Về chi phí

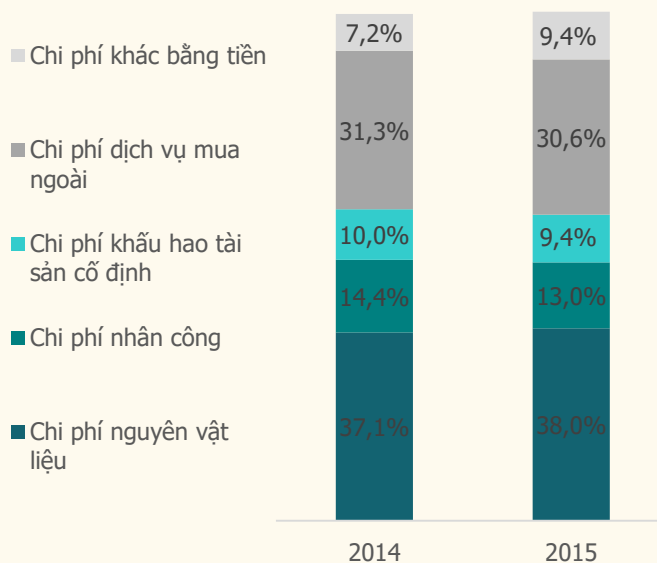
### CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 2014-2015



Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, trong năm 2015, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động của Công ty. Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng 85% qua các năm. Chi phí quản lý doanh nghiệp là yếu tố có giá trị lớn thứ 2 trong cơ cấu tổng chi phí, năm 2015 có sự sụt giảm mạnh về giá trị với mức giảm gần 30% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, dư nợ vay ngắn hạn phát sinh chủ yếu vào thời điểm cuối năm (nên chưa phát sinh lãi vay), do chuẩn bị nguồn vốn đối ứng cho dự án di dời 3 Nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 sẽ triển khai vào năm 2016. Về chi phí bán hàng là khoản mục lớn thứ 3 trong tổng chi phí hoạt động của công ty. Trong năm 2015, giá trị chi phí này cũng tăng so với cùng kỳ với mức tăng khoảng 19,8%. Các yếu tố chi phí còn lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động của toàn Công ty.

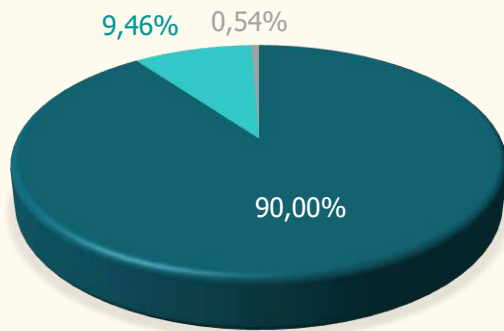
Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, nguyên vật liệu luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhóm các yếu tố sản xuất kinh doanh. Năm 2015, giá trị yếu tố này tăng 7,58% so với cùng kỳ, tỷ trọng tăng nhẹ từ 37,1% lên 38. Yếu tố chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 là chi phí dịch vụ mua ngoài, chiếm khoảng 31% tổng giá trị chi phí các yếu tố sản xuất kinh doanh; so với cùng kỳ, yếu tố này cũng có sự tăng nhẹ với mức tăng rất nhỏ (2,87%). Các yếu tố còn lại đều chung xu hướng với yếu tố nguyên vật liệu với mức biến động không đáng kể so với giá trị đạt được năm 2014.

### CƠ CẤU CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ 2014-2015

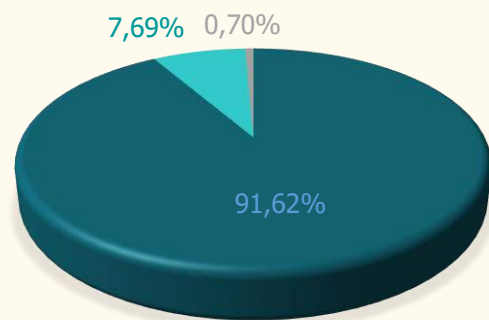


## VỀ CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

### CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP 2014



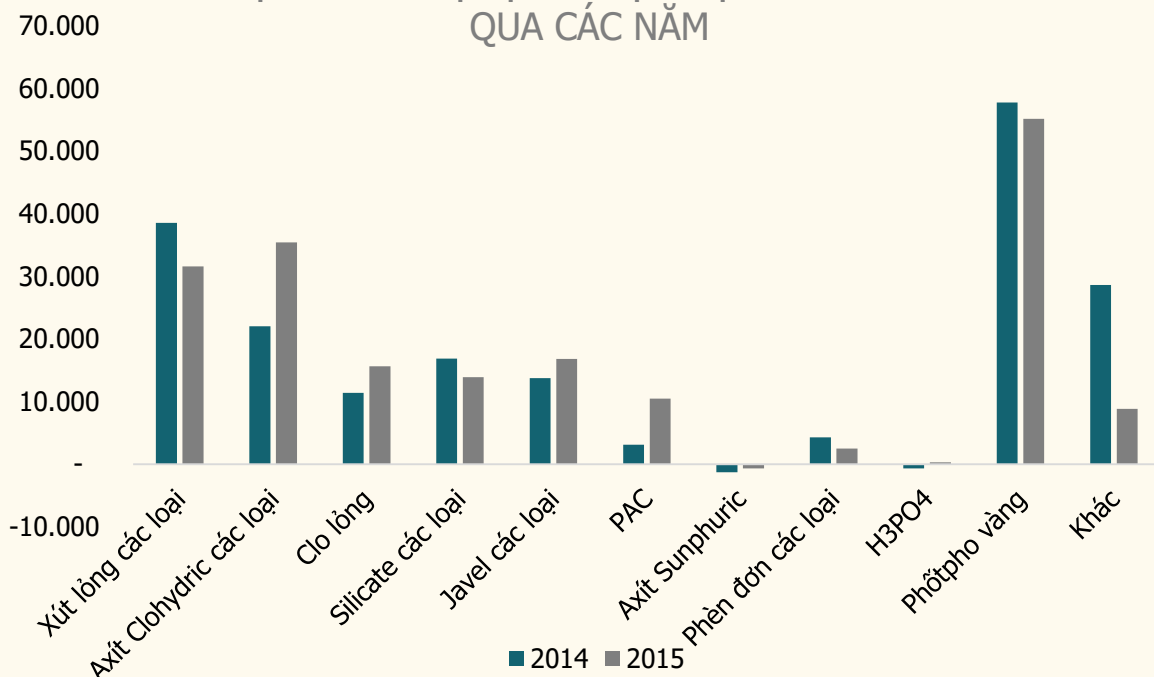
### CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP 2015



■ Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm   
 ■ Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa   
 ■ Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ

Với sự sụt giảm nhẹ của giá trị Doanh thu thuần (giảm 0,29%) cộng thêm sự tăng nhẹ của giá trị Giá vốn hàng bán (tăng 1,4%), tổng giá trị lợi nhuận gộp trong năm 2015 đã giảm hơn 5% so với cùng kỳ 2014. Trong cơ cấu lợi nhuận gộp, giá trị lợi nhuận từ bán thành phẩm luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, với giá trị hơn 90%. Giá trị lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa trong năm 2015 đã giảm mạnh (18,96%) so với kết quả đạt được năm 2014.

### BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ LỢI NHUẬN GỘP THEO SẢN PHẨM QUÁ CÁC NĂM



Biểu đồ thể hiện biến động giá trị từng sản phẩm trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty cho thấy Phốt pho vàng vẫn là sản phẩm mang lại biên lợi nhuận gộp cao cho Công ty và lợi nhuận mang lại từ sản phẩm này chỉ giảm nhẹ 4,5% so với cùng kỳ. Trong năm 2015, các nhóm sản phẩm: Axit Clohydric các loại, Clo lỏng, Javen các loại, PAC là những sản phẩm có biên lợi nhuận gộp tăng so với giá trị đạt được năm 2014. Ngược lại, Xút lỏng các loại, Silicate các loại là những sản phẩm giảm sút về biên lợi nhuận gộp trong năm 2015.



## Những tiến bộ đạt được trong năm 2015

Kết thúc một năm với bối cảnh tình hình chung còn nhiều bất ổn, công ty vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhờ khai thác có hiệu quả tất cả các nguồn lực, bao gồm:

### Công suất nhà máy

Do nhu cầu thị trường nội địa tăng mạnh, một số sản phẩm chủ lực của công ty (như axit clohydric, xút, PAC, clo lỏng, javel, clorua sắt của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa) đã tăng hết công suất sản xuất. Đặc biệt, nhà máy cung cấp không đủ sản lượng axit clohydric (HCl) nên đã quyết định mua thêm để cung cấp cho khách hàng đầy đủ và kịp thời. Riêng đối với sản phẩm acid phosphoric ở Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, do nhận thấy rủi ro cạnh tranh cao với hàng ngoại nhập từ Trung Quốc và Hàn Quốc nên nhà máy đã chủ động giảm bớt thời gian sản xuất trên dây chuyền. Tuy nhiên, để tận dụng năng lực công suất, nhà máy đã nhận gia công thêm và sản xuất acid phosphoric cho Công ty cổ phần Phốtpho Việt Nam để xuất khẩu, kết quả là dây chuyền tại đây đã chạy hết công suất từ những tháng cuối năm 2015 đến nay.

### Sản phẩm

Sản phẩm của công ty cung cấp cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau, từ ngành xử lý nước, điện, dệt nhuộm, tẩy rửa, giấy, phân bón, sản xuất bình ắc quy đến ngành chế biến thực phẩm. Kinh tế trong năm tăng trưởng tốt nên nhu cầu đối với các sản phẩm này cũng tăng theo. Công ty đã nắm bắt điều kiện này để tăng cường sản xuất, đồng thời mở rộng các kênh bán hàng, tận tình hướng dẫn công tác an toàn trong sử dụng các sản phẩm hóa chất cũng như giải đáp mọi thắc mắc một cách kịp thời, từ đó giúp khách hàng tin dùng sản phẩm của công ty. Năm qua, các sản phẩm của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa tiêu thụ rất tốt, cùng với sản phẩm phốt pho vàng của Công ty cổ phần Phốtpho Việt Nam tại Lào Cai, đã góp phần mang lại lợi nhuận chủ yếu cho Công ty.

### Tài chính

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam luôn là một khách hàng ưu tiên của các Ngân hàng trong nước do có tình hình tài chính vững vàng và lành mạnh. Trong năm qua, công ty tiếp tục giữ nguồn tài sản ổn định, cân đối được tình hình công nợ và hạn chế các khoản phải thu khó đòi. Bên cạnh đó, Công ty duy trì hệ số nợ thấp nhằm giảm những áp lực về chi phí lãi vay và rủi ro trong sử dụng đòn bẩy tài chính. Với việc niêm yết cổ phiếu tại HOSE, Công ty thêm chủ động về mặt tài chính cũng như kênh tiếp cận với nhiều nhà đầu tư hơn trên thị trường chứng khoán. Công tác công bố thông tin được thực hiện đúng quy định, thể hiện đúng trách nhiệm và sự quan tâm đối với cổ đông, đồng thời tăng sự minh bạch về tình hình của công ty, đặc biệt là tình hình tài chính.

### Nhân lực

Một trong những lợi thế quan trọng của Công ty là nguồn nhân lực dồi dào với tinh thần đoàn kết và luôn nỗ lực cùng Ban Lãnh đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Hiện nay, toàn công ty có 615 cán bộ công nhân viên với trình độ đang ngày một nâng cao nhờ công tác tuyển dụng và đào tạo nghiêm túc, chặt chẽ và hiệu quả. Mức lương bình quân của người lao động năm sau đều cao hơn năm trước với mức tăng trung bình là 10%. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện và đổi mới các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động, góp phần củng cố đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao mặt bằng chất lượng lao động để đáp ứng các mục tiêu chiến lược phát triển của công ty.

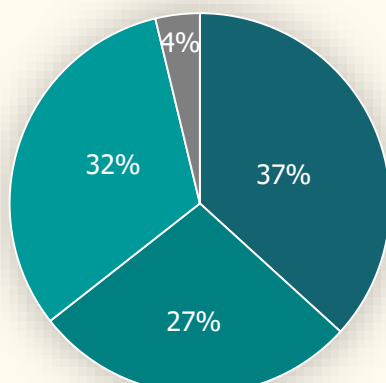
**Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2015/2014	Tỷ trọng 2015
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	643	808	+25,8%	79,91%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	330	203	-38,5%	20,09%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>973</b>	<b>1.012</b>	<b>+4,0%</b>	<b>100%</b>

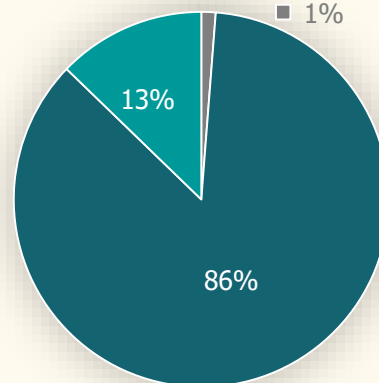
Năm 2015, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt hơn 1.000 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ. Sự tăng thêm giá trị tài sản chủ yếu là do sự đóng góp của giá trị tài sản ngắn hạn với sự tăng mạnh của giá trị khoản mục phải thu khách hàng (tăng hơn 60% so với năm 2014). Trong khi đó, tài sản dài hạn có sự sụt giảm đáng kể do trích khấu hao tài sản cố định trong năm và tài sản cố định đầu tư trong năm tăng không đáng kể, ngoài ra sự kết chuyển chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cũng góp phần làm giảm giá trị tài sản dài hạn.

Cơ cấu tài sản được trong những năm sau cổ phần hóa có sự dịch chuyển sang tỷ trọng tài sản ngắn hạn khi tỷ trọng này chỉ chiếm 60% năm 2013, nâng lên 66% năm 2014 và đạt gần 80% trong năm 2015.

Xét về cơ cấu mỗi nhóm tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn cụ thể như sau:

**CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN 2015**


- Tiền
- Hàng tồn kho
- Các khoản phải thu
- Tài sản ngắn hạn khác

**CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN 2015**


- Phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Tài sản dài hạn khác

**Về cơ cấu tài sản ngắn hạn**, tiền là khoản mục chiếm tỷ trọng tương đối lớn (gần 40% trong cơ cấu tổng giá trị tài sản ngắn hạn) trong đó tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền là yếu tố chiếm phần lớn tỷ trọng. Khoản mục các khoản phải thu và hàng tồn kho là 2 nhóm thành tố còn lại với tỷ trọng lần lượt là 32% và 27%. Tài sản ngắn hạn khác chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

**Về cơ cấu tài sản dài hạn**, giá trị tài sản cố định chiếm 86% tổng giá trị tài sản dài hạn trong đó, chi phí xây dựng dở dang và giá trị tài sản vô hình chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (lần lượt là 2,5% và 0,2%), còn lại là tài sản cố định hữu hình với hơn 97%.

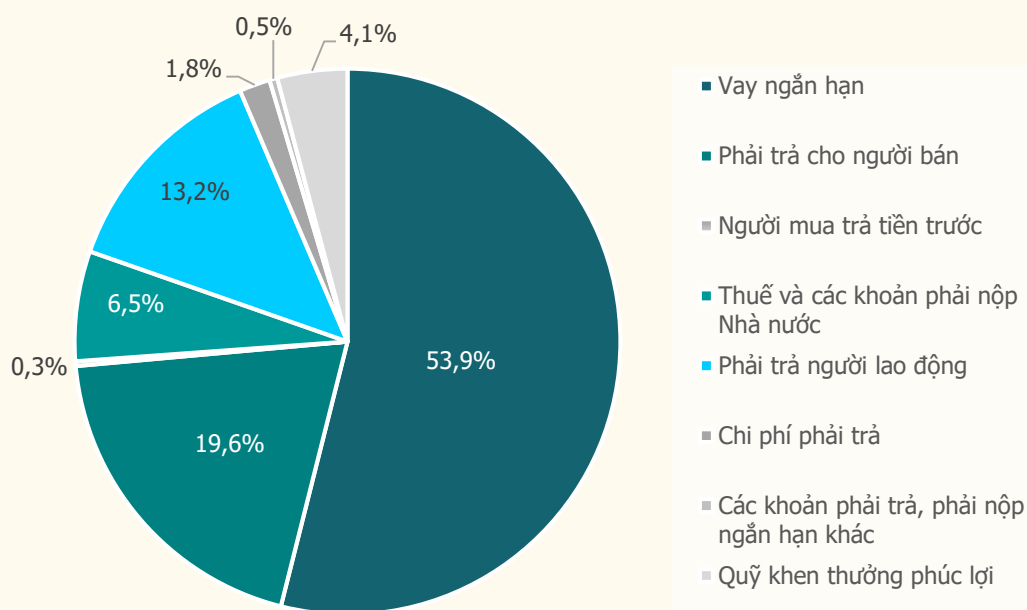
## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2015/2014	Tỷ trọng năm 2015
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	342	386	+13,0%	99,46%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	11	2	-80,2%	0,54%
<b>Tổng nợ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>352</b>	<b>388</b>	<b>+10,20%</b>	<b>100%</b>

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, Nợ ngắn hạn trong năm 2015 tăng gần 13% so với cùng kỳ, trong khi đó, nợ dài hạn giảm đáng kể (80,2%) và chỉ còn hơn 2 tỷ đồng trong năm 2015.

Cơ cấu chi tiết nợ phải trả ngắn hạn như sau

### CƠ CẤU NỢ NGẮN HẠN 2015



Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, vay ngắn hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 53,9% tổng giá trị nợ ngắn hạn. Đây cũng là khoản mục tăng đáng kể so với cùng kỳ 2014 (tăng 27%), trong đó, tổng giá trị các khoản vay tại Công ty mẹ chiếm gần 75% với hơn 45 tỷ đồng vay mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Khoản mục có giá trị lớn thứ hai là Phải trả người bán với gần 20% tổng giá trị các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Giá trị khoản mục này có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ với mức tăng 43% nguyên nhân do chuẩn bị nguồn vốn nhằm triển khai dự án di dời 3 Nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo kế hoạch phân kỳ đầu tư.

## VỀ TÌNH TRẠNG NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm			Tuổi nợ trên 1 năm		
	2014	2015	+/-	2014	2015	+/-
Các khoản vay	163.895	208.235	27,05%	10.551	2.091	-80,18%
Phải trả người bán và phải trả khác	55.146	77.645	40,80%	-	-	0,00%
Chi phí phải trả	1.915	7.065	269,00%	-	-	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>220.955</b>	<b>292.945</b>	<b>32,58%</b>	<b>10.551</b>	<b>2.091</b>	<b>-80,18%</b>

*ĐVT: Tỷ đồng*

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Trong năm 2015, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty đã tăng giá trị vay ngắn hạn với hơn 55 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty đủ khả năng tạo ra dòng tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### *Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay:*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	163.895	208.235
Vay dài hạn	Triệu đồng	10.551	2.091
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	15.280	7.350
Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	%	0,99%	0,48%

Năm 2015, tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần ở mức 0,48%. Đây là mức thấp và có xu hướng giảm so với cùng kỳ 2014, thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.



Không ngừng cập nhật tình hình trong và ngoài công ty, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời kỳ

- ✓ Công ty đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh rõ ràng cũng như những phương hướng chiến lược phù hợp để thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu sản xuất, trong đó bao gồm các mục tiêu chủ yếu như: nâng cao năng lực và sản lượng sản xuất, tạo mối quan hệ tốt với khách hàng, xúc tiến quảng cáo, đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng chủ lực, mở rộng thị trường. Đồng thời, chính sách của Công ty còn tập trung giải quyết công ăn việc làm, tạo thu nhập ổn định, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên. Các công tác về môi trường, góp phần xây dựng cộng đồng cũng được thực hiện thường xuyên, thiết thực hơn.
- ✓ Theo định hướng sắp tới, Công ty sẽ tiến hành dự án di dời các Nhà máy nằm trong khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai. Phương án di dời các nhà máy về KCN Nhơn Trạch 6 đã được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam phê duyệt về chủ trương. Công tác chuẩn bị di dời sẽ bắt đầu thực hiện từ năm 2016, có kết hợp với tăng công suất sản phẩm như tăng thêm lượng xút 100% NaOH 30.000 tấn/năm, tăng công suất axit sulphuric theo hai giai đoạn để đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng trong tương lai.

Khuyến khích những sáng kiến trong sản xuất, cải tiến trình độ kỹ thuật

Trong năm, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được thực hiện và phát huy hiệu quả cao, đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong hoạt động sản xuất như cải thiện điều kiện làm việc của công nhân sản xuất, giảm lao động chân tay; tiết kiệm chi phí xử lý môi trường; hợp lý hóa quy trình quản lý tài sản cố định; tăng công suất dây chuyền; cụ thể như sau:

- ✓ Thiết kế chế tạo hệ thống sang chiết can axit H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tại Kho bồn chứa cảng Gò Dầu; cải tạo, tăng cường hiệu suất xử lý khí thải đuôi dây chuyền axit sunfuric đạt trên 98%, đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành dây chuyền cũng như tăng cường năng lực ứng phó khi có sự cố, không để gây ra thiệt hại lớn về người và tài sản.
- ✓ Đầu tư chế tạo thiết bị trao đổi nhiệt II-E305 tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2, thay thế thiết bị nhập ngoại bằng thiết bị trong nước, giá thành hạ, tuổi thọ thiết bị cao.
- ✓ Xây dựng Quy trình quản lý kỹ thuật tài sản cố định tại Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam. Cải tiến quy trình sản xuất Natrisilicat.
- ✓ Cải tiến thiết kế thiết bị gia nhiệt hầm nấu chảy lưu huỳnh.
- ✓ Thử nghiệm sử dụng bổ sung nguồn nguyên liệu mới (phèn lỏng 6%) cho dây chuyền sản xuất muối nhôm sunfat.

### Đẩy mạnh, xúc tiến các mối quan hệ với nhà cung cấp cũng như khách hàng

- ✓ Công ty chủ trương duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào trong nước cũng như sản lượng tiêu thụ đầu ra. Ngoài ra, Công ty còn có mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp từ nước ngoài và tìm kiếm thêm nhiều đối tác cung cấp nguyên vật liệu đầu vào giá rẻ tùy theo tình hình biến động giá trên thị trường thế giới.
- ✓ Trong thời gian tới, công ty sẽ mở rộng thêm mạng lưới khách hàng, tích cực tìm kiếm và bồi dưỡng những khách hàng tiềm năng, đưa sản phẩm của công ty đến với nhiều đối tượng, nhiều địa bàn hơn. Công tác ghi nhận phản hồi và ý kiến đóng góp từ khách hàng và đối tác cũng sẽ được đẩy mạnh nhằm cải thiện chất lượng phục vụ và chất lượng sản phẩm.

2

4

### Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, tạo dựng và nâng cao lợi thế cạnh tranh trong thời hội nhập

- ✓ Trên thị trường hiện nay đã xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh về sản phẩm axit photphoric như CTCP Hóa chất Đức Giang, các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và đặc biệt là các công ty sản xuất Photpho vàng mới ra đời tại Lào Cai đang tích cực cạnh tranh hạ giá bán. Bên cạnh đó, sản phẩm axit sulphuric của Công ty gặp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ từ sản phẩm axit sunphuric sản xuất từ quá trình luyện kim giá rẻ của Hàn Quốc, Nhật Bản từ các Công ty tư nhân nhập khẩu. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến ưu thế của Công ty trên thị trường trong nước.
- ✓ Nhằm đối phó với thực trạng bất lợi này, trong ngắn hạn công ty đã tiến hành giảm giá cho những mặt hàng gặp phải sự cạnh tranh mạnh để duy trì thị phần, đồng thời tiến hành xây dựng một kế hoạch dài hạn nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh cho công ty. Chuỗi giá trị công ty được nghiên cứu kỹ càng để giảm giá thành sản phẩm xuống mức thấp nhất, tuy nhiên vẫn đảm bảo duy trì và không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm. Mặc dù là đối thủ cạnh tranh, công ty vẫn tìm kiếm cơ hội hợp tác trong ngành để có thể trao đổi kinh nghiệm, lao động, trình độ công nghệ theo phương châm cả hai bên cùng có lợi và góp phần vào sự phát triển chung của ngành hóa chất Việt Nam.

Năm 2015 khép lại với bức tranh kinh tế thế giới hỗn độn, đan xen những mảng màu sáng-tối như: kinh tế Mỹ khởi sắc, đà tăng trưởng của Trung Quốc chậm lại, sự phục hồi ở Khu vực Eurozone còn chậm chạp... Kinh tế thế giới năm 2016 được dự báo vẫn còn bấp bênh với không ít rủi ro như thương mại toàn cầu suy giảm; khả năng biến động thị trường tài chính do các nước tiếp tục phá giá đồng tiền và lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối.

Từ tình hình thực tiễn của năm 2015 và triển vọng của kinh tế thế giới và trong nước, kinh tế Việt Nam năm 2016 được dự báo sẽ tiếp nối xu hướng tăng trưởng của năm 2015 với mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt 6,7%, tỷ lệ lạm phát được dự báo tiếp tục duy trì ở mức thấp... Tuy nhiên, chính sách ổn định kinh tế vẫn cần đề phòng các áp lực từ môi trường kinh tế thế giới đối với lãi suất và tỷ giá, cũng như áp lực từ gia tăng nợ công trong nước.

Trước bối cảnh trong và ngoài nước cũng như thực tế đạt được năm 2015 của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2016 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2015	KH2016	YoY
<b>1</b>	<b>Giá trị SXCN theo giá thực tế</b>				
	a. Giá trị SXCN Cty Mẹ	Tr. đồng	1.060.000	1.034.030	98%
	b. Giá trị SXCN Cty Con	Tr. đồng	522.000	400.000	77%
<b>2</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>				
	Sản lượng sản phẩm sản xuất				
	+ Xút lỏng quy về 100%NaOH	Tấn	34.214	33.280	97%
	+ HCl 32%	Tấn	73.791	73.000	99%
	+ Clor lỏng	Tấn	5.104	4.800	94%
	+ Silicate	Tấn	32.250	35.500	110%
	+ Javel	Tấn	20.585	19.500	95%
	+ H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Tấn	51.536	55.000	107%
	+ Phèn đơn các loại	Tấn	7.109	7.000	98%
	+ Phèn đơn các loại	Tấn	7.109	7.000	98%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2015	KH2016	YoY
	+ H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub>	Tấn	1.567	2.000	128%
	+ Phốt pho vàng	Tấn	7.859	6.500	83%
	+ PAC	Tấn	19.564	16.500	84%
	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ				
	+ Xút lỏng quy về 100%NaOH	Tấn	24.921	22.685	91%
	+ HCl 32%	Tấn	54.741	62.000	113%
	+ Clor lỏng	Tấn	5.129	4.800	94%
	+ Silicate	Tấn	31.761	35.500	112%
	+ Javel	Tấn	20.445	19.500	95%
	+ H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Tấn	44.089	48.970	111%
	+ Phèn đơn các loại	Tấn	6.841	7.000	102%
	+ H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub>	Tấn	1.259	1.357	108%
	+ Phốt pho vàng	Tấn	7.242	6.500	90%
	+ PAC	Tấn	19.375	16.500	85%
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu tiêu thụ</b>				
	a. Doanh thu Cty Mẹ	Tr. đồng	1.131.000	1.048.000	93%
	b. Doanh thu Cty Con	Tr. đồng	494.000	400.000	81%
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				
	Lợi nhuận Cty Mẹ	Tr. đồng	167.000	168.000	101%
	Cổ tức từ Cty Con	Tr. đồng	32.000	18.000	56%
	Lợi nhuận Cty Con (P <sub>4</sub> )	Tr. đồng	61.000	50.000	82%
<b>5</b>	<b>Tổng mức vốn đầu tư XDCB</b>	Tr. đồng	8.656	10.834	125%

**Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá của về môi trường kinh doanh nói chung và ngành hóa chất nói riêng

Năm 2015 là một năm tăng trưởng tích cực của kinh tế Việt Nam với 13/14 chỉ tiêu đã đạt kế hoạch và GDP vượt mức kỳ vọng 6,2% đề ra từ đầu năm. Kinh tế cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực như lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, nhập siêu trở lại, nợ xấu được kiểm soát dưới 3%. Động lực mạnh cho nền kinh tế là ngành công nghiệp cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể với chỉ số sản xuất toàn ngành và chỉ số tiêu thụ tăng, trong khi tỷ lệ tồn kho lại thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế đã khởi sắc đáng kể khi Cộng đồng kinh tế ASEAN đã chính thức thành lập vào tháng 12 năm 2015, một loạt các hiệp định FTA đã được ký kết, và nổi bật là sự đồng thuận của Bộ trưởng 12 nước tham gia TPP, trong đó có Việt Nam. Có thể nói, chưa bao giờ những cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, học hỏi và cải tiến trình độ công nghệ, tìm kiếm nguồn lao động có chất lượng lại rộng mở với doanh nghiệp Việt Nam như thời điểm hiện nay.

Ngành hóa chất Việt Nam sản xuất các loại hóa chất công nghiệp và nông nghiệp từ những nguyên liệu đầu vào như dầu, khí tự nhiên, các loại khoáng chất và khoáng sản. Sản phẩm đầu ra của ngành chủ yếu là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa dầu, hóa chất cơ bản, điện hóa học, khí công nghiệp, hóa chất tẩy rửa, sơn và mực in, đây là những sản phẩm rất cần thiết phục vụ sinh hoạt và các ngành kinh tế khác. Trong điều kiện kinh tế như hiện nay, yêu cầu mở rộng của các ngành kinh tế khác, đặc biệt là ngành công nghiệp cũng sẽ kéo theo sự tăng trưởng về nhu cầu đối với các sản phẩm của ngành, trong đó nhóm phân bón và hóa chất cơ bản được kỳ vọng có tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, một yếu điểm của ngành hóa chất là khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn yếu. Phần lớn nguyên liệu cho ngành hóa chất phải nhập khẩu, gây nên áp lực lớn về giá chi phí đầu vào và những rủi ro liên quan đến tỷ giá. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến giá cả sản phẩm đầu ra và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

### Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm hóa chất của Công ty là nguyên liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, sản xuất giấy, dệt nhuộm, nhiệt điện, dầu khí...

Trước những thuận lợi và khó khăn chung của nền kinh tế cũng như ngành hóa chất Việt Nam, trong năm qua công ty đã tập trung mọi nỗ lực nhằm khai thác đồng bộ và có hiệu quả năng suất của các nhà máy, cơ sở sản xuất, không ngừng nâng cao trình độ tay nghề của nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác an toàn và vệ sinh môi trường. Nhờ vậy, Hóa chất Cơ bản miền Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty trong năm 2015

### Về hoạt động sản xuất

Công suất của các nhà máy được duy trì ổn định. Đối với một số sản phẩm chủ lực như HCl, xút, PAC, Javel, công suất đã được tăng lên tối đa để phục vụ đầy đủ và kịp thời cho nhu cầu tiêu dùng nội địa. Công ty tiến hành đánh giá định kỳ năng lực sản xuất của máy móc thiết bị và nguồn nguyên liệu sẵn có để có chiến lược phù hợp. Tiêu biểu, trong năm nay do nhu cầu tăng vọt đối với sản phẩm HCl, hoạt động thương mại đã được tăng cường để cung cấp cho khách hàng; giá thành sản phẩm  $H_3PO_4$  của công ty khá cao và bị cạnh tranh mạnh nên Ban lãnh đạo đã chủ trương giảm thời gian sản xuất trên dây chuyền, đồng thời nhận gia công sản phẩm này cho Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam, không để gây ra tình trạng lãng phí công suất nhà máy. Hoạt động sản xuất được tăng cường, nhưng luôn đi kèm với việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Trong năm công ty cũng tiến hành đầu tư hoàn thiện hệ thống sản xuất hiện hữu, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

### Về hoạt động bán hàng

Sản phẩm của công ty luôn đảm bảo chất lượng với giá cả linh hoạt, kết hợp với việc chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, tăng cường chăm sóc khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới, trong năm qua, Công ty đã từng bước giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hoạt động bán hàng được liên kết với hoạt động sản xuất nhằm nắm bắt tình hình thị trường, nâng cao hiệu quả tiêu thụ, không để tình trạng tồn kho kéo dài. Trong thời gian tới, công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước, phấn đấu luôn được bạn hàng tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và thương hiệu, uy tín của Công ty.

### Về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.

### Về công tác an toàn vệ sinh môi trường

Công ty đặc biệt chú trọng triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Người lao động được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cũng như kiến thức an toàn trong quy trình sản xuất. Máy móc thiết bị được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện sai sót, hỏng hóc để có hướng khắc phục kịp thời. Ngoài ra, các hoạt động tập huấn về công tác an toàn trong sản xuất và sử dụng sản phẩm, vận hành máy móc, thiết bị cũng được tăng cường để nâng cao kiến thức cho CBCNV, khách hàng và đối tác. Công ty tiến hành xử lý triệt để nước thải và rác thải sản xuất, thực hiện tốt trách nhiệm với môi trường.

Do nền kinh tế tăng trưởng, nhu cầu các mặt hàng Xút-Clo trong việc xử lý nước, vệ sinh, tẩy rửa tăng lên rõ rệt, sản lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm này từ đó có sự chuyển biến tích cực. Tuy nhiên các mặt hàng axit như  $H_2SO_4$ ,  $H_3PO_4$  của công ty chưa đạt kế hoạch mong đợi do gặp phải sự cạnh tranh của các mặt hàng giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Biến động trái chiều của hai nhóm sản phẩm đã đưa tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ giữ ở mức ổn định, hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	TH/KH
Giá trị sản xuất công nghiệp		Tỷ đồng			
1	Theo giá thực tế		1.484	1.582	106,60%
	Công ty mẹ		1.044	1.060	101,53%
	Công ty con		440	522	118,64%
2	Theo giá cố định		598	644	107,69%
	Công ty mẹ		402	424	105,47%
	Công ty con		196	220	112,24%
Sản lượng sản phẩm		Tấn			
1	Sản phẩm sản xuất		251.580	253.579	100,79%
2	Sản phẩm tiêu thụ		215.056	215.803	100,35%
Tình hình lao động trong công ty					
1	Số lượng	Người	850	615	94,12%
2	Thu nhập bình quân	Tr.đ/người/tháng	12.610	14.210	112,69%
Xuất nhập khẩu		1.000 USD			
1	Kim ngạch xuất khẩu		328	252	76,83%
2	Kim ngạch nhập khẩu		7.387	7.963	107,80%
Doanh thu tiêu thụ (hợp nhất)		Tỷ đồng	1.435	1.546	107,76%
Đầu tư xây dựng cơ bản		Tỷ đồng	16	9	53,43%
LNST cổ đông công ty mẹ		Tỷ đồng	115	133	115,97%

Thực hiện có hiệu quả hoạt động sản xuất và các công tác liên quan, kết thúc năm 2015, tình hình kinh doanh của công ty đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ.

Doanh thu đạt được kế hoạch chủ yếu từ các sản phẩm Xút- Clo, nhưng do chi phí sản xuất cao, giá điện tăng nên giá thành sản phẩm cũng cao, vì vậy lợi nhuận riêng của công ty mẹ mặc dù cao hơn so với kế hoạch nhưng vẫn thấp hơn so với năm 2014. Cổ tức nhận được từ công ty con đạt được cao hơn kỳ vọng đưa mức tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh cao hơn so với kế hoạch đề ra.

Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt được kế hoạch do công ty duy trì nguồn cung ổn định, có mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp nước ngoài. Tuy vậy xuất khẩu vẫn còn hạn chế, do gặp phải sự cạnh tranh của các đối thủ trong và ngoài nước. Thu nhập của người lao động tăng hơn 11%, theo đúng mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong công ty.



## Hoạt động đầu tư

Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư để hoàn thiện quy trình, từng bước ổn định nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... phục vụ công tác lưu trữ hàng hóa.

### Kết quả thực hiện công tác đầu tư trong năm như sau

- Vốn đầu tư kế hoạch: 16.200 triệu đồng.
- Vốn đầu tư đã thực hiện: 8.656 triệu đồng, đạt 53% so với kế hoạch.
- Vốn đầu tư huy động và giải ngân: 9.656 triệu đồng.

### Tình hình quản lý các dự án đầu tư

- Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án "Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa". Dự án dự kiến trình duyệt trong Quý 2 năm 2016.
- Lập báo cáo phương án di dời 3 Nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai và báo cáo lựa chọn địa điểm; trình hồ sơ xin chủ trương đầu tư di dời 3 Nhà máy với địa điểm di dời là KCN Nhơn Trạch 6, Tỉnh Đồng Nai. Phương án thuê đất, thuê hạ tầng đã được HĐQT phê duyệt; hiện đang tiến hành thủ tục ký hợp đồng thuê đất, thuê hạ tầng với chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6 (phân khu 6C).
- Lập hồ sơ và trình duyệt xin chủ trương trả Giấy phép khai thác khoáng sản số 1121/GP-BTNMT được Bộ tài nguyên và Môi trường cấp năm 2006 tại Mỏ Bảo Lộc, được HĐQT phê duyệt chủ trương. Công ty đang tiến hành lập Đề án đóng cửa mỏ, trình Bộ TNMT phê duyệt.
- Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng và kịp thời điều chỉnh kế hoạch thực hiện theo sát thực tế.
- Các cán bộ tham gia thực hiện quản lý dự án đều đáp ứng được năng lực về tổ chức thực hiện dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định về quản lý đầu tư của Nhà nước.

### Hoạt động sửa chữa lớn

- Công tác sửa chữa lớn luôn được Công ty chú trọng, nhằm bảo đảm sản xuất ổn định, nâng cao năng suất và chất sản phẩm.
- Kết quả thực hiện công tác sửa chữa lớn trong năm 2015:
  - Số hạng mục đăng ký trong kế hoạch: 23 hạng mục
  - Số hạng mục đã thực hiện: 23 hạng mục
  - Số hạng mục đã được sửa chữa hoàn chỉnh: 22 hạng mục
  - Số hạng mục còn dở dang: 01 hạng mục
  - Giá trị thực hiện sửa chữa lớn tính đến 31/12/2015: 24.765 triệu đồng, đạt 83,62% so với kế hoạch đã được duyệt.



Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2



Nhà máy Hóa chất Đồng Nai



Nhà máy Hóa chất Biên Hòa



Đập tràn 2 – Mở Bô xít Bảo Lộc



Nhà máy Hóa chất Tân Bình

## Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)

Công tác nghiên cứu và phát triển không chỉ là yếu tố được Ban lãnh đạo Công ty coi trọng, đặt ưu tiên hàng đầu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn được nhấn mạnh để tập trung triển khai thực hiện trong Quyết định về việc tái cơ cấu ngành hóa chất do Bộ Công Thương ban hành. Trong năm 2015 và trong cả giai đoạn 2015-2020, Công ty đã, đang và sẽ chú trọng thực hiện các công tác sau:

- Từng bước cải tiến công nghệ, mở rộng cơ sở sản xuất để đảm bảo cung cấp các hóa chất cơ bản thông dụng như axit sunfuric, axit clohydric, xút, clo... phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Nghiên cứu thị trường để từng bước xây dựng và phát triển sản xuất các loại hóa chất kỹ thuật cao, hóa chất tinh khiết phục vụ cho nhu cầu phong phú của các ngành kinh tế kỹ thuật khác.
- Đầu tư nghiên cứu, cải tiến công nghệ sản xuất Phốt pho vàng, đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất và an toàn trong sản xuất, nghiên cứu các sản phẩm có giá trị kinh tế cao từ Phốt pho.
- Tiến hành di dời các nhà máy sản xuất tại KCN Biên Hòa 1 theo đúng lộ trình.

## Các hoạt động khác

- **Chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực:** Trong lĩnh vực hóa chất với yêu cầu khắt khe về mặt an toàn kỹ thuật thì năng lực của người lao động luôn luôn được quan tâm hàng đầu. Cùng với việc trả tiền lương đúng hạn và phù hợp với năng lực người lao động, Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên thông qua các chính sách tặng quà, thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, trợ cấp tai nạn nghề nghiệp, thường xuyên tổ chức và phát động các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao. Hoạt động đào tạo được đẩy mạnh nhằm không ngừng nâng cao trình độ tay nghề, kỹ thuật cho người lao động. Bên cạnh đó, công ty chú trọng tuyển dụng người lao động vừa có kinh nghiệm vừa có trình độ ngoại ngữ, khuyến khích CBCNV trau dồi ngoại ngữ để phù hợp với tiến trình mở rộng cũng như phát triển cơ hội trong thời kỳ hội nhập.
- **Hoàn thiện và ban hành quy chế quản trị nội bộ:** Thời gian qua công ty đã tiến hành soạn thảo, phê duyệt và ban hành Quy chế mua hàng, Quy chế bán hàng, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý TSCĐ, Quy định hướng dẫn thực hiện công tác sửa chữa lớn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, duy trì sự ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh.



## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2015, HĐQT đánh giá cao về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT một cách nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển mà HĐQT đã đề ra.

Ban TGD đã điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ trình HĐQT phê duyệt.

Trong lĩnh vực sản xuất, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung thực hiện các giải pháp áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào công tác quản lý vận hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, vì vậy đã đảm bảo công tác sản xuất an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín, thương hiệu Hóa chất cơ bản miền Nam.

Trong hoạt động đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn Ban TGD đã có những chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu các đơn vị lập tiến độ thi công chi tiết. Nhờ sự điều hành linh hoạt, khoa học của Ban TGD trong năm qua phần lớn các công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn trong kế hoạch đã được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm. Các hoạt động sửa chữa đều được thực hiện theo đúng thủ tục và quy chế của Công ty, các hạng mục sửa chữa đều phát huy tính hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cần thiết phải sửa chữa để duy tu, phục hồi hiện trạng cho thiết bị bảo đảm an toàn và ổn định sản xuất. Tổng giá trị triển khai công tác sửa chữa lớn TSCĐ năm 2015 của công ty: 29,6 tỷ.

Trong năm triển khai các hoạt động đầu tư, mua sắm mới một số thiết bị công nghệ để thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu công nghệ, bổ sung năng lực thiết bị ở một vài công đoạn sản xuất để đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Nhà máy như dự án đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015, tổng giá trị đầu tư: 26,623 tỷ; Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2, tổng giá trị đầu tư: 3,7 tỷ (đang thực hiện); Dự án đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350, thay thế cho điện phân cũ DD350 hiện đã xuống cấp, đáp ứng yêu cầu sản lượng và nâng công suất của dây chuyền xút-clo. Tổng giá trị đầu tư: 122 tỷ (đang thực hiện)

Trong hoạt động chung, Ban TGD Công ty đã quan tâm song song cả hai mặt về nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và củng cố đội ngũ CBCNV. Ban TGD Công ty đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên cải tiến dịch vụ khách hàng, nắm bắt, cập nhật thông tin về khách hàng một cách thường xuyên, qua đó chăm sóc, phục vụ khách hàng nhanh chóng và chính xác. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác phục vụ khách hàng, triển khai nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, qua đó phục vụ các đối tượng khách hàng ngày một tốt hơn, đảm bảo duy trì mạng lưới khách hàng tiềm năng và truyền thống của Công ty.

Trong thời gian tới, để đạt được các mục tiêu đề ra, Ban TGD Công ty quan tâm hơn nữa trong chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn lao động. Xây dựng định hướng kinh doanh tập trung vào việc nâng cao năng lực sản xuất; tiếp tục đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất cùng với áp dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý vận hành và kinh doanh; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua tái cấu trúc lại mô hình tổ chức sản xuất, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động; mở rộng đầu tư hiệu quả vào các loại hình kinh doanh Công ty có lợi thế cạnh tranh nhằm mở rộng sản xuất và gia tăng lợi nhuận cho cổ đông Công ty.



**Triển vọng kinh tế và ngành trong năm 2016**

Là năm khởi đầu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 – 2020, năm 2016 được kỳ vọng sẽ mang lại những chuyển biến nhảy vọt cho kinh tế Việt Nam. Điều kiện kinh tế vĩ mô đang có những dấu hiệu tích cực với tốc độ tăng trưởng khả quan và lạm phát ở mức thấp. Tâm lý và niềm tin của nhà đầu tư đang ngày một lạc quan hơn khi môi trường kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Hệ thống pháp lý được hoàn thiện dần tạo sự minh bạch và công bằng trong công tác quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Đặc biệt, kinh tế Việt Nam đang đứng trước cơ hội phát triển mạnh mẽ với sự hội nhập ngày một sâu rộng vào kinh tế thế giới.

Mặc dù vậy, nền kinh tế vẫn ẩn chứa nhiều rủi ro bất ổn như nợ công cao, nợ xấu ngân hàng vẫn đang còn là rào cản đối với nhiều doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh. Thêm vào đó là giá dầu xuống mức thấp sẽ gây ra không ít ảnh hưởng tiêu cực đến cả nền kinh tế. Thời hội nhập cũng tạo điều kiện để các doanh nghiệp nước ngoài tiếp cận thị trường trong nước, doanh nghiệp Việt Nam cần có chiến lược cạnh tranh phù hợp để vừa hợp tác kinh doanh, học hỏi trình độ công nghệ, vừa hạn chế những rào cản ngôn ngữ, đảm bảo duy trì ổn định thị phần tiêu thụ trong nước và mở rộng cơ hội đầu tư ra nước ngoài.

**Kế hoạch trong năm 2016 của Hội đồng Quản trị**

Trước bối cảnh triển vọng kinh tế trong nước và thế giới như vậy, Hội đồng quản trị Công ty đặt ra một số chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2016 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	KH 2016 / TH 2015
1	Giá trị SXCN theo giá cố định	Tỷ đồng	644	612	102,34%
	a. Giá trị SXCN Công ty mẹ		424	430	106,97%
	b. Giá trị SXCN Công ty con		220	182	92,86%
	Giá trị SXCN theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.582	1.446	91,40%
	a. Giá trị SXCN Công ty mẹ		1.060	1.046	97,04%
	b. Giá trị SXCN Công ty con		522	400	76,63%
2	Tổng doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	1.585	1.448	91,36%
	a. Doanh thu Công ty mẹ		1.091	1.048	96,06%
	Doanh thu sản phẩm SXCN		964	953	98,86%
	Doanh thu thương mại		127	95	74,80%
	b. Doanh thu Công ty con		494	400	80,97%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	KH 2016/ TH 2015
3	Tổng kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	252	200	79,37%
4	Tổng kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	7.963	7.459	93,67%
5	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	197	200	101,52%
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	186	101	54,30%

### Các giải pháp thực hiện

#### Về hoạt động sản xuất kinh doanh

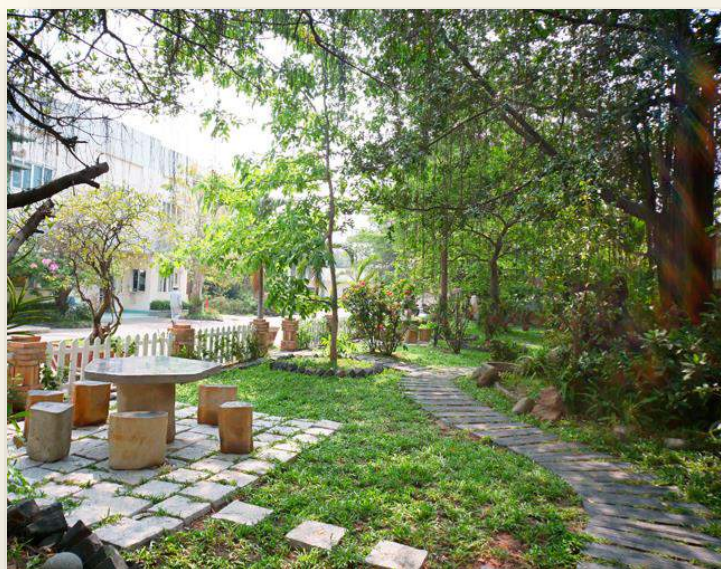
- Công ty tập trung nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu tiêu thụ đối với từng chủng loại sản phẩm nhằm có kế hoạch ưu tiên sản xuất sao cho phù hợp. Công suất của các nhà máy, hệ thống sản xuất sẽ tiếp tục được nâng cấp và đẩy mạnh đến mức tối đa nhằm nâng cao năng suất.
- Các dây chuyền sản xuất hiện hữu sẽ được hoàn thiện cũng như nâng cấp, sửa chữa. Công tác kiểm tra định kỳ và bất thường các bình chứa, kho bãi, các thiết bị an toàn, phòng cháy chữa cháy sẽ được tiến hành thường xuyên hơn. Người lao động được khuyến khích góp ý kiến về vấn đề này cũng như các điều kiện khác phát sinh trong quá trình lao động sản xuất thông qua hộp thư góp ý, đối thoại để công ty có thể nắm bắt kịp thời những hư hỏng, bất cập để sửa chữa cho kịp thời, đảm bảo duy trì sự ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong công tác bán hàng, hoạt động marketing được đẩy mạnh kết hợp với việc tìm kiếm và phát triển mạng lưới khách hàng. Đồng thời, công ty chú trọng công tác quan tâm, chăm sóc khách hàng, tìm hiểu đối tác cũng như những khó khăn mà họ gặp phải, từ đó tiến hành giải đáp, hướng dẫn kịp thời.
- Với mục tiêu mở rộng mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước trên cơ sở hợp tác hai bên cùng có lợi, trong thời gian tới công ty sẽ chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp sản phẩm đầu vào có chất lượng, duy trì mối quan hệ với các đối tác hiện tại nhằm quản lý tốt khâu đầu vào. Bên cạnh đó, đối tác đầu ra sẽ được ưu tiên hơn, tiếp nhận những ý kiến đóng góp để không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm.
- Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.

### Về hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

- Nguồn nhân lực là điều kiện quan trọng quyết định năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị chủ trương đề nghị Ban Điều hành tổ chức thêm các lớp đào tạo cho người lao động, kiểm tra sức khỏe định kỳ và cung cấp đầy đủ, thay mới trang thiết bị bảo hộ lao động nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất về năng lực sức khỏe cũng như trình độ chuyên môn cho người lao động. Xây dựng, ban hành hệ thống thang bảng lương mới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn tại Công ty, với mục tiêu ngày càng nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Cuối cùng, Công ty sẽ tăng cường mạnh mẽ hơn nữa mối liên kết với các đơn vị thành viên trong toàn bộ các công tác sản xuất, bán hàng, phát triển thị trường, tiến hành chuyển giao trình độ công nghệ để các cơ sở sản xuất có điều kiện nâng cao năng lực sản xuất. Định kỳ, Ban lãnh đạo tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, thể dục thể thao, thăm hỏi người lao động để nắm bắt tình hình cũng như động viên khích lệ tinh thần hăng say sản xuất, thi đua cho toàn khối công ty.

### Về đầu tư phát triển

- Công ty tập trung nguồn lực tài chính để cải tiến công nghệ, mở rộng cơ sở sản xuất đảm bảo cung cấp đủ sản phẩm đảm bảo cả về chất lượng lẫn số lượng. Với sự hỗ trợ của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty có điều kiện đầu tư mua sắm mới các trang thiết bị và công nghệ hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng, góp phần nâng cao năng lực sản xuất hiện có của công ty.
- Hoạt động sản xuất phốt pho vàng thời gian qua đã ghi nhận nhiều thành quả tích cực, trong thời gian tới công ty sẽ tiếp tục nhân rộng sản phẩm này. Các sản phẩm khác của công ty cũng sẽ được nghiên cứu để không ngừng nâng cao chất lượng, đặc biệt là các hóa chất kỹ thuật cao, hóa chất tinh khiết. Trong trường hợp cần thiết sẽ mở rộng dây chuyền để gia công sản phẩm cho các công ty có nhu cầu.
- Lập báo cáo và triển khai dự án di dời 3 Nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai về KCN Nhơn Trạch 6, Tỉnh Đồng Nai, đồng thời kết hợp đầu tư xây dựng Nhà máy xút-clor công suất 30.000 tấn NaOH 100% tại địa điểm mới.





### Về hoạt động tài chính

- Nhằm nâng cao năng lực tài chính, công ty sẽ xây dựng chiến lược bán hàng hiệu quả sao cho đẩy nhanh tiến độ thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nâng cao năng lực quản lý các hạng mục chi phí đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đội ngũ nhân viên sẽ tiến hành nghiên cứu thị trường nhằm đưa ra chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng, trong đó có chú ý đến thời hạn thu hồi, thời hạn chiết khấu trên giá bán. Định kỳ, công ty sẽ tiến hành xem xét và trao thưởng cho đơn vị, nhân viên thực hiện tốt công tác này nhằm động viên, khích lệ tinh thần và nhân rộng mô hình cho các đơn vị khác.
- Trong hoạt động quản lý hàng tồn kho, công ty sẽ kiểm tra chất lượng hàng hóa kỹ càng, bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời kho bãi, thùng chứa, xe vận chuyển để đảm bảo hàng hóa được duy trì về số lượng và chất lượng trong quá trình bảo quản hoặc khi giao cho khách hàng. Công tác phòng cháy chữa cháy cũng được đẩy mạnh nhằm phòng ngừa và hạn chế tối đa hậu quả khi xảy ra sự cố. Tất cả những công tác này là vì mục tiêu nâng cao số vòng quay hàng tồn kho trong năm, đồng thời tránh thất thoát tài sản cho công ty do đặc thù hóa chất rất dễ cháy nổ, hư hỏng, biến đổi trong quá trình bảo quản.

### Về các công tác khác

- Tăng cường đầu tư công tác đào tạo, nâng cao tay nghề, trình độ cho đội ngũ CBCNV của Công ty, đặc biệt là đội ngũ lao động trẻ. Chú trọng các chế độ đãi ngộ người lao động nhằm khuyến khích tinh thần, thái độ và năng lực người lao động.
- Đầu tư nguồn lực để hoạch định và triển khai công tác nghiên cứu thị trường đối với các hóa chất kỹ thuật cao, hóa chất tinh khiết.
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, hưởng ứng các phong trào của Tập đoàn và địa phương. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động, tiết kiệm điện, nước, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.
- Phát triển văn hóa Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam, nêu cao tinh thần chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau trong tập thể CBCNV cũng như ý thức giúp đỡ cộng đồng, trách nhiệm xã hội.







CÔNG

# ĐẠI HỘI ĐỒNG

NG CUA HDQT

hình kinh tế và ngành hóa

on đi cùng với sự phát triển

tiên thủ nhiên sản phẩm

... Đây sẽ là cơ hội cho các

ty Cổ phần Hoa chất có bản

nh có nhiên triển và

ng phát triển của N

hư đã có Quyết đ

Phê duyệt chiến

Nam đến năm 2020

hạt triển sản phẩm

$\text{CaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$

$\text{NaOH}$

TP. HỒ CH

$\text{H}_3\text{PO}_4$

NEW WORLD  
SAIGON HOTEL

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

# NG CỐ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



$NH_3$

$NaOCl$

$HCl$

25 năm 2015

$H_2SO_4$

$Na_3PO_4$

$H_2O$

**Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	2.500	0,006%
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	53.400	0,120%
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	-
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	0	-
Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	2.700	0,006%

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT		4	100%	
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT		4	100%	
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT		3	75%	Đi công tác
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	07/04/2015	1	25%	
Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	07/04/2015	3	75%	
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT		4	100%	

### Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	09/QĐ-HCCB	06/01/2015	Về việc thành lập địa điểm kinh doanh (Kho chứa hàng – Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam)
2	95/QĐ-HCCB	21/01/2015	Về việc cử Ông Lê Văn Hùng – Chủ tịch HĐQT và Ông Nguyễn Hoài Phú – PTGD đi công tác ngắn hạn tại Hồng Kông
3	177/NQ-HĐQT	12/02/2015	Nghị quyết về kỳ họp HĐQT lần thứ 6, nhiệm kỳ 2014 -2018
4	189/QĐ-HĐQT	27/02/2015	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2015
5	224/QĐ-HĐQT	10/03/2015	Về việc ban hành Quy chế tài chính
6	238/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Về việc phê duyệt dự án “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015”
7	252/QĐ-HĐQT	20/03/2015	Về việc cử nhân sự tham ứng cử thành viên HĐQT, BKS Công ty CP Phốt Pho Việt Nam
8	264/QĐ-HĐQT	24/03/2015	Về việc ban hành Quy chế bán hàng
9	266/QĐ-HĐQT	24/03/2015	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015”
10	308/NQ-HĐQT	07/04/2015	Nghị quyết về kỳ họp HĐQT lần thứ 7, nhiệm kỳ 2014 -2018
11	309/QĐ-HĐQT	07/04/2015	Về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Lê Thanh Bình
12	310/QĐ-HĐQT	07/04/2015	Về việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Lê Phương Đông giữ chức vụ thành viên HĐQT
13	04/QĐ-HCCB	22/04/2015	Về việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Lê Thanh Bình giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty



<b>STT</b>	<b>Số Nghị Quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
14	382/QĐ-HĐQT	11/05/2015	Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói số 2 "Thiết bị đo lường" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015"
15	387/NQ-HĐQT	12/05/2015	Về việc chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền
16	396/QĐ-HĐQT	15/05/2015	Về việc chi thưởng tập thể HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát
17	435/QĐ-HĐQT	02/06/2015	Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói số 1 "Thiết bị mua trong nước" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015"
18	436/QĐ-HĐQT	02/06/2015	Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói số 1 "Thiết bị nhập ngoại" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015"
19	460/QĐ-HĐQT	12/06/2015	Về việc tài trợ xây dựng công trình Sở chỉ huy đảo Trường Sa
20	496/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Về việc ban hành Quy chế mua hàng
21	499/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 2 "Thiết bị đo lường" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015"
22	586/QĐ-HĐQT	24/07/2015	Về việc điều chỉnh tiến độ của báo cáo kinh tế kỹ thuật "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2014"
23	588/QĐ-HĐQT	28/07/2015	Về việc phê duyệt kết quả đấu thầu. Gói số 01 "Thiết bị mua trong nước"
24	597/NQ-HĐQT	30/07/2015	Nghị quyết về kỳ họp thứ 8, HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018
25	612/QĐ-HĐQT	06/08/2015	Về việc ban hành Quy chế quản lý đoàn đi công tác nước ngoài và đoàn nước ngoài vào làm việc tại công ty.
26	647/NQ-HĐQT	26/08/2015	Nghị quyết về chi trả tạm ứng cổ tức năm 2015 đợt 1 bằng tiền.

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
27	667/QĐ-HĐQT	01/09/2015	Về việc phê duyệt kết quả đấu thầu. Gói số 03 "Thiết bị nhập ngoại"
28	695/QĐ-HĐQT	10/09/2015	Về việc hủy kết quả đấu thầu lô 2 "Nồi phản ứng silicate" và lô 3 "Bồn hòa tan KCl".
29	740/QĐ-HĐQT	30/09/2015	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói số 1 "Thiết bị mua trong nước" và gói số 3 "Thiết bị nhập ngoại".
30	804/QĐ-HĐQT	30/10/2015	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2015 (rà soát, cập nhật).
31	805/QĐ-HĐQT	30/10/2015	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2016.
32	806/NQ-HĐQT	30/10/2015	Nghị quyết về kỳ họp thứ 9, HĐQT nhiệm kỳ 2014 -2018.
33	812/QĐ-HĐQT	03/11/2015	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Báo cáo kinh tế kỹ thuật "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2014".
34	835/QĐ-HĐQT	12/11/2015	Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói số 1A "Thiết bị mua trong nước" thuộc dự án "Đầu tư thiết bị lẻ năm 2015".
35	850/QĐ-HĐQT	18/11/2015	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
36	853/QĐ-HĐQT	19/11/2015	Về việc phê duyệt chủ trương trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản số 1121/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/08/2006.
37	864/QĐ-HĐQT	24/11/2015	Về việc cử Ông Nguyễn Hữu Thọ - Tổng Giám đốc đi công tác ngắn hạn tại Úc từ 06/12/2015 đến hết ngày 12/12/2015.

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
38	904/QĐ-HĐQT	09/12/2015	Về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản cố định của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
39	943/QĐ-HĐQT	24/12/2015	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thiết bị.
40	962/QĐ-HĐQT	30/12/2015	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói số 3 "Thiết bị nhập ngoại".
41	967/QĐ-HĐQT	31/12/2015	Về việc thành lập bên mời thầu của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty ... Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Căn cứ quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn của Công ty, của từng đơn vị trực thuộc và của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc bằng văn bản, đồng thời phải báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Trong năm 2015 các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ;
- Công tác lập phương án di dời 3 Nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai;
- Công tác thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công tác chuẩn bị, tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;
- Xem xét đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT Lê Thanh Bình và bổ nhiệm thành viên HĐQT Lê Phương Đông, và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua;
- Triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã quyết nghị ngày 25/04/2015;
- Thực hiện và hoàn tất chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015.

## Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Đến nay, toàn bộ các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Thư ký công ty đều đã tham gia Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng do UBCK NN tổ chức và cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm tham gia
1	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	2014
2	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	2014
3	Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	2014
4	Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	2014
5	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	2015
6	Bà Lê Thúy Mai	Trưởng BKS	2014
7	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên BKS	2014
8	Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS	2014
9	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng giám đốc	2014
10	Ông Hoàng Minh Đức	Phó tổng giám đốc	2015
11	Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó tổng giám đốc	2014
12	Ông Lê Thanh Bình	Phó tổng giám đốc	2014
13	Bà Võ Thị Diễm Hằng	Thư ký Công ty	2015





**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Bà Lê Thúy Mai	Trưởng ban kiểm soát	0	-
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên ban kiểm soát	23.200	0,052%
Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên ban kiểm soát	1.500	0,003%

**Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp. Cụ thể:

STT	Ngày họp	Nội dung họp	Tỷ lệ tham gia
1	17/04/2015	Chuẩn bị nội dung báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên 2015	100%
2	24/09/2015	Đánh giá thường kỳ tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2015	100%

**Đánh giá của Ban kiểm soát**

Về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của Công ty trong năm 2015

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2014	2015
1	Tổng tài sản	973.047	1.011.680
2	Tổng nguồn vốn CSH	579.713	623.445
3	Doanh thu thuần	1.550.909	1.546.381
4	Lợi nhuận trước thuế	206.084	196.487
5	Lợi nhuận sau thuế	156.552	150.257
6	Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	138.583	133.371

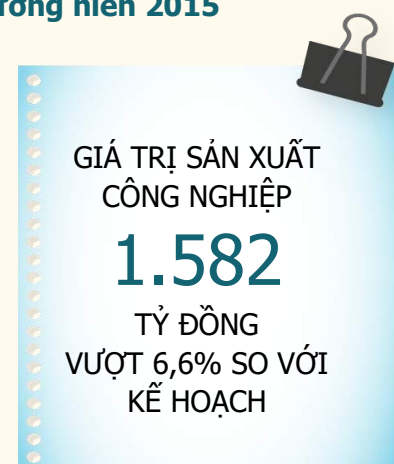
### Tình hình tài chính của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
1	Cơ cấu tài sản:		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	20,09
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	79,91
2	Cơ cấu nguồn vốn:		
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	38,38
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	61,62
3	Khả năng thanh toán:		
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,43
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,09

Nhìn chung, tình hình tài chính Công ty ổn định, cơ cấu tài sản, nguồn vốn là phù hợp với tình hình hiện tại của doanh nghiệp, khả năng thanh toán tốt. Hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2015 mặc dù có thấp hơn năm 2014, tuy nhiên với những khó khăn phát sinh trong năm 2015 như giá điện tăng bình quân 7,5% từ 15/03/2015, thị trường cạnh tranh gay gắt, một số sản phẩm tiêu thụ chậm, phải hạ giá bán... thì kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2015 như trên là một sự nỗ lực rất lớn của tập thể Ban điều hành và người lao động trong công ty.

### Đánh giá về tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015

Năm 2015, hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung vào định hướng, mục tiêu mà ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua ngày 25/04/2015. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời đúng đắn, Ban Tổng giám đốc đã điều hành linh hoạt, nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, có quyết sách hợp lý đối với hoạt động bán hàng, hàng hóa tồn kho, dự trữ vật tư nguyên liệu tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh các giải pháp kỹ thuật, giảm định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bảo đảm dây chuyền sản xuất ổn định với năng suất và chất lượng sản phẩm cao.



ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2015	TH 2015	TH/ KH 2015
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	1.484	1.582	106,60%
2	Sản lượng sản phẩm	Tấn	466.636	469.382	100,59%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.435	1.546	107,76%
4	LNST cổ đông Công ty mẹ	Tỷ đồng	115	133	115,97%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 ngày 25/04/2015 đã đề ra trong kế hoạch năm 2015 đều đạt và vượt cao.

### **Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông**

Trong năm 2015, BKS nhận thấy HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện trách nhiệm cao, cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, luôn vì lợi ích chung của Công ty, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của người lao động:

- HĐQT, Ban điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính, trong các giao dịch và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HĐQT hoặc Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty;
- Ban điều hành đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, vừa kiên trì với mục tiêu định hướng, vừa có quyết định phù hợp với thực tiễn, thực hiện nhiều giải pháp về quản lý, kỹ thuật... nhằm thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao;
- Trong năm 2015 không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan.

### **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc. Do đó, BKS có điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Trong năm 2015, BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

### Một số hoạt động khác

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thực hiện kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ; thực hiện cơ chế, chính sách bán hàng; quản lý vật tư, hàng hóa, thành phẩm, công nợ, chi phí và đầu tư tại Công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành xem xét;
- Phối hợp với Phòng Kế toán – Tài chính, Phòng Nhân sự - Hành chính, Phòng Thiết bị - Công nghệ tiến hành rà soát các hoạt động liên quan đến chi phí sản xuất, tiền lương, chế độ, chính sách cho người lao động, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu theo từng quý trong năm;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành, giám sát việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành;
- Kiểm tra, thẩm định BCTC quý, 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán;
- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành, cũng như xem xét, kiến nghị Công ty xây dựng, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao trong năm 2015
1	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000 VNĐ
2	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	72.000.000 VNĐ
3	Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	72.000.000 VNĐ
4	Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	72.000.000 VNĐ
5	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	38.400.000 VNĐ
6	Bà Lê Thúy Mai	Trưởng BKS	72.000.000 VNĐ
7	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên BKS	48.000.000 VNĐ
8	Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS	48.000.000 VNĐ
9	Ông Lê Thanh Bình	Phó tổng giám đốc	33.600.000 VNĐ
10	Bà Võ Thị Diễm Hằng	Thư ký Công ty	38.400.000 VNĐ

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm có 01 giao dịch của người có liên quan đến Thành viên Ban Kiểm soát. Chi tiết như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Bà Nguyễn Kim Thảo Vân	Vợ thành viên Ban Kiểm soát	30.000	0,068%	25.000	0,057%	Bán

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2015, Công ty có thực hiện một số giao dịch với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành:

	Mối quan hệ	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VND	1.492.390.804	0
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, tài sản				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VND	24.499.465.000	41.516.748.000

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi trở thành Công ty đại chúng đến nay, dù mới tham gia thị trường chứng khoán Việt nam hơn 01 năm nhưng Công ty đã nhanh chóng cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đã được kiểm toán)*



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	1-2
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	3
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8-33

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: số 22, đường Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/7/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã tham gia điều hành trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông: Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Hữu Thọ	Ủy viên
Ông: Phạm Thanh Tùng	Ủy viên
Ông: Trịnh Tuấn Minh	Ủy viên
Ông: Lê Thanh Bình	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 07/04/2015)
Ông: Lê Phương Đông	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 07/04/2015)

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
Ông: Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 22/04/2015)

##### Ban Kiểm soát

Bà: Lê Thúy Mai	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông: Lê Tùng Lâm	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

22  
CỔ  
ĐẠI  
HỘI  
VIỆT  
NAM  
/12/15  
/H

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: số 22, đường Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc*



**Nguyễn Hữu Thọ**

**Tổng Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016*

51  
N  
NHIỆ  
: T  
1 Đ  
: T  
: U



Số 1286/BCKT-TC/AVA-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/02/2016, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



**Ngô Quang Tiến**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số 0448-2014-126-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Sơn Thanh**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN số 0591-2014-126-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>808.401.499.127</b>	<b>642.699.861.037</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>296.640.280.679</b>	<b>261.018.870.934</b>
1. Tiền	111		106.640.280.679	51.083.605.934
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	209.935.265.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>550.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		550.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>223.818.868.366</b>	<b>139.139.305.829</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	210.483.893.202	123.910.067.634
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	8.146.115.408	3.371.732.152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	5.982.502.725	12.112.456.037
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(793.642.969)	(254.949.994)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>257.414.886.712</b>	<b>227.001.875.830</b>
1. Hàng tồn kho	141		270.258.962.329	228.001.639.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(12.844.075.617)	(999.764.109)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.977.463.370</b>	<b>15.539.808.444</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	946.269.270	328.909.948
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.287.676.305	13.845.975.713
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	743.517.795	1.364.922.783
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.278.603.874</b>	<b>330.346.650.235</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.805.910.650</b>	<b>2.596.835.079</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.805.910.650	2.596.835.079
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>171.058.580.387</b>	<b>269.767.537.620</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	170.675.520.665	269.384.204.287
- Nguyên giá	222		897.637.819.810	881.024.288.524
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(726.962.299.145)	(611.640.084.237)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	383.059.722	383.333.333
- Nguyên giá	228		1.557.828.875	1.436.128.875
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.174.769.153)	(1.052.795.542)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>4.306.383.346</b>	<b>6.760.713.987</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.306.383.346	6.760.713.987
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.107.729.491</b>	<b>51.221.563.549</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	26.089.564.669	51.134.359.348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	18.164.822	87.204.201
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.011.680.103.001</b>	<b>973.046.511.272</b>



Mẫu số B01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>388.234.666.044</b>	<b>352.293.723.818</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>386.143.270.025</b>	<b>341.742.299.334</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	75.852.648.225	52.804.239.868
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.071.280.077	340.292.009
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	25.142.656.595	38.283.539.413
4. Phải trả người lao động	314		50.978.703.505	64.479.061.699
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.065.139.738	1.914.664.124
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.791.952.166	2.341.324.634
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	208.234.796.034	163.894.912.087
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.006.093.685	17.684.265.500
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.091.396.019</b>	<b>10.551.424.484</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	2.091.396.019	10.551.424.484
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>623.445.436.957</b>	<b>620.752.787.454</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>623.445.436.957</b>	<b>620.752.787.454</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	9.506.484	9.506.484
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.17	22.951.530.000	22.951.530.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.17, 18	(25.413.193.278)	(27.412.396.327)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	11.342.328.177	797.969.882
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.17	5.272.179.147	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	128.687.924.419	141.366.754.761
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.259.906.953	2.792.387.649
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.428.017.466	138.574.367.112
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.595.162.008	41.039.422.654
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.011.680.103.001</b>	<b>973.046.511.272</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Diệp

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thọ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.546.380.672.297	1.550.908.548.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.546.380.672.297	1.550.908.548.442
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.201.955.189.712	1.185.359.800.144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		344.425.482.586	365.548.748.298
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.624.420.909	6.892.401.256
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.596.176.317	16.107.911.877
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.349.869.203	15.279.798.757
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	68.256.881.726	56.986.560.925
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	66.637.427.535	93.585.976.338
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210.559.417.917	205.760.700.414
12. Thu nhập khác	31	VI.5	327.329.204	409.377.881
13. Chi phí khác	32	VI.6	14.400.031.897	86.175.804
14. Lợi nhuận khác	40		(14.072.702.693)	323.202.077
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		196.486.715.224	206.083.902.491
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	46.161.017.500	49.616.248.486
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	69.039.379	(84.200.523)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		150.256.658.345	156.551.854.528
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		133.370.831.600	138.583.378.144
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.885.826.745	17.968.476.384
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.017	3.135
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hằng



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Hữu Thọ



Mẫu số B03-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		196.486.715.224	206.083.902.491
2. Điều chỉnh cho các khoản			125.638.138.379	128.217.870.312
- Khấu hao tài sản cố định	02		115.843.731.519	116.605.390.954
- Các khoản dự phòng	03		12.383.004.483	559.660.269
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(693.953.204)	(11.151.388)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.244.513.622)	(5.935.605.391)
- Chi phí lãi vay	06		7.349.869.203	15.279.798.757
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	1.719.777.111
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		322.124.853.602	334.301.772.803
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(98.247.626.687)	27.175.356.625
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.257.322.390)	73.330.473.152
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		5.457.747.255	5.548.016.636
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24.427.435.357	9.618.867.734
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.406.963.693)	(15.032.614.157)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.914.616.485)	(37.348.913.990)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		128.391.410	162.137.259.069
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.824.301.394)	(83.333.727.836)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		143.487.596.976	476.396.490.036
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(19.067.694.286)	(39.670.870.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	56.363.636
3. Tiền chi c.vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	(131.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.000.000.000	131.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.939.029.037	5.935.605.391
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(11.128.665.249)	(33.678.901.419)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	478.152.402.130	549.972.428.452
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(441.941.168.386)	(632.765.500.670)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(133.025.127.600)	(98.916.796.853)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(96.813.893.856)	(181.709.869.071)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		35.545.037.871	261.007.719.546
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		261.018.870.934	-
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		76.371.874	11.151.388
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		296.640.280.679	261.018.870.934

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc Diệp

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Hữu Thọ



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2015*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/7/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 8) ngày 02/01/2014, vốn điều lệ của Công ty là: 442.000.000.000 VND (Bốn trăm bốn mươi hai tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 22, Lý Tự Trọng, Phường. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy chuyên dụng khác; Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Gia công, chế tạo lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp nước thải công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện, luyện kim đúc);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế khác; Chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp nước thải công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện, luyện kim đúc);
- Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xỉ mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Sản xuất các sản phẩm Hóa chất và kinh doanh hóa chất.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Ngoài sự kiện Mô Bô xít Bảo Lộc đã dừng hoạt động sản xuất và chờ quyết định trả mỏ cho Nhà nước và Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam (Nhà máy Tân Bình) đã được quyết định dừng sản xuất sản phẩm hóa chất nhưng vẫn tiến hành kinh doanh thương mại theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty từ năm 2014 (từ ngày 19/11/2014), trong năm tài chính 2015 hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.



### Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh</u>
Công ty cổ phần phốt pho Việt Nam - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ - Quyền biểu quyết của công ty mẹ	KCN Tăng Loong, Lào Cai	Sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng 65,05% 65,05%
<u>Các đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh</u>
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Khu CN Biên Hòa - Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh hóa chất
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Khu CN Biên Hòa - Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh hóa chất
Nhà máy Hóa chất Tân Bình II	Khu CN Biên Hòa - Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh hóa chất
Chi nhánh Công ty CP HCCB Miền Nam	TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh hóa chất
Mỏ Bauxit Bào Lộc	Lâm Đồng	Khai thác Bauxit (đang tạm dừng HĐ)
Văn phòng Công ty	TP.Hồ Chí Minh	Quản lý, kinh doanh hóa chất

### Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Báo cáo được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh. Tuy nhiên, như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu hay mã số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.



### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các nghiệp vụ luân chuyển và số dư nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



## **Các khoản đầu tư tài chính**

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **Tài sản cố định và khấu hao**

### ***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	04 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm



#### *Tài sản cố định vô hình và khấu hao*

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao được tính từ 03 - 05 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Đối với giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty phát sinh quá trình cổ phần hóa được phân bổ theo qui định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thời gian phân bổ không quá 3 năm (qui định trước đây là không quá 10 năm).

Các khoản chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Chênh lệch đánh giá lại tài sản**

Tại ngày 31/12/2015, chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty thể hiện các điều chỉnh tăng/giảm giá trị đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính theo qui định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Đây là giá trị chênh lệch phát sinh giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần sở hữu của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con.

#### **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



### **Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **Ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015	01/01/2015
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
<i>Tiền</i>	<i>106.640.280.679</i>	<i>51.083.605.934</i>
Tiền mặt tại quỹ	2.037.981.465	1.801.977.435
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104.602.299.214	49.281.628.499
Tiền đang chuyển	-	-
<i>Các khoản tương đương tiền (*)</i>	<i>190.000.000.000</i>	<i>209.935.265.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>296.640.280.679</b>	<b>261.018.870.934</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2015		01/01/2015	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
- <i>Ngắn hạn</i>	<i>550.000.000</i>	<i>550.000.000</i>	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	550.000.000	550.000.000	-	-
+ Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
- <i>Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Phải thu khách hàng**

<u>Đối tượng</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>210.483.893.202</b>	<b>123.910.067.634</b>
<i>a1) Phát sinh tại Công ty CP Hóa chất cơ bản miền Nam</i>	<i>118.319.121.634</i>	<i>101.364.725.337</i>
- Công ty Ajinomoto Việt Nam	7.071.831.422	7.428.178.892
- NM Super Phốt phát Long Thành - Cty CP Phân bón MN	-	4.012.272.000
- Công ty CP Vận tải và Dịch vụ TM hóa chất Supe Lâm Thao	4.102.680.450	2.148.630.000
- Công ty TNHH Phúc An Yên Bình	1.077.385.950	1.077.385.950
- PT Unilever Indonesia TBK	1.984.580.000	-
- Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Aureole Mitani	5.572.365.810	5.939.611.720
- Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	10.526.492.680	10.007.090.828
- Công ty TNHH Procter & Gamble Đông Dương	4.895.424.600	4.497.226.770
- Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Kim Nguyên	6.271.591.700	2.742.658.600
- Công ty cổ phần Bột giặt Net	1.950.000.800	1.970.144.000
- Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.321.593.442	2.269.747.907
- Công ty cổ phần Phân bón và hóa chất Cần Thơ	1.730.889.442	2.269.972.540
- Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	5.472.514.300	1.887.507.250
- Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị TP HCM	1.235.652.000	502.736.850
- Công ty TNHH Uihwa Vietnam	1.519.505.680	2.687.543.430
- CN Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn - NM nước Thủ Đức	1.804.021.560	2.384.967.420
- Chi nhánh TCTy cấp nước SG - NM nước Tân Hiệp	3.091.244.530	1.780.515.000
- Công ty TNHH Trang Bình	2.190.298.000	477.167.700
- Công ty TNHH Hóa chất và thiết bị Thiên phú	2.146.894.200	1.962.013.460
- Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước Thành phố	1.978.092.710	-
- CN Tổng cty CP Bia rượu NGK Sài Gòn - NM Bia Sài Gòn Củ Chi	1.243.411.950	792.479.600
- Công ty TNHH MTV - Tổng công ty phát điện 3	1.121.830.600	1.142.504.000
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mô Nam Bộ-MICCO	2.408.455.280	-
- Công ty Lautan Luas Việt Nam	3.443.492.800	1.590.004.845
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trung Lê	1.509.011.370	2.687.356.670
- Khách hàng khác (hơn 300 khách hàng)	41.132.860.358	38.018.009.905



*(Phải thu khách hàng - Tiếp theo)*

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>a2) Phát sinh tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam</b>	<b>92.164.771.568</b>	<b>22.545.342.297</b>
- Công ty Cổ Phần Victory	24.499.200.000	-
- Kuming Taijin commercial & Trade Co., Ltd	60.259.302.200	16.830.157.200
- Các khách hàng khác	7.406.269.368	5.715.185.097
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng (*)</b>	<b>210.483.893.202</b>	<b>123.910.067.634</b>

**(\*) Trong đó:**

- Phải thu khách hàng là các bên có liên quan: Thông tin xem tại thuyết minh số VIII.02

- Nợ xấu (các khoản phải thu quá hạn), bao gồm:

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi (khó đòi)</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi (khó đòi)</b>
Cty TNHH Phúc an Yên Bình	1.077.385.950	1.077.385.950	1.077.385.950	1.077.385.950
Cty Cổ phần VITALY	59.699.994	59.699.994	59.699.994	59.699.994
Cty TNHH Fritta Việt Nam	195.250.000	195.250.000	195.250.000	195.250.000
<b>Cộng</b>	<b>1.332.335.944</b>	<b>1.332.335.944</b>	<b>1.332.335.944</b>	<b>1.332.335.944</b>

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng giá trị trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ xấu nêu trên là: 793.642.969 đồng. Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc Công ty thì các khoản công nợ trên là khó đòi và đã được trích lập dự phòng theo qui định nhưng vẫn có khả năng thu hồi được.

**4. Trả trước người bán**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>8.146.115.408</b>	<b>3.371.732.152</b>
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt	361.031.900	243.814.900
- Franco Pacific Petroleum Co., Ltd	-	400.429.224
- Công ty TNHH Thương mại DV Xây dựng Âu Mỹ	406.890.000	311.960.000
- Sibsulfur co., Ltd	1.167.645.931	-
- Swiss Singapore Overseas Enterprises Pte Ltd	4.791.860.436	-
- Ishan International PVT.LTD	415.678.500	-
- Người bán khác	1.003.008.641	2.415.528.028
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.146.115.408</b>	<b>3.371.732.152</b>

**5. Phải thu khác**

	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>5.982.502.725</b>	<b>-</b>	<b>12.112.456.037</b>	<b>-</b>
Phải thu về cổ phần hóa	92.698.728	-	92.698.728	-
Phải thu người LĐ (Tạm ứng)	168.800.000	-	182.000.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	349.530.000	-	88.459.000	-
Phải thu BQLDA KCN Tăng Lông	1.969.773.000	-	2.019.150.000	-
Phải thu về thuế GTGT đề nghị hoàn	-	-	5.363.246.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.401.700.997	-	4.366.902.309	-
<b>b, Dài hạn</b>	<b>1.805.910.650</b>	<b>-</b>	<b>2.596.835.079</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	1.805.910.650	-	2.596.835.079	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.788.413.375</b>	<b>-</b>	<b>14.709.291.116</b>	<b>-</b>



**6 . Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	144.474.651.916	777.953.294	130.875.427.162	68.253.851
Công cụ, dụng cụ	1.153.367.961	-	831.397.106	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.938.638.422	-	-	-
Thành phẩm	114.692.304.030	12.066.122.323	96.294.815.671	931.510.258
Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>270.258.962.329</b>	<b>12.844.075.617</b>	<b>228.001.639.939</b>	<b>999.764.109</b>

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015 là: 257.414.886.712 đồng;
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 20 tỷ đồng;
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày 31/12/2015, cụ thể như sau:

<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Bột nhôm Cty SX (VP)	Tấn	133,260	894.717.148	(894.717.148)
- Quặng (mỏ Bảo Lộc)	Tấn	54.476,096	25.716.522.807	(11.171.405.175)
- Bột nhôm TQ (VP cty)	Tấn	416,770	3.199.363.589	(654.400.168)
- H2SO4 (Chi nhánh)	Tấn	21,920	33.319.157	(33.319.157)
- Dầu FO IS (Chi nhánh)	Lít	14.100,000	195.888.269	(88.996.169)
- NVL khác (NM B.Hòa)		18,000	1.237.800	(1.237.800)
<b>Cộng</b>			<b>30.041.048.770</b>	<b>(12.844.075.617)</b>

Lý do dẫn đến việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc của nó.

**7 . Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	197.257.150.913	645.801.857.993	23.040.696.673	14.924.582.945	881.024.288.524
Số tăng trong năm	2.620.582.967	22.703.709.577	3.194.338.962	568.324.199	29.086.955.705
- Mua trong năm	-	203.600.000	1.435.201.818	168.922.728	1.807.724.546
- ĐT XDCB hoàn thành	2.392.622.092	12.442.748.905	-	399.401.471	15.234.772.468
- Tăng khác	227.960.875	10.057.360.672	1.759.137.144	-	12.044.458.691
Số giảm trong năm	-	2.386.641.019	1.132.554.625	8.954.228.775	12.473.424.419
- Giảm khác	-	2.386.641.019	1.132.554.625	8.954.228.775	12.473.424.419
Số dư cuối năm	199.877.733.880	666.118.926.551	25.102.481.010	6.538.678.369	897.637.819.810
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	128.245.828.910	462.929.319.595	11.294.642.546	9.170.293.186	611.640.084.237
Số tăng trong năm	26.346.399.228	91.654.941.707	4.912.271.885	893.724.671	123.807.337.491
- Khấu hao trong năm	26.308.827.879	84.993.804.349	3.531.543.916	893.724.671	115.727.900.815
- Tăng khác	37.571.349	6.661.137.358	1.380.727.969	-	8.079.436.676
Số giảm trong năm	-	1.823.985.225	962.652.002	5.698.485.356	8.485.122.583
- Giảm khác	-	1.823.985.225	962.652.002	5.698.485.356	8.485.122.583
Số dư cuối năm	154.592.228.138	552.760.276.077	15.244.262.429	4.365.532.501	726.962.299.145
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	69.011.322.003	182.872.538.398	11.746.054.127	5.754.289.759	269.384.204.287
Tại ngày cuối năm	45.285.505.742	113.358.650.474	9.858.218.581	2.173.145.868	170.675.520.665

(Tăng khác, giảm khác trong năm: Là do phân loại lại tài sản cho phù hợp với tính chất của tài sản)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản cho vay:	35.257.539.031	đồng.
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:	2.586.343.234	đồng.
Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	143.021.327.431	đồng.



**8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	436.128.875	1.000.000.000	<b>1.436.128.875</b>
Số tăng trong năm	121.700.000	-	<b>121.700.000</b>
- Mua trong năm	121.700.000	-	<b>121.700.000</b>
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	557.828.875	1.000.000.000	<b>1.557.828.875</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	436.128.875	616.666.667	<b>1.052.795.542</b>
Số tăng trong năm	21.973.611	100.000.000	<b>121.973.611</b>
- Khấu hao trong năm	21.973.611	100.000.000	<b>121.973.611</b>
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	458.102.486	716.666.667	<b>1.174.769.153</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	383.333.333	<b>383.333.333</b>
Tại ngày cuối kỳ	99.726.389	283.333.333	<b>383.059.722</b>

**9 . Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>946.269.270</b>	<b>328.909.948</b>
- Chi phí bảo hiểm	946.269.270	307.351.699
- Chi phí trả trước khác	-	21.558.249
<b>b, Dài hạn</b>	<b>26.089.564.669</b>	<b>51.134.359.348</b>
- Công cụ dụng cụ	300.663.017	645.565.625
- Giá trị lợi thế doanh nghiệp	18.939.838.337	37.879.676.673
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	4.157.314.439	8.314.628.876
- Chi phí sửa chữa tài sản	266.323.408	309.536.657
- Chất xúc tác V2O5, dầu DO (để sản xuất tại NM Tân Bình 2)	2.409.425.468	3.866.196.517
- Chi phí trả trước dài hạn khác	16.000.000	118.755.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.035.833.939</b>	<b>51.463.269.296</b>

**10 . Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4.306.383.346</b>	<b>6.760.713.987</b>
- Mua sắm	4.246.383.346	3.237.934.913
+ Mua sắm thiết bị lẻ	1.008.448.433	-
+ Chi phí mua nhà văn phòng giao dịch, nhà khách (*)	3.237.934.913	3.237.934.913
- Xây dựng cơ bản dở dang	60.000.000	-
+ Dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa	60.000.000	-
- Sửa chữa	-	3.522.779.074
<b>Cộng</b>	<b>4.306.383.346</b>	<b>6.760.713.987</b>

(\*) Là khoản chi phí đầu tư mua nhà xây thô chưa hoàn thiện của Công ty Cổ phần Bitexco với mục đích làm nhà văn phòng giao dịch và nhà khách của Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam đã nhận bàn giao nhà xây thô nhưng chưa hoàn thiện, do đó chưa được đưa vào sử dụng.



**11 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

- Tài sản thuế TN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

	31/12/2015	01/01/2015
	18.164.822	87.204.201

**12 . Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>75.852.648.225</b>	<b>75.852.648.225</b>	<b>52.804.239.868</b>	<b>52.804.239.868</b>
<b>a1) Tại Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam</b>	<b>25.284.999.244</b>	<b>25.284.999.244</b>	<b>34.192.656.392</b>	<b>34.192.656.392</b>
- Cti Future Corporation	12.571.269.774	12.571.269.774	-	-
- Jakhau Salt Company Pvt Ltd	-	-	26.403.468.750	26.403.468.750
- Hợp tác xã vận tải số 9	3.086.861.061	3.086.861.061	1.011.700.626	1.011.700.626
- Ishan International PVT.LTD	-	-	1.358.255.520	1.358.255.520
- DNTN Muối và TM Hải Việt	-	-	79.359.600	79.359.600
- Khách hàng khác	9.626.868.409	9.626.868.409	5.339.871.896	5.339.871.896
<b>a2) Công ty CP Phốt pho VN</b>	<b>50.567.648.981</b>	<b>50.567.648.981</b>	<b>18.611.583.476</b>	<b>18.611.583.476</b>
- Công ty Cổ Phần Victory	8.251.097.470	8.251.097.470	-	-
- Cty TNHH & TM Đại Phát	73.797.900	73.797.900	1.209.049.380	1.209.049.380
- Cty TNHH MTV Apatit VN	38.197.883.470	38.197.883.470	15.381.263.908	15.381.263.908
- Nhà cung cấp khác	4.044.870.141	4.044.870.141	2.021.270.188	2.021.270.188
<b>b) Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng (*)</b>	<b>75.852.648.225</b>	<b>75.852.648.225</b>	<b>52.804.239.868</b>	<b>52.804.239.868</b>

(\*) Trong đó, phải trả người bán là các bên có liên quan: Thông tin xem tại thuyết minh số VIII.02

**13 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2015
<b>a) Các khoản phải nộp</b>	<b>25.142.656.595</b>	<b>260.698.312.112</b>	<b>273.839.194.930</b>	<b>38.283.539.413</b>
Thuế GTGT phải nộp	4.879.806.049	177.031.297.160	176.168.058.215	4.016.567.104
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	24.113.381.338	32.618.609.581	8.505.228.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.052.395.253	47.742.177.961	51.914.616.485	21.224.833.777
Thuế thu nhập cá nhân	2.610.455.293	8.471.867.126	7.753.232.050	1.891.820.217
Thuế tài nguyên	-	403.560	403.560	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	600.000.000	2.495.080.724	1.895.080.724	-
Thuế bảo vệ MT và các thuế khác	-	79.569.765	2.724.659.837	2.645.090.072
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	764.534.478	764.534.478	-
<b>b) Các khoản phải thu</b>	<b>743.517.795</b>	<b>3.335.610.259</b>	<b>2.714.205.271</b>	<b>1.364.922.783</b>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	170.569.619	254.841.577	-	425.411.196
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	495.244.260	-	495.244.260
Thuế thu nhập cá nhân	572.948.176	2.585.524.422	2.714.205.271	444.267.327

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2015	01/01/2015
<b>14 . Chi phí phải trả</b>		
<i>a, Ngắn hạn</i>	<b>7.065.139.738</b>	<b>1.914.664.124</b>
Văn phòng Công ty	<b>1.922.638.035</b>	<b>255.839.537</b>
Chi phí lãi vay phải trả	292.580.786	255.839.537
Chi phí vận chuyển, bốc xếp...	793.318.530	-
Chi phí phải trả khác	836.738.719	-
<b>Nhà máy Hóa chất Biên Hòa</b>	<b>516.149.391</b>	<b>-</b>
Chi phí vận chuyển, xử lý bùn và chất thải, phí bốc xếp...	204.307.318	-
Chi phí phải trả khác	311.842.073	-
<b>Chi nhánh</b>	<b>-</b>	<b>49.172.000</b>
Chi phí phải trả khác (Xăng xe, cơm trưa, bồi dưỡng độc hại...)	-	49.172.000
<b>Công ty CP Phốt pho Việt Nam</b>	<b>4.626.352.312</b>	<b>1.609.652.587</b>
Chi phí lãi vay phải trả	17.838.994	38.192.235
Trích trước tiền điện	4.535.786.045	1.501.460.352
Chi phí phải trả khác	72.727.273	70.000.000
<i>b) Dài hạn</i>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.065.139.738</b>	<b>1.914.664.124</b>

	31/12/2015	01/01/2015
<b>15 . Phải trả khác</b>		
<i>a, Ngắn hạn</i>	<b>1.791.952.166</b>	<b>2.341.324.634</b>
- Kinh phí công đoàn	461.797.142	462.983.942
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	103.963.306	185.515.418
- Nhận ký quỹ, ký cược	403.885.189	888.943.720
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	822.306.529	803.558.780
+ Phải trả về cổ tức	76.751.600	-
+ Thuế TNCN tạm thu	745.490.947	-
+ Phải trả phải nộp khác	63.982	803.558.780
- Tạm ứng	-	322.774
- Phải trả khác	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.791.952.166</b>	<b>2.341.324.634</b>



**16 . Vay và nợ thuê tài chính**

Nội dung	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuê TC ngắn hạn</b>	<b>208.234.796.034</b>	<b>208.234.796.034</b>	<b>487.193.223.684</b>	<b>442.853.339.737</b>	<b>163.894.912.087</b>	<b>163.894.912.087</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>199.774.767.569</i>	<i>199.774.767.569</i>	<i>478.733.195.219</i>	<i>430.622.339.737</i>	<i>151.663.912.087</i>	<i>151.663.912.087</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN TP. HCM (1)	106.783.036.061	106.783.036.061	182.119.280.921	116.701.807.640	41.365.562.780	41.365.562.780
Ngân hàng HSBC (USD)	-	-	-	16.715.150.126	16.715.150.126	16.715.150.126
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	-	-	13.142.208.913	26.072.715.513	12.930.506.600	12.930.506.600
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (2)	25.400.191.400	25.400.191.400	36.655.348.500	21.438.720.953	10.183.563.853	10.183.563.853
Ngân hàng TMCP Công thương VN (3)	31.251.575.140	31.251.575.140	125.556.058.700	127.511.743.950	33.207.260.390	33.207.260.390
- Vay VND - CN TP. HCM (3.1)	10.168.876.300	10.168.876.300	24.101.163.616	29.832.773.016	15.900.485.700	15.900.485.700
- Vay USD - CN Lào Cai (3.2)	21.082.698.840	21.082.698.840	101.454.895.084	97.678.970.934	17.306.774.690	17.306.774.690
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Lào Cai (USD)	-	-	-	1.039.193.084	1.039.193.084	1.039.193.084
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Lào Cai (USD) (4)	15.045.450.000	15.045.450.000	25.446.626.000	10.401.176.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Lào Cai (USD) (5)	16.052.625.000	16.052.625.000	76.646.287.899	88.483.817.495	27.890.154.596	27.890.154.596
Vay cán bộ công nhân viên Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam (6)	5.241.889.968	5.241.889.968	19.167.384.286	22.258.014.976	8.332.520.658	8.332.520.658
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8.460.028.465</b>	<b>8.460.028.465</b>	<b>8.460.028.465</b>	<b>12.231.000.000</b>	<b>12.231.000.000</b>	<b>12.231.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN TP. HCM (7)	8.460.028.465	8.460.028.465	8.460.028.465	12.231.000.000	12.231.000.000	12.231.000.000
<b>b) Vay và nợ thuê TC dài hạn</b>	<b>2.091.396.019</b>	<b>2.091.396.019</b>	<b>-</b>	<b>8.460.028.465</b>	<b>10.551.424.484</b>	<b>10.551.424.484</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN TP. HCM (7)	2.091.396.019	2.091.396.019	-	8.460.028.465	10.551.424.484	10.551.424.484
<b>Cộng</b>	<b>210.326.192.053</b>	<b>210.326.192.053</b>	<b>487.193.223.684</b>	<b>451.313.368.202</b>	<b>174.446.336.571</b>	<b>174.446.336.571</b>

**c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay**

- (1) *Dư nợ vay tại 31/12/2015 là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93332/HĐTD ngày 01/07/2015, lãi suất vay (bao gồm cả lãi suất quá hạn) theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động/bảo lãnh/mở L/C để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất tại 31/12/2015 là 4,6%/năm.*
- (2) *Dư nợ tại 31/12/2015 là khoản vay của 04 khế ước vay số 506110000013852 ngày 29/9/2015, số 600880010003695 ngày 20/10/2015, số 506110000014121 ngày 09/11/2015, số 506110000014220 ngày 24/11/2015 của Hợp đồng HCM/2012/016/TTTD ngày 25/06/2012, hạn mức vay là 50 tỷ đồng, kỳ hạn vay không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ, mục đích vay: thanh toán tiền điện, thanh toán LC và mua AL(OH)3, lãi suất (bao gồm cả lãi suất quá hạn) quy định cụ thể trong các giấy nhận nợ, lãi suất tại 31/12/2015 là từ 5,08% - 5,45%/năm.*
- (3.1) *Dư nợ tại 31/12/2015 là khoản vay của 02 khế ước vay số 217110006303457 ngày 10/11/2015 và số 217110006361248 ngày 01/12/2015 của Hợp đồng tín dụng số 15.2370028/2015-HĐTDHM/NHCT900-HOACHATMIENNAM ngày 04/09/2015, hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không được quá 06 tháng, mục đích vay: dùng để thanh toán tiền điện, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 5%/năm, lãi suất tại 31/12/2015 là 5%/năm.*



*(Thuyết minh chi tiết về các khoản vay - Tiếp theo)*

- (3.2) Dư nợ vay tại 31/12/2015 là khoản vay theo Hợp đồng số 01/2015/HĐTDHM/NHCT180-PPVN ngày 06/05/2015. Hạn mức cho vay: 60 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức vay từ 06/5/2015 đến 31/3/2016. Thời hạn vay của từng khoản nhận Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Mục đích vay: sử dụng bổ sung vốn lưu động thực hiện kế hoạch kinh doanh Phốt Pho năm 2015 và cho vay bù đắp phần vốn lưu động đã sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận Nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký đồng là 1,9%/năm (USD), lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất của khoản vay có số dư tại 31/12/2015 từ 1,5% đến 1,7%/năm. Số dư nguyên tệ (USD) tại 31/12/2015 là: 935.346 USD.
- (4) Dư nợ vay ngày 31/12/2015 là khoản vay theo Hợp đồng số 15KH/DN-ĐB/NHHM041 ngày 04/03/2015. Hạn mức cho vay là 20 tỷ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng. Thời hạn vay tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày Bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất của khoản vay có số dư tại 31/12/2015 là 1,8%/năm. Số dư nguyên tệ (USD) tại ngày 31/12/2015 là: 667.500 USD.
- (5) Dư nợ vay tại 31/12/2015 là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 336.14.737.1920288.TD ngày 23/07/2014, hạn mức cho vay: 35 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn 04 tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền điện và tiền quặng Apatit. Tài sản đảm bảo hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa trong kho, không bao gồm hàng đang đi đường, hàng gửi bán với giá trị 20 tỷ đồng. Lãi suất trong hạn được xác định theo từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân, lãi suất của khoản vay có số dư tại 31/12/2015 là từ 1,6 % đến 1,8%/năm. Số dư nguyên tệ (USD) tại 31/12/2015 là: 712.500 USD.
- (6) Đây là khoản vay của cán bộ công nhân viên theo các giấy nhận nợ với lãi suất 6%/năm, từ ngày 07/12/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 5%/năm, kỳ hạn 03 tháng.
- (7) Số dư vay tại 31/12/2015 là của 04 Hợp đồng vay trung và dài hạn, bao gồm:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số: 00310/2011/0000746 ngày 22/7/2011, hạn mức vay 25.560.000.000 đồng, mục đích vay: để thanh toán các chi phí liên quan đến dự án "Đầu tư Bồn chứa Hóa chất nguyên liệu và thành phẩm tại Nhà máy HC Biên Hòa", kỳ hạn vay 60 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất tại thời điểm vay 10,25%/năm, lãi suất tại 31/12/2015 là 10%/năm.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn ngày 24/11/2011, hạn mức vay 15.756.000.000 đồng, mục đích vay: để thanh toán các chi phí liên quan đến dự án "Đầu tư mở rộng Kho bồn chứa Hóa chất tại cảng Gò Dầu A lên 10.000 m<sup>3</sup>, kỳ hạn vay 60 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất tại thời điểm vay 10,25%/năm, lãi suất tại thời điểm 31/12/2015 là 10,25%/năm.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 07-2013/93332/HĐ ngày 29/03/2013, hạn mức vay 16.620.000.000 đồng, mục đích vay: để thanh toán hoặc hoàn vốn ứng trước cho các chi phí liên quan đến dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ 2012 - 2013", kỳ hạn vay 36 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất tại thời điểm vay là 10,25%/năm, tại thời điểm 31/12/2015 là 10%/năm.

Hợp đồng tín dụng số 02/2014/93332/HĐTD ngày 06/05/2014, hạn mức vay 15.800.000.000 đồng, mục đích vay: để thanh toán chi phí đầu tư dự án "Hệ thống chỉnh lưu 500VDC/20kA tại nhà máy Hóa chất Biên Hòa", kỳ hạn vay 36 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất tại thời điểm vay 10,5%/năm, lãi suất tại thời điểm 31/12/2015 là 10%.

**17 . Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Tập đoàn hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	287.310.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	154.690.000.000	154.690.000.000
<b>Cộng</b>	<b>442.000.000.000</b>	<b>442.000.000.000</b>



*(Vốn chủ sở hữu - Tiếp theo)*

<i>Chi tiết vốn góp của một số cổ đông lớn</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Vốn góp của nhà nước			
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>	65,002%	287.310.000.000	287.310.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác			
<i>Vietnam Investment Property Holdings</i>	7,504%	33.167.740.000	33.167.740.000
<i>Các cổ đông khác</i>	27,494%	121.522.260.000	121.522.260.000
<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</i>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		442.000.000.000	442.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		-	-
+ Vốn góp cuối năm		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		114.843.248.400	98.916.796.853
<i>d) Cổ phiếu</i>		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		44.200.000	44.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng		44.200.000	44.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		44.200.000	44.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		44.200.000	44.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		44.200.000	44.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000	10.000
<i>đ) Các quỹ của doanh nghiệp</i>		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Quỹ đầu tư phát triển		11.342.328.177	797.969.882
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.272.179.147	-
<b>18 . Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Chênh lệch do đánh giá khoản đầu tư của Công ty mẹ vào công ty con khi cổ phần hóa		(25.413.193.278)	(27.412.396.327)
Vốn góp của công ty mẹ tại Công ty con		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tại ngày mua (1)</i>		16.393.950.000	16.393.950.000
<i>Giá trị khoản đầu tư tại công ty con trên BCTC công ty mẹ (2)</i>		41.807.143.278	43.806.346.327
<i>Chênh lệch (1) - (2)</i>		<u>(25.413.193.278)</u>	<u>(27.412.396.327)</u>
<b>19 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán</b>		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Ngoại tệ các loại</i>			
- Tiền USD		75.257,51	32.781,67
- Tiền EUR		13,23	23,13

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KD HỢP NHẤT**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.381.492.877.153	1.381.942.665.312
- Doanh thu bán hàng hóa	162.110.614.953	166.164.051.183
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.777.180.191	2.801.831.947
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Cộng (*)</b>	<b>1.546.380.672.297</b>	<b>1.550.908.548.442</b>
 <i>(*) Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
Thông tin về doanh thu đối với các bên liên quan của Công ty: Thuyết minh số VIII.2.		
<b>2 . Giá vốn hàng bán</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.055.551.531.336	1.060.676.067.243
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	134.757.548.315	132.413.366.269
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	302.136.782	865.975.760
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.844.311.508	1.082.078.620
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán (xử lý kiểm kê)	(500.338.229)	(9.677.687.748)
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.201.955.189.712</b>	<b>1.185.359.800.144</b>
<b>3 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.244.513.622	5.935.605.391
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	211.628.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	772.060.702	736.547.525
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.607.846.585	8.620.340
<b>Cộng</b>	<b>11.624.420.909</b>	<b>6.892.401.256</b>
<b>4 . Chi phí tài chính</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	7.349.869.203	15.279.798.757
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	36.088.638
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.332.413.733	648.831.834
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	913.893.381	143.192.648
<b>Cộng</b>	<b>10.596.176.317</b>	<b>16.107.911.877</b>
<b>5 . Thu nhập khác</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Bán phế liệu, phế phẩm	113.649.622	376.939.748
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	91.861.400	2.638.133
- Các khoản thu nhập khác	121.818.182	29.800.000
<b>Cộng</b>	<b>327.329.204</b>	<b>409.377.881</b>
<b>6 . Chi phí khác</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	8.729.348.569	-
Chi phí đền bù hoa màu tại Mô Bôxít Bảo Lộc	4.157.314.437	-
Chi phí phạt khác, chi phí khác	511.511.849	86.175.804
Chi phí truy thu thuế TNDN nộp thay thuế nhà thầu (Ffo)	1.001.857.042	-
<b>Cộng</b>	<b>14.400.031.897</b>	<b>86.175.804</b>



**7 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí, thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	Năm nay	Năm trước
	<b>66.637.427.535</b>	<b>93.585.976.338</b>
	19.947.665.984	25.120.388.617
	1.101.523.211	856.830.336
	18.939.838.336	4.208.852.964
	2.418.482.117	22.044.868.510
	3.901.916.719	2.659.638.867
	6.142.751.794	7.336.614.988
	14.185.249.374	31.358.782.056

**b) Các khoản chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí đóng hàng và vận chuyển
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	<b>68.256.881.726</b>	<b>56.986.560.925</b>
	1.813.149.628	-
	1.804.393.856	2.115.703.750
	8.282.804.656	-
	11.571.773.590	11.923.878.050
	41.182.947.571	37.989.370.025
	3.601.812.425	4.957.609.100

**8 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

- Chi phí giá vốn hàng mua, bán kinh doanh thương mại

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	467.440.578.895	434.501.478.388
	159.976.389.535	167.932.737.466
	115.843.731.521	116.605.390.954
	377.069.619.947	366.559.552.922
	109.982.909.240	84.447.400.257
	<b>1.230.313.229.138</b>	<b>1.170.046.559.987</b>
	134.757.548.315	132.413.366.269,00
	<b>1.365.070.777.453</b>	<b>1.302.459.926.256</b>

**9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại công ty mẹ
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại công ty con
- Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	32.629.476.731	34.975.710.204
	13.531.540.769	14.640.538.282
	<b>46.161.017.500</b>	<b>49.616.248.486</b>

**10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	69.039.379	(84.200.523)
	<b>69.039.379</b>	<b>(84.200.523)</b>

**11 . Cam kết thuê hoạt động**

- Chi phí thuê văn phòng hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm (\*)

- Chi phí thuê đất và phí hạ tầng tại KCN hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả KD trong năm (\*\*)

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	796.363.636	796.363.636
	772.320.870	758.427.128
	<b>1.568.684.506</b>	<b>1.554.790.764</b>

(\*) Hợp đồng thuê nhà số 335/HĐTN-QLKDN-KD ngày 31/12/2013 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam, nội dung hợp đồng: thuê 912,75 m<sup>2</sup> tại số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 73.000.000 đồng/tháng (gồm cả 10% thuế GTGT). Thời hạn thuê là 03 năm tính từ năm 2014.

*(Cam kết thuê hoạt động - Tiếp theo)*

(\*\*) Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa 1 số 08/HĐTĐ/BH1/PL3 ngày 01/8/2007 giữa Công ty Phát triển khu công nghiệp Biên Hòa và Công ty cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam, nội dung hợp đồng: tổng diện tích đất thuê 82.308,9 m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai với giá thuê lại đất (chưa bao gồm thuế GTGT) là: 65.847.120 đồng/năm và phí sử dụng hạ tầng (chưa bao gồm thuế GTGT) là 32.923,56 USD/năm. Thời hạn thuê tính từ 01/7/2001 đến 12/4/2051.

	Năm nay	Năm trước
<b>12 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	133.370.831.600	138.583.378.144
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	44.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.017</b>	<b>3.135</b>

**VII. THÔNG TIN BS CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Năm nay	Năm trước
<b>1 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Số tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường	478.152.402.130	549.972.428.452
Chênh lệch tỷ giá gốc tiền vay trong kỳ	580.793.089	-
<b>Cộng</b>	<b>478.733.195.219</b>	<b>549.972.428.452</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>2 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Số tiền đã thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	441.941.168.386	632.765.500.670
Chênh lệch tỷ giá khi trả gốc tiền vay trong kỳ	912.171.351	-
<b>Cộng</b>	<b>442.853.339.737</b>	<b>632.765.500.670</b>

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**2 . Thông tin về các bên liên quan**

**a) Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên hệ</u>
Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que Hàn	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV DAP-Vinachem	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Chất dẻo	Cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	Cùng Tập đoàn



(Thông tin về các bên liên quan - Tiếp theo)

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan dưới đây

	Mối liên hệ	Năm nay	Năm trước
<b>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	Cùng Tập đoàn	18.969.690.200	16.542.303.200
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		<i>18.969.690.200</i>	<i>16.542.303.200</i>
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Tập đoàn	2.080.764.000	3.706.827.000
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		<i>2.080.764.000</i>	<i>3.706.827.000</i>
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	21.437.575.600	18.822.210.500
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		<i>21.437.575.600</i>	<i>18.822.210.500</i>
Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	10.342.114.550	6.872.628.050
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		<i>10.342.114.550</i>	<i>6.872.628.050</i>
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Cùng Tập đoàn	29.084.649.418	18.361.146.335
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		<i>29.084.649.418</i>	<i>18.361.146.335</i>
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que Hàn	Cùng Tập đoàn	27.820.000	-
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		<i>27.820.000</i>	-
Công ty TNHH MTV DAP-Vinachem	Cùng Tập đoàn	-	9.882.941.900
<i>Bán Hóa chất các loại</i>		-	<i>9.882.941.900</i>
<b>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, tài sản</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Chất dẻo	Cùng Tập đoàn	2.198.823.950	2.372.866.615
<i>Mua vật tư</i>		<i>2.198.823.950</i>	<i>2.372.866.615</i>
Công ty cổ phần CN Hóa chất và Vi sinh	Cùng tập đoàn	346.557.000	229.956.400
<i>Mua vật tư</i>		<i>346.557.000</i>	<i>229.956.400</i>
<b>Giao dịch khác</b>			
Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	Công ty mẹ	75.445.333.000	99.661.529.853
<i>Chuyển lợi nhuận</i>		-	<i>98.916.796.853</i>
<i>Cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức năm 2015</i>		<i>74.700.600.000</i>	-
<i>Phí quản lý sử dụng tài sản KCN Đình Vũ</i>		<i>744.733.000</i>	<i>744.733.000</i>

c) Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
<b>a. Phải thu</b>			
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	Cùng tập đoàn	754.781.280	2.035.046.080
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng tập đoàn	57.226.400	30.861.600
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Cùng tập đoàn	1.950.000.800	1.970.144.000
Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Cùng tập đoàn	1.730.889.160	2.269.972.540
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam		(648.240.516)	4.021.617.600
<b>b. Phải trả</b>			
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Chất dẻo	Cùng tập đoàn	109.560.000	44.913.000
Công ty cổ phần CN Hóa chất và Vi sinh	Cùng tập đoàn	-	49.863.000

d) Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	3.369.742.287	3.483.949.131
Thù lao, các khoản khác	587.000.000	432.800.000
<b>Cộng</b>	<b>3.956.742.287</b>	<b>3.916.749.131</b>



### 3 . Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp hóa chất và kinh doanh sản phẩm hóa chất. Các thông tin trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp hóa chất.

Chỉ tiêu	Năm 2015		
	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	Cộng (hợp nhất)
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.089.708.010.780	456.672.661.517	1.546.380.672.297
2. Doanh thu thuần từ BH của các bộ phận khác	1.089.708.010.780	456.672.661.517	1.546.380.672.297
3. Khấu hao	112.156.181.639	3.687.549.880	115.843.731.519
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.945.717.726	31.425.113.874	133.370.831.600
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	12.546.211.371	6.521.482.915	19.067.694.286
6. Tài sản bộ phận	775.038.104.054	236.641.998.947	1.011.680.103.001
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>775.038.104.054</b>	<b>236.641.998.947</b>	<b>1.011.680.103.001</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	263.656.404.708	124.578.261.336	388.234.666.044
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>263.656.404.708</b>	<b>124.578.261.336</b>	<b>388.234.666.044</b>

### 4 . Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán (giá trị thuần)	
	31/12/2015	01/01/2015
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.640.280.679	261.018.870.934
Phải thu khách hàng, phải thu khác	216.116.865.927	135.679.114.677
Đầu tư ngắn hạn	550.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Các khoản ký quỹ	2.155.440.650	2.685.294.079
<b>Cộng</b>	<b>515.462.587.256</b>	<b>399.383.279.690</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán (giá trị thuần)	
	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả người bán, phải trả khác	77.644.600.391	55.145.564.502
Chi phí phải trả	7.065.139.738	1.914.664.124
Các khoản vay	210.326.192.053	174.446.336.571
Công nợ tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>295.035.932.182</b>	<b>231.506.565.197</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

201  
ÔN  
INH  
VI T  
ME  
T  
YU



Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.640.280.679	-	-	296.640.280.679
Phải thu khách hàng, phải thu khác	216.116.865.927	-	-	216.116.865.927
Đầu tư ngắn hạn	550.000.000	-	-	550.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Các khoản ký quỹ	349.530.000	1.805.910.650	-	2.155.440.650
<b>Cộng</b>	<b>513.656.676.606</b>	<b>1.805.910.650</b>	<b>-</b>	<b>515.462.587.256</b>

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	77.644.600.391	-	-	77.644.600.391
Chi phí phải trả	7.065.139.738	-	-	7.065.139.738
Các khoản vay	208.234.796.034	2.091.396.019	-	210.326.192.053
Công nợ tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>292.944.536.163</b>	<b>2.091.396.019</b>	<b>-</b>	<b>295.035.932.182</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>220.712.140.443</b>	<b>(285.485.369)</b>	<b>-</b>	<b>220.426.655.074</b>
-------------------------------------	------------------------	----------------------	----------	------------------------

Tại ngày 01/01/2015	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.018.870.934	-	-	261.018.870.934
Phải thu khách hàng, phải thu khác	135.679.114.677	-	-	135.679.114.677
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Các khoản ký quỹ	88.459.000	2.596.835.079	-	2.685.294.079
<b>Cộng</b>	<b>396.786.444.611</b>	<b>2.596.835.079</b>	<b>-</b>	<b>399.383.279.690</b>

Tại ngày 01/01/2015	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	55.145.564.502	-	-	55.145.564.502
Chi phí phải trả	1.914.664.124	-	-	1.914.664.124
Các khoản vay	163.894.912.087	10.551.424.484	-	174.446.336.571
Công nợ tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>220.955.140.713</b>	<b>10.551.424.484</b>	<b>-</b>	<b>231.506.565.197</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>175.831.303.898</b>	<b>(7.954.589.405)</b>	<b>-</b>	<b>167.876.714.493</b>
-------------------------------------	------------------------	------------------------	----------	------------------------

Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015, tài sản tài chính của Công ty luôn lớn hơn nợ phải trả tài chính, theo đó cho thấy khả năng tài chính cũng như tính thanh khoản của Công ty tương đối tốt và bền vững.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức độ thấp và hoàn toàn nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Công ty có đầy đủ khả năng để tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính từ các khoản vay ngân hàng để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**5 . Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán Avina-Iafc. Một số số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được điều chỉnh lại trên báo cáo năm nay do có một số sai sót. Ngoài ra, như trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu hay mã số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại và không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này theo qui định của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

**a) Bảng cân đối kế toán**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo kỳ trước	Số điều chỉnh, phân loại lại	Số sau điều chỉnh, phân loại
1. Phải thu ngắn hạn khác (*1)	136	11.548.244.114	564.211.923	12.112.456.037
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước (*1)	153	-	1.364.922.783	1.364.922.783
3. Phải thu dài hạn khác (*2)	216	-	2.596.835.079	2.596.835.079
4. Tài sản dài hạn khác (*2)	268	2.596.835.079	(2.596.835.079)	-
5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (*1)	313	37.413.860.890	869.678.523	38.283.539.413
6. Phải trả ngắn hạn khác (*1)	319	1.552.004.677	789.319.957	2.341.324.634
7. Vốn khác của chủ sở hữu (*3)	414	-	22.951.530.000	22.951.530.000
8. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*3)	416	-	(27.412.396.327)	(27.412.396.327)
9. Quỹ đầu tư phát triển (*3)	418	-	797.969.882	797.969.882
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*3)	421	137.703.858.316	3.662.896.445	141.366.754.761
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	2.792.387.649	2.792.387.649
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	-	138.574.367.112	138.574.367.112

**b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo kỳ trước	Số điều chỉnh, phân loại lại	Số sau điều chỉnh, phân loại
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ (*2)	01	1.565.829.931.436	(14.921.382.994)	1.550.908.548.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (*2)	02	14.921.382.994	(14.921.382.994)	-
- Thuế xuất khẩu		14.921.382.994	(14.921.382.994)	-
3. Thu nhập khác (*3)	31	2.129.154.992	(1.719.777.111)	409.377.881
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN (*3)	60	158.271.631.639	(1.719.777.111)	156.551.854.528
5. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (*3)	61	140.303.155.255	(1.719.777.111)	138.583.378.144
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*3)	70	3.174	(39)	3.135

**c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo kỳ trước	Số điều chỉnh, phân loại lại	Số sau điều chỉnh, phân loại
1. Lợi nhuận trước thuế (*3)	01	207.803.679.602	(1.719.777.111)	206.083.902.491
2. Các khoản điều chỉnh khác	07	-	1.719.777.111	1.719.777.111

*(Thông tin so sánh - Tiếp theo)*

Ghi chú:

(\*1) Số liệu phân loại lại có sự thay đổi là do: (1) báo cáo tài chính năm trước đã bị bù trừ công nợ của một số đối tượng; (2) phân loại lại cho phù hợp với qui định của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;

(\*2) Số liệu được phân loại lại theo qui định của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;

(\*3) Số liệu có sự thay đổi là do điều chỉnh lại số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước cho phù hợp với qui định hiện hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



**Phạm Thị Thu Hằng**

Kế toán trưởng



**Lê Thị Ngọc Diệp**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Hữu Thọ**

HÀNG  
VÀ  
IA  
HÀ



**Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**  
(Không gồm chỉ tiêu: Lợi ích cổ đông thiểu số)

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tăng vốn trong năm</b>	442.000.000.000	9.506.484	161.726.283.985	-	16.988.053.404	35.905.254.799	-	277.352.023.940	2.758.387.119	936.739.509.731
- Chuyển số dư	245.360.686.845	-	138.774.753.985	-	16.190.083.522	35.905.254.799	-	128.852.368.181	2.758.387.119	567.841.534.451
- Lãi trong năm trước (hợp nhất)	-	-	-	-	-	-	-	138.583.378.144	-	138.583.378.144
- K/c nguồn sau cổ phần hóa	193.628.479.425	-	-	-	-	-	-	-	-	193.628.479.425
- Đ.chính QT CPH của TD HCVN	-	9.506.484	-	-	-	-	-	4.221.524.731	-	4.231.031.215
- Tăng do KTNN tại Công ty con	-	-	22.951.530.000	-	-	-	-	3.044.627.068	-	3.044.627.068
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	797.969.882	-	-	2.650.125.816	-	26.399.625.698
- Tăng khác	3.010.833.730	-	-	-	-	-	-	-	-	3.010.833.730
<b>Giảm vốn năm trước</b>	-	-	138.774.753.985	27.412.396.327	16.190.083.522	35.905.254.799	-	135.985.269.179	2.758.387.119	357.026.144.931
- Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	4.622.142.345	-	4.622.142.345
- Nộp về tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	98.916.796.853	-	98.916.796.853
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	19.619.875.000	-	19.619.875.000
- Điều chỉnh theo biên bản KTNN	-	-	-	-	-	-	-	9.914.112.977	-	9.914.112.977
- Kết chuyển nguồn vốn CPH	-	-	138.774.753.985	-	16.190.083.522	35.905.254.799	-	2.912.342.004	2.758.387.119	196.540.821.429
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	27.412.396.327	-	-	-	-	-	27.412.396.327
<b>Số dư cuối năm trước</b>	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(27.412.396.327)	797.969.882	-	-	141.366.754.761	-	579.713.364.800
<b>Tăng vốn trong năm</b>	-	-	-	-	10.544.358.295	-	5.272.179.147	133.370.831.600	-	149.187.369.042
- Lãi trong năm nay (hợp nhất)	-	-	-	-	-	-	-	133.370.831.600	-	133.370.831.600
- Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (từ phân phối LN)	-	-	-	-	10.544.358.295	-	5.272.179.147	-	-	15.816.537.442
<b>Giảm vốn trong năm</b>	-	-	-	(1.999.203.049)	-	-	-	146.049.661.942	-	144.050.458.893
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	30.145.959.513	-	30.145.959.513
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	114.920.000.000	-	114.920.000.000
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	850.994.858	-	850.994.858
- Giảm khác	-	-	-	(1.999.203.049)	-	-	-	132.707.571	-	(1.866.495.478)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	11.342.328.177	-	5.272.179.147	128.687.924.419	-	584.850.274.949



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Hữu Thọ*